

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU VÀ ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI



PHẠM THỊ ĐÀO

**SỬ DỤNG CHẤT LIỆU MÚA KHƠ MÚ
TRÊN SÂN KHẤU HIỆN NAY**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành Nghệ thuật Sân khấu

Hà Nội – 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU VÀ ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI



PHẠM THỊ ĐÀO

**SỬ DỤNG CHẤT LIỆU MÚA KHƠ MÚ
TRÊN SÂN KHẤU HIỆN NAY**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Nghệ thuật Sân khấu

Mã số: 60210222

Người hướng dẫn khoa học:

GS.TS. ĐÀO MẠNH HÙNG

Hà Nội - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “Sử dụng chất liệu múa Khơ Mú trên sân khấu hiện nay” là công trình nghiên cứu của tôi dưới sự hướng dẫn của GS.TS. Đào Mạnh Hùng

Công trình này chưa được công bố và không trùng lặp với bất cứ một công trình nào trước đây.

Những ý kiến tham khảo, tư liệu của các tác giả đều có nguồn gốc chú thích đầy đủ, rõ ràng, cụ thể

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trong luận văn./.

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2016

Người viết luận văn

Phạm Thị Đào

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

- HCV = Huy chương vàng
- NSND = Nghệ sĩ nhân dân
- NSUT = Nghệ sĩ ưu tú
- Nxb = Nhà xuất bản
- PGS = Phó giáo sư
- Tr = Trang
- TS = Tiến sĩ
- VHDT = Văn hóa dân tộc

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	1
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN.....	4
1. Lý do lựa chọn đề tài.....	4
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	6
3. Mục đích nghiên cứu.....	7
4. Đối tượng nghiên cứu	8
5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu.....	8
6. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	8
7. Câu hỏi nghiên cứu	8
8. Phương pháp nghiên cứu	9
9. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn	9
10. Cấu trúc của luận văn.....	10
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ SỬ DỤNG CHẤT LIỆU MÚA KHƠ MÚ TRÊN SÂN KHẤU.....	11
1.1. Khái quát về múa dân gian	11
1.1.1. Khái niệm múa dân gian	11
1.1.2. Một số đặc điểm, giá trị của múa dân gian	12
1.1.3. Vai trò của múa dân gian dân tộc trong đời sống sinh hoạt, văn hóa hiện nay:	16
1.2. Đặc điểm, trang phục, âm nhạc và hệ thống động tác của múa Khơ Mú ở Tây Bắc	18
1.2.1. Đặc điểm múa Khơ Mú:	18
1.2.1.1. Múa gắn với đạo cụ	18
1.2.1.2. Múa sử dụng tư thế chung, nhưng về tư thái có thay đổi:.....	21
1.2.1.3. Các động tác đều phản ánh cuộc sống lao động, nên đều có tính chất khỏe khoắn, sôi động lạc quan.....	22

1.2.1.4. Múa có tính kỹ thuật cao	23
1.2.2. Trang phục múa Khơ Mú:	23
1.2.3. Âm nhạc múa Khơ Mú	28
1.2.4. Hệ thống các động tác.....	32
1.2.4.1. Động tác múa nữ.....	32
1.2.4.2. Động tác múa kết hợp nam nữ.....	38
1.3. Các giá trị của múa Khơ Mú ở Tây Bắc	42
1.3.1. Giá trị xã hội	42
1.3.1.1. Múa tham gia vào mọi sinh hoạt cộng đồng của người Khơ Mú.	42
1.3.1.2. Múa tham gia vào tín ngưỡng, nghi lễ, lễ hội của người Khơ Mú	44
1.3.2. Giá trị văn hóa	47
1.3.3. Giá trị thẩm mỹ.....	49
1.3.4. Giá trị nghệ thuật.....	51
Tiểu kết chương 1.....	53
CHƯƠNG 2: HIỆU QUẢ SỬ DỤNG CHẤT LIỆU MÚA KHƠ MÚ TRÊN SÂN KHẤU HIỆN NAY	54
2.1. Tiêu chí, đặc điểm chất liệu ngôn ngữ múa	54
2.2. Môi trường tồn tại chất liệu múa dân gian Khơ Mú	59
2.3. Cấu tạo tác phẩm múa.....	63
2.4. Một số khuynh hướng ứng dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú trong xây dựng tác phẩm	68
2.4.1. Khuynh hướng sử dụng nguyên dạng chất liệu múa dân gian Khơ Mú...69	
2.4.2. Khuynh hướng sử dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú với tư cách là mô típ chủ đạo	72
2.4.3. Khuynh hướng sử dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú kết hợp với động tác luật động múa cổ điển châu Âu	77

2.5. Một số tác phẩm có ứng dụng chất liệu múa Khơ Mú	81
2.5.1. Tác phẩm múa ngắn.....	81
2.5.2. Múa Khơ Mú trong chương trình lễ hội hiện đại	86
2.6. Thực trạng múa Khơ Mú hiện nay.....	89
2.7. Một số giải pháp bảo tồn và phát triển.....	92
Tiểu kết chương 2.....	96
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	99
TÀI LIỆU THAM KHẢO BẰNG HÌNH ẢNH	102
DANH MỤC TÁC PHẨM MÚA KHƠ MÚ	108

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Khơ Mú là một tộc với dân số 72.929 người, định cư chủ yếu ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Yên Bái, Thanh Hóa, Nghệ An với các tên gọi khác nhau như Kmuj, Kuwm, Mụ - nhóm địa phương: Xá Cầu, Khạ Klau, Mãng Cầu, Tày Hạy, Mứn Xen, Pu Thềnh, Tềnh. Thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khmer (ngữ hệ Nam – Á).

Dân tộc Khơ Mú là một tộc người có từ rất lâu đời với nhiều nét sinh hoạt văn hóa độc đáo. Từ cuộc sống lao động và môi trường sống với những nét văn hóa đặc trưng, người Khơ Mú đã có những điệu múa điển hình như: Múa Cá lượn (Viêng ver guông), múa Ong eo (Tẹ Viêr Guông), Múa đuổi chim (Tẹ Kam Đặt Sim); múa cầu mùa (Te gro); múa mừng nhà mới; múa dũ ống (tăng bu); múa tra hạt.

Dân tộc Khơ Mú đã sáng tạo ra rất nhiều điệu múa khá độc đáo và mang đậm bản sắc của dân tộc mình. Tuy nhiên trong giai đoạn hiện nay giáo trình giảng dạy đối với các trường chuyên nghiệp đào tạo các diễn viên, biên đạo và huấn luyện múa mới chỉ đưa vào điệu múa mừng nhà mới với một số động tác như: đo đất, dậm đất, chẻ lạt, đánh néo, ném tranh, lên cầu thang của dân tộc Khơ Mú vùng Thanh Hóa, Nghệ An; trong khi đó còn rất nhiều điệu múa đặc sắc khác mang đậm nét văn hóa và thẩm mỹ đã được sử dụng trong các lễ hội truyền thống và sinh hoạt của dân tộc Khơ Mú như Cá lượn, Đuổi chim, chọc lỗ, tra hạt của dân tộc Khơ Mú vùng Yên Bái, Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Lào Cai chưa được đưa vào trong giáo trình giảng dạy.

Trên sân khấu biểu diễn, múa Khơ Mú đã được các nghệ sĩ bổ sung thêm một vài điệu múa khác như Cá lượn, mừng măng mọc. Đã có khá nhiều biên đạo múa xây dựng tác phẩm thành công dựa trên chất liệu múa Khơ Mú. Có thể kể đến Xuân về trên bản Khơ Mú của Trần Cải, Vũ điệu Khơ Mú của

Điêu Thúy Hoàn, Mừng gạo mới của Kiều Lê, Những cô gái Khơ Mú của Văn Quang, Những chàng trai Khơ Mú của Lò Minh Khùm. Nhưng thực tế hiện nay, một số biên đạo do thiếu kinh nghiệm sáng tác, thiếu sự tìm hiểu kỹ càng về văn hóa Khơ Mú, về nguồn gốc, mục đích, ý nghĩa và tính chất, đặc điểm của các điệu múa Khơ Mú, nên khi sử dụng chất liệu múa của dân tộc này trong tác phẩm của mình chưa đạt hiệu quả cao như việc lắp ghép chưa phù hợp điệu múa này với điệu múa kia, hoặc “hiện đại hóa” múa dân tộc Khơ Mú đến mức làm mất đi bản sắc vốn có của nó.

Như đã nói ở trên, dân tộc Khơ Mú không chỉ có ở Thanh Hóa, Nghệ An, mà còn tập trung phần lớn ở các vùng Tây Bắc. Trước kia khi nghiên cứu về múa dân tộc Khơ Mú, các nhà nghiên cứu mới chỉ tập trung tìm hiểu một số điệu múa dân tộc Khơ Mú ở các vùng Thanh Hóa chứ chưa có điều kiện nghiên cứu ở khu vực Tây Bắc. (Có thể do khu vực Tây Bắc được tập trung nghiên cứu đại diện các điệu múa của dân tộc Thái, dân tộc H’ Mông). Trong quá trình đi thực tế, các nhà nghiên cứu, nhà biên đạo đã bổ sung thêm những chất liệu múa đặc sắc, hay và lạ của dân tộc Khơ Mú vùng Tây Bắc và lắp ghép vào các chất liệu có sẵn, đã được học một cách tùy tiện. Do đó mang đến những sản phẩm thiếu độ chính xác, chất lượng thấp, không mang tính chuyên nghiệp trong nghệ thuật múa.

Trên sân khấu kịch múa chuyên nghiệp, người viết mới chỉ thấy các biên đạo thường sử dụng một số chất liệu múa của các dân tộc khác như Thái, H’ Mông, mà chưa có tác phẩm kịch múa nào có sử dụng chất liệu múa Khơ Mú. Người viết luận văn rất mong muốn có được tác phẩm kịch múa sử dụng chất liệu múa Khơ Mú.

Đó chính là những lý do học viên muốn chọn đề tài “***Sử dụng chất liệu múa Khơ Mú trên sân khấu hiện nay***” làm nội dung nghiên cứu.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Khơ Mú có những nét văn hóa rất đặc sắc, ấn tượng. Nhưng vì họ là một dân tộc ít người, sống ở những bản nhỏ (bản của người Khơ Mú chỉ khoảng từ 5-7 nhà) lại sống lẫn với người Thái nên không được chú ý nhiều.

Về bài báo, tập ký hoặc khảo cứu có một số bài của Trần Tất Chung viết về Tục làm nhà nhảy của người Khơ Mú, y phục của phụ nữ Khơ Mú ở Nghệ An và một vài nghi lễ trong ăn uống của người Khơ Mú. Một số bài viết khác như:

- “Thoáng gặp Nghĩa Sơn” của Hoàng Việt Quân in trong tập ký “Ngọt ngào quê hương” hay một số bài viết trong khảo cứu “Tìm trong dân gian” cũng của Hoàng Việt Quân và một số bài viết khác mới chỉ nghiên cứu về văn hóa vật chất, phong tục tập quán của người Khơ Mú mà không bàn về múa của người Khơ Mú. Bài viết “Cây đao của người Khơ Mú”, tác giả Tạ Quang Động giới thiệu về cây đao – một dụng cụ lao động đồng thời là một nhạc cụ độc đáo của người Khơ Mú và có nói một chút cây đao đã tham gia vào một số điệu múa như thế nào.

- Về sách có một số cuốn như: “Dân tộc Khơ Mú” ở Việt Nam của Không Diễn (Nxb VHDT, 1999), hay “Văn hóa vật chất người Khơ Mú” ở Việt Nam của Trần Tất Chung (Nxb VHDT, 2005) chỉ nghiên cứu về văn hóa tộc người Khơ Mú mà không có một trang nào nói về múa của người Khơ Mú.

- Các công trình, giáo trình nghiên cứu về múa như: “100 điệu múa truyền thống Việt Nam”, “Múa tín ngưỡng dân gian Việt Nam” của Lê Ngọc Canh, “Múa dân gian các dân tộc Việt Nam” của Lâm Tô Lộc cũng chỉ giới thiệu ngắn gọn, sơ lược một số điệu múa của người Khơ Mú mà không đầy đủ, không chi tiết.

- Một số luận văn thạc sĩ nghệ thuật sân khấu như: “Bảo tồn và phát triển xòe thái Tây Bắc” (2010) của Lê Minh Thu, “Bước đầu tìm hiểu giá trị nghệ thuật múa của tộc người Hơ Mông ở Hà Giang” (2010) của Nguyễn Thị Thanh Mai, “Múa dân gian – cội nguồn của nghệ thuật múa chuyên nghiệp” (2010) của Phùng Quang Minh, “Bảo tồn và phát triển nghệ thuật múa dân gian dân tộc Tày tỉnh Tuyên Quang” (2011) của Hoàng Thùy Linh, “Múa tộc người Banar truyền thống và phát triển” (2011) của Măng Linh Nga, “Múa trong lễ hội dân tộc Chăm” (2013) của Nguyễn Thùy Dương, “Tìm hiểu múa dân gian trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng của tộc người Gia Rai ở tỉnh Gia Lai – Tây Nguyên” (2013) của Đặng Trần Hiếu, “Múa Cơ Tu tỉnh Quảng Nam trong lễ hội hiện đại” (2014) của Dương Ngọc Lai thì họ chỉ nghiên cứu về các điệu múa của các dân tộc như H’Mông, Tày, Banar, Chăm, Cơ Tu, Gia Rai với những đặc điểm, vai trò, các giá trị nghệ thuật múa, phân loại nghệ thuật múa, chỉ ra sự khác nhau của múa truyền thống dân tộc đó với việc ứng dụng nó trong các lĩnh vực sáng tác trên sân khấu hiện đại, đào tạo, nghiên cứu, cuối cùng là một vài giải pháp bảo tồn, kế thừa và phát triển múa dân tộc mà luận văn nghiên cứu.

Như vậy, qua khảo sát và thống kê, ta thấy hiện nay chưa có một công trình nghiên cứu nào chuyên sâu về múa Khor Mú và việc sử dụng chất liệu múa dân gian dân tộc Khor Mú trong xây dựng tác phẩm múa hiện nay.

3. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu, tìm hiểu những đặc điểm và giá trị của múa Khor Mú
- Phân tích, tổng hợp cách sử dụng chất liệu múa Khor Mú trong sáng tác các tiết mục, tác phẩm múa trên sân khấu biểu diễn hiện nay (bao gồm cả chuyên nghiệp và không chuyên), để nhằm phân luồng rõ ràng các điệu múa Khor Mú và nâng cao hiệu quả và chất lượng nghệ thuật múa Khor Mú trên sân khấu hiện nay.

4. Đối tượng nghiên cứu

- Những sáng tạo của các biên đạo múa (chuyên nghiệp và không chuyên) trong cách sử dụng động tác, tuyển đội hình, đạo cụ và âm nhạc của múa Khơ Mú từ dân gian lên sân khấu biểu diễn. Có những sáng tạo chưa khai thác hết được về bản sắc, nội dung và ý nghĩa của điệu múa Khơ Mú, khiến cho tác phẩm không đạt hiệu quả như mong muốn, nhưng cũng có những sáng tạo khiến cho điệu múa Khơ Mú trở lên hay và hấp dẫn hơn.

5. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

Múa Khơ Mú có ở nhiều tỉnh thành trên đất nước ta, trong khuôn khổ của luận văn, người viết chỉ tập trung nghiên cứu một số điệu múa Khơ Mú đặc sắc tại các tỉnh vùng Tây Bắc và cách sử dụng chất liệu múa Khơ Mú của các biên đạo trong sáng tác các tác phẩm múa trên sân khấu hiện nay (chủ yếu là nghiên cứu các động tác, tuyển đội hình, đạo cụ và âm nhạc của múa Khơ Mú).

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến múa Khơ Mú, tổng hợp một cách có hệ thống các điệu múa dân gian dân tộc Khơ Mú ở các tỉnh Yên Bái, Điện Biên, Sơn La (Khu vực Tây Bắc là chủ yếu). Từ đó có những nhận định đánh giá về cách sáng tạo các động tác múa Khơ Mú có ảnh hưởng trong các tác phẩm trên sân khấu hiện nay.

- Nghiên cứu, đánh giá cách sử dụng động tác, tuyển đội hình, đạo cụ và âm nhạc múa Khơ Mú trong sáng tác của một số biên đạo múa trên sân khấu hiện nay. Qua đó có những nhận định khoa học và đề xuất phù hợp nâng cao hiệu quả trong tác phẩm có sử dụng chất liệu múa Khơ Mú trên sân khấu hiện nay.

7. Câu hỏi nghiên cứu

- Những đặc điểm và giá trị cơ bản của múa Khơ Mú?

- Việc sử dụng chất liệu múa Khơ Mú trên sân khấu hiện nay như thế nào?

- Những điệu múa Khơ Mú nào thường được các biên đạo sử dụng trên sân khấu biểu diễn?

- Những tồn tại và thành công trong việc sử dụng chất liệu múa Khơ Mú trên sân khấu hiện nay? Nguyên nhân của những tồn tại này do đâu?

8. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục đích và nhiệm vụ của đề tài, luận văn đã sử dụng các phương pháp sau đây:

- Phương pháp sưu tầm và điền dã
- Phương pháp trao đổi, quay ghi hình các tiết mục múa Khơ Mú
- Phương pháp hệ thống phân loại
- Phương pháp phân tích và tổng hợp, đánh giá
- Phương pháp so sánh, đối chiếu
- Phương pháp nghiên cứu liên ngành

Những phương pháp trên tôi ứng dụng một cách song song, hoặc đan xen, hoặc kết hợp trong quá trình thực hiện luận văn.

9. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

- *Về mặt khoa học*: Luận văn cung cấp các tư liệu tin cậy về thực trạng và hệ thống múa dân gian dân tộc Khơ Mú từ đó đóng góp những luận cứ khoa học cho việc nghiên cứu bảo tồn và phát triển nghệ thuật múa nói riêng và văn hóa nghệ thuật của tộc người Khơ Mú nói chung

- *Về mặt thực tiễn*: Kết quả của luận văn sẽ là tài liệu tham khảo cần thiết đối với các cơ quan, cá nhân đang công tác trong ngành Văn hóa, các trường nghệ thuật, các cơ quan công quyền khu vực Tây Bắc trong việc sáng tác, giảng dạy, hoạch định chủ trương, chính sách liên quan đến bảo tồn, phát

triển nền nghệ thuật múa dân gian dân tộc nói chung và múa Khơ mú nói riêng.

10. Cấu trúc của luận văn

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận văn gồm 2 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về sử dụng chất liệu múa Khơ Mú trên sân khấu

1.1. Khái quát về múa dân gian

1.2. Đặc điểm, trang phục, âm nhạc và hệ thống động tác của múa Khơ Mú ở Tây Bắc

1.3. Các giá trị của múa Khơ Mú ở Tây Bắc

Chương 2: Hiệu quả sử dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú trên sân khấu hiện nay

2.1. Tiêu chí, đặc điểm chất liệu ngôn ngữ múa

2.2. Môi trường tồn tại chất liệu múa dân gian Khơ Mú

2.3. Cấu tạo tác phẩm múa

2.4. Một số khuynh hướng ứng dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú trong xây dựng tác phẩm.

2.5. Một số tác phẩm có ứng dụng chất liệu múa Khơ Mú

2.6. Thực trạng múa Khơ Mú hiện nay

2.7. Một số giải pháp bảo tồn và phát triển.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ SỬ DỤNG CHẤT LIỆU MÚA KHƠ MÚ TRÊN SÂN KHẤU

Trước khi tìm hiểu múa dân gian Khơ Mú chúng tôi sẽ làm rõ nội hàm của múa dân gian. Từ đó làm cơ sở lý luận để phân biệt múa dân gian Khơ Mú đang tồn tại trong đời sống cộng đồng hiện nay. Sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng tác phẩm múa chuyên nghiệp và các lễ hội dân gian hiện đại đã làm khó phân biệt được múa dân gian đích thực hoặc múa do các biên đạo sáng tác. Nên trước khi nghiên cứu múa Khơ Mú chúng tôi muốn khái quát một số đặc điểm cơ bản của múa dân gian từ đó làm cơ sở lý luận để xác định rõ thực chất múa dân gian Khơ Mú ở Tây Bắc.

1.1. Khái quát về múa dân gian

1.1.1. Khái niệm múa dân gian

Giáo sư, tiến sĩ Lâm Tô Lộc cho rằng: “Múa dân gian là một hình thái múa dân tộc do nhân dân chủ yếu là nông dân, sáng tạo theo phương thức: đầu tiên có một người khởi thảo, sau đó những người khác, qua nhiều thế hệ, kế tục công việc hoàn chỉnh điệu múa ấy”. [24, tr.11].

PGS.TS Lê Ngọc Canh khẳng định:

Múa dân gian là hình thái phổ biến lưu truyền trong nhân dân từ đời này qua đời khác, thế hệ này đến thế hệ khác. Múa dân gian được nuôi dưỡng, phát triển, sinh ra từ khối óc, trái tim và bàn tay của nhân dân, nó sống trong nhân dân, tồn tại vĩnh viễn trong nhân dân. Múa dân gian phản ánh những khía cạnh tình cảm tư tưởng, quan điểm thẩm mỹ của nhân dân, được nhân dân yêu thích và tham gia vui múa. Mục đích cao nhất của nó là phục vụ đời sống nhân dân, kích lệ tinh thần hăng say lao động, yêu lao động, yêu tổ quốc, yêu mảnh đất giang sơn của mình. Múa dân gian được xây dựng trên cơ sở tư tưởng nhân đạo, dân chủ,

lòng yêu chính nghĩa, yêu lao động, yêu thiên nhiên, yêu tổ quốc, yêu nhân dân. Vì vậy, nó là một bộ phận tiến bộ nhất, đẹp nhất, tiêu biểu nhất, tinh hoa nhất của nền nghệ thuật múa truyền thống dân tộc [3, tr.63,64].

1.1.2. Một số đặc điểm, giá trị của múa dân gian

Múa dân gian thuộc thành tố của văn hóa dân gian. Trước tiên cần nhận biết múa là một nghệ thuật phản ánh cuộc sống bằng hình thức đặc biệt của nó. Nói đến múa là nói đến điệu bộ, cử chỉ, động tác của con người được cách điệu hóa nghệ thuật. Múa dân gian được nảy sinh và bắt nguồn trong quá trình lao động, thái độ của con người với thiên nhiên và thế giới xung quanh. Những điệu bộ, động tác trong múa dân gian không phải mang nguyên si như cuộc sống vốn có mà nó được quần chúng lựa chọn, điển hình và cách điệu hóa nghệ thuật theo quan điểm thẩm mỹ đương thời. Như vậy múa dân gian không phải là bất biến. Tồn tại trong môi trường sinh hoạt cộng đồng và được cộng đồng bổ sung, điều chỉnh và loại trừ những yếu tố không phù hợp. Chủ thể sáng tạo múa dân gian là nhân dân.

Bất cứ một dân tộc nào, một quốc gia nào, tác giả của múa dân gian cũng chính là nhân dân. Họ vừa là người sáng tạo, vừa thưởng thức. Qua các thế hệ kế tiếp nhau, nghệ thuật múa dân gian phát triển không ngừng. Thế hệ sau kế thừa và phát triển di sản văn hóa múa của thế hệ trước nhằm đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ đương thời. Vì những lý do đó mà múa dân gian được lưu truyền rộng rãi.

Cấu trúc múa dân gian là cấu trúc mở. Nó không bị gò bó giới hạn về mặt thời gian, giới hạn về nguyên tắc luật động, giới hạn về mặt tiết tấu. Cùng một động tác, người múa có thể diễn đạt ở nhiều trạng thái khác nhau. Động tác có thể mở rộng, phát triển tùy theo cảm hứng của mình.

Từng thời kỳ lịch sử, người ta có thể tìm thấy sự giống nhau nào đó trong những động tác múa dân gian. Đặc điểm đó thể hiện tính thời đại. Những chuẩn mực múa dân gian ngày nay có thể khác với ngày xưa. Ví dụ qua khảo cứu, so sánh, có thể nhận biết một số động tác múa của các cô gái Thái, Việt vào đầu thế kỷ XX thường khép nép, kín đáo, đầu gối hơi trùng, cũng những động tác đó, ngày nay không còn gò bó như trước đây nữa.

Múa dân gian là một hình thái múa phổ biến trong nhân dân. Thông qua các điệu múa chúng ta thấy nó mang dấu ấn một cách sinh động cuộc sống lao động, chiến đấu, tình cảm, cách nghĩ và thẩm mỹ của cộng đồng tộc người. Các điều kiện địa lý xã hội, phong tục, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc khác nhau đã tạo ra những phong cách múa khác nhau. Sự khác nhau đó chính là sự thể hiện bản sắc riêng của từng dân tộc.

Những động tác trong lao động được cách điệu nghệ thuật. Sự cách điệu đó không làm giảm đi sự mộc mạc, chân thật, gần với đời sống mà người xem dễ nhận biết. Thậm chí khi xem múa có thể đọc tên được động tác. Ví dụ như dệt vải, chèo đò, đánh cồng, bắn cung.

Múa dân gian gắn với phong tục, lễ nghi. Vùng đồng bào Tây Nguyên một số tộc người như Ba Na, Giarai trong lễ bỏ mả, tục mừng lúa mới, nhà mới ta thấy có múa “xoang”, đó là hiện tượng khá phổ biến. Trong đời sống văn hóa tâm linh có loại múa tín ngưỡng được thể hiện trong các loại nghi lễ. Ví dụ người Việt có múa tín ngưỡng hầu bóng, còn được gọi là múa lên đồng. Đây cũng là hình thái múa dân gian độc đáo trong tín ngưỡng. Loại múa này hình thành, phát triển với quá trình hình thành tục thờ Mẫu và đạo Mẫu ở Việt Nam. Múa Hầu bóng là một thành phần trong chương trình lễ hội và nghi lễ đạo Mẫu. Ngoài ra, người Tày có múa tín ngưỡng then, người Mường có múa mồi.

Như trên đã trình bày, múa dân gian phản ánh cuộc sống lao động của nhân dân. Từ cuộc sống những động tác được cách điệu thành nghệ thuật. Nó không cầu kỳ nhưng toát nên tính chân thực. Cách điệu, ước lệ nhưng không siêu thực, huyền bí, không đồ sộ, lộng lẫy mà bình dị, trong sáng hài hòa, cân đối theo quan điểm của từng dân tộc.

Múa dân gian để lại một kho tàng nghệ thuật múa quý giá. Có thể nói di sản múa dân gian là nền tảng tiêu biểu cho bản sắc văn hóa múa của mỗi tộc người. Múa dân gian có vị trí, ý nghĩa quan trọng trong đời sống văn hóa của các tộc người. Tồn tại và phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa của cộng đồng. Múa dân gian biểu hiện tri thức văn hóa của quần chúng nhân dân, biểu hiện bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời phản ánh sức sáng tạo của nhân dân.

Trong hệ thống các điệu múa dân gian biểu hiện những giá trị thiết thực đối với tình cảm và đời sống con người. Múa dân gian được thể hiện trong các lễ thức. Những động tác, điệu múa của người dân van xin, cầu mong sự che chở phù hộ của các đấng thần linh, trời, phật giúp con người chống thiên tai, thú dữ. Ngoài ra từ xa xưa, bên cạnh những chức năng khác còn có một đặc điểm nữa đó là sự truyền lại kinh nghiệm trong lao động sản xuất, trong săn bắn. Những điệu múa biểu hiện giá trị có ý nghĩa thực dụng giúp con người gần lại với nhau trong mối cộng cảm của cộng đồng. Múa dân gian còn thể hiện những hành vi ứng xử của con người, tạo môi trường không gian để con người đến với nhau. Đặc điểm này thể hiện rất rõ trong sinh hoạt văn hóa dân gian ở làng, bản như “xòe vòng” chẳng hạn. Hoặc có thể thấy rõ hơn trong điệu múa “lăm vông” của dân tộc Lào. Điệu múa đơn giản, không cầu kỳ về cung cách, cấu trúc, nhưng có một sức cuốn hút mạnh mẽ đối với mọi người. Họ có thể nhảy múa với nhau suốt đêm, không phân biệt đẳng cấp, trai, gái, già, trẻ... Một điều có thể khẳng định đó là trong sinh hoạt múa tập thể như vậy công chúng chỉ chấp nhận những thái độ hành vi đạo đức phù hợp

với đạo đức cộng đồng. Chúng tôi rất đồng tình với nhận xét của GS. Lâm Tô Lộc khi tác giả viết: “Trong múa dân gian giá trị đạo đức được hình thành từng bước theo lịch sử tiến hóa của từng dân tộc”. [24, tr35]. Có những điệu múa dân gian như múa Dô (gắn với tục thờ Tản Viên), múa Dậm gắn với tục thờ Lý Thường Kiệt), múa Cờ lau tập trận trong hội Hoa Lư, múa Chèo tàu (gắn với tục thờ tướng của Hai Bà Trưng), hay là những điệu múa dân gian trong hội Đền Hùng, Hội Gióng (gắn với tục thờ Đổng Thiên Vương). Những điệu múa đó tuy đơn giản hoặc phức tạp trong nội dung hay cấu trúc động tác ngôn ngữ múa, trong quy mô ở những mức độ khác nhau tùy theo điều kiện của từng địa phương nhưng đều thể hiện được những giá trị đạo đức cổ truyền của nhân dân. Đó là lòng tôn kính, biết ơn những anh hùng dân tộc. Điều đó được lưu giữ và tồn tại có tính bền vững trong dân gian. Giá trị đạo đức mang ý nghĩa giáo dục đối với các thế hệ, đó là lòng yêu nước, yêu quê hương, yêu thiên nhiên. Hay nói một cách khác những giá trị có ý nghĩa đạo đức được tìm thấy và nhận biết trong múa dân gian. Chắc chắn là di sản quý báu cho sự phát triển nghệ thuật múa chuyên nghiệp.

Múa dân gian đã đem lại những giá trị thẩm mỹ, giá trị này có tính vận động và luôn được bổ sung để đáp ứng, phục vụ cho nhu cầu thẩm mỹ của từng thời kỳ. Trong các lễ hội dân gian, những điệu múa có tính chất tín ngưỡng còn có yếu tố thẩm mỹ được biểu hiện rất rõ thông qua ngôn ngữ tạo hình, động tác, sắc thái của múa cũng như tình cảm của người tham gia thể hiện múa. Giá trị thẩm mỹ, giá trị nghệ thuật không những được bộc lộ tự thân của chính các điệu múa mà nó còn có sức truyền tải, lan tỏa đến mọi người. Ví dụ như trong lễ hội, những người đến dự lễ hội đã thưởng thức múa với sự say sưa, mên mê. Từ đó cho thấy sức lan tỏa của múa dân gian trong các lễ hội có tính hấp dẫn và lan tỏa. Người lao động vừa sáng tạo vừa là người biểu diễn, đồng thời vừa là người thưởng thức. Người lao động múa

một cách “hết mình”, tôn kính, cầu xin các thánh thần phù hộ cho con người cuộc sống hạnh phúc, mùa màng tốt tươi, gia đình êm ấm thuận hòa đồng thời một khía cạnh khác là để thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của mọi người trong cộng đồng

Động tác múa dân gian phản ánh nội dung lao động và chiến đấu của từng tộc người. Chính vì thế ngôn ngữ múa dân gian thường là mộc mạc, giản dị, dễ hiểu, dễ gần với đời sống lao động của nhân dân. Trong quá trình kế thừa và phát triển, múa dân gian không bao giờ mang ý nghĩa đặc tả một cá nhân nào, một động tác riêng biệt cho một cá nhân nào mà nó bao giờ cũng mang tính tập thể tiêu biểu cho hành vi, tình cảm nguyện vọng của một lớp người. Do đó múa dân gian bao giờ cũng mang những đặc điểm chung nhất, phù hợp và đáp ứng cho nhiều người trong cộng đồng, trong tộc người. Trong sáng tác múa dân tộc đương đại, vai trò của biên đạo múa phải luôn cố gắng tìm tòi sáng tạo để xây dựng những tác phẩm mang dấu ấn riêng của tác giả. Tính chất độc đáo của tác phẩm sẽ là dấu ấn sáng tạo cá nhân. Đây là đặc điểm khác nhau giữa múa dân gian và múa chuyên nghiệp. Chính vì thế múa dân gian là một di sản của văn hóa múa quý báu mà nghệ sỹ có thể sử dụng chất liệu để xây dựng tác phẩm. Đây cũng là một nguyên tắc trong kế thừa và phát triển.

1.1.3. Vai trò của múa dân gian dân tộc trong đời sống sinh hoạt, văn hóa hiện nay:

Việt Nam có 54 dân tộc, mỗi dân tộc đều có những điệu múa dân gian của dân tộc mình. Các dân tộc Việt Nam đã để lại cho thế hệ sau một kho tàng nghệ thuật múa quý giá. Nhìn từ góc độ nghệ thuật múa, có thể nói di sản múa dân gian là cơ sở tiêu biểu xác định bản sắc múa của mỗi dân tộc.

Múa dân gian dân tộc biểu hiện tri thức văn hóa của quần chúng, biểu hiện bản chất múa của văn hóa dân tộc; phản ánh sức sáng tạo, tài năng của nhân dân. Từ những điệu múa người ta nhận biết được tư duy thẩm mỹ, ý

thức, thái độ trong sinh hoạt, lao động sơ khai của người xưa trong chiến đấu, sản xuất, các mối quan hệ xã hội, phong tục tập quán, đời sống tâm linh. Múa dân gian biểu hiện tri thức văn hóa của quần chúng nhân dân, biểu hiện bản sắc múa của văn hóa dân tộc. Múa dân gian phản ánh sức sáng tạo, tài năng của nhân dân. Ngoài ra, múa dân gian còn có tác dụng thiết thực đối với tình cảm và đời sống của con người. Múa dân gian được biểu hiện trong các lễ thức (múa tín ngưỡng). Những động tác biểu hiện thế giới tâm linh của con người (cầu mong sự che chở, phù hộ của các đấng thần linh, trời, phật). Múa dân gian có vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa của các tộc người. Bản chất của múa dân gian là nói về dân tộc nào thì phải dùng ngôn ngữ của dân tộc đó.

Múa dân gian dân tộc có nhiều dòng gồm: dân dã, quần chúng; dân gian cung đình; dân gian đương đại. Trong một xã hội hiện đại, khoa học kỹ thuật phát triển, di sản múa dân gian đối với sự phát triển của ngành múa chuyên nghiệp Việt Nam trở nên rất quan trọng. Muốn đổi mới, cách tân thì cần phải nghiên cứu, xác định và hiểu đâu là giá trị đích thực cần phải kế thừa. Nói cách khác, cần phải tìm ra hằng số giá trị của múa dân gian.

Phần lớn các biên đạo trẻ hiện nay không mấy ai làm múa dân gian, hoặc có làm thì cũng dùng kết hợp múa đương đại. Không phủ nhận rằng khi sáng tạo trên chất liệu dân gian thì tạo được luồng gió mới, song nó cũng vô tình phá hỏng chất dân gian truyền thống. Một số biên đạo trẻ mượn múa dân gian để làm đương đại, sáng tạo còn nhiều hạn chế về vốn văn hóa dân tộc, làm mới nhưng “không tới” khiến công chúng và ngay chính người thực hiện cũng lẫn lộn, chông chênh khi định giá chất lượng tác phẩm. Nguyên nhân của sự việc này một phần là do cơ chế, công nghệ thông tin phát triển kéo theo sự phát triển mới lạ của các loại hình nghệ thuật; việc xây dựng đội ngũ

từ biên đạo, diễn viên, âm nhạc... cho múa dân gian dân tộc của chúng ta vẫn còn những hạn chế.

1.2. Đặc điểm, trang phục, âm nhạc và hệ thống động tác của múa Khơ Mú ở Tây Bắc

1.2.1. Đặc điểm múa Khơ Mú:

1.2.1.1. Múa gắn với đạo cụ

- Chiếc gậy:

Người Khơ Mú sinh sống chủ yếu bằng canh tác nương rẫy. Công cụ sản xuất chỉ có rìu, dao rựa, cuốc và gậy chọc lỗ tra hạt. Sản phẩm trồng là lúa nương, ngô, khoai, sắn, bầu bí.

Do làm nương phải tra hạt ngô, đậu, thóc... nên dân tộc Khơ Mú dùng cây húng để húng lỗ. Nhiều người giải thích: nếu vãi hạt, người ra khỏi nương thì chim, chuột, sóc sẽ ăn hết hạt giống, đồng bào phải húng lỗ, tra hạt. Việc húng lỗ này, từ xa xưa đồng bào chỉ chọn một cây gỗ cứng, vừa tay cầm tại nương, vót một đầu nhọn để húng.

Gieo hạt giống nương xong, cây húng bị bỏ đi. Nhưng, cũng từ nhiều đời, có những gia đình lại cầu kỳ chọn cây lim, cây táu mọc trên núi đá, cứng như sắt để làm cây húng. Họ dùng năm này qua năm khác.

Thoát khỏi cuộc sống tối tăm, lệ thuộc vào các dân tộc khác, người Khơ Mú không ngừng sáng tạo trong đời sống và lao động của mình. Khi còn sống du canh du cư, cộng với công việc chủ yếu bằng nương rẫy nên chiếc gậy chọc lỗ tra hạt là công cụ lao động không thể thiếu của người Khơ Mú ở vùng cao Tây Bắc. Có lẽ cuộc sống muôn sắc màu, đầy những âm thanh tuyệt diệu của tự nhiên đã tạo cảm hứng cho những nghệ nhân dân gian sáng tạo nên chiếc gậy độc đáo này. Chiếc gậy không chỉ trở thành công cụ lao động mà còn là nhạc cụ đem lại những phút giây thư giãn trong trẻo trong quá trình lao động.

Chiếc gậy hay còn được gọi là cây húng được thiết kế to cỡ cổ tay, dài từ 1,8m đến 2m thon nhỏ vừa tầm tay cầm, được đẽo gọt nhẵn đẹp. Gậy có 3 phần: Phần đầu bằng gỗ cứng đẽo nhọn ở một đầu, có khi còn được bịt sắt (để húng lỗ tra hạt), phần thân thường bằng tre và phần cuối được gắn với các nhạc cụ được chế tác đơn giản. Điều đặc biệt, trên ngọn cây húng, gắn một đoạn dài hơn một gang tay, đồng bào gọi là grếch. Grếch rỗng, trong có một mẩu gỗ cứng, hoặc viên sỏi. Khi húng tra hạt, lõi gỗ này văng lên, đập xuống, phát ra âm thanh. Người húng lỗ có kinh nghiệm, điêu nghệ, tài điều khiển cho “cây nhạc cụ” phát ra những tiếng “bình bông” nhịp nhàng, vang xa, như bản nhạc rộn ràng rừng núi. Trước đây, grếch thường là những ống tre, nứa nhỏ cho mẩu gỗ hoặc những viên sỏi vào trong, sau này hiện đại hơn có khi là những hộp kim loại bên trong đựng những viên bi. Chiếc gậy (cây húng) vừa là công cụ lao động, vừa là nhạc cụ nhằm đem lại những phút giây thư giãn trong quá trình lao động, động viên mọi người gắng sức lao động và quên đi những mệt nhọc. Khi chọc lỗ, những viên sỏi va đập vào ống tre, nứa tạo nên những âm thanh tươi vui, rộn rã. Người Khơ Mú làm nương theo lối đổi công, có thể là một nhóm, có khi cả bản cùng làm. Đàn ông khỏe mạnh đàn hàng ngang đi trước, vừa nhún nhảy, vừa vung gậy chọc lỗ, những âm thanh dội lên như khích lệ mọi người cùng tham gia lao động. Các cô gái theo sau nhịp nhàng vung tay gieo những hạt lúa giống vào lỗ, chân gạt nhẹ lấp đất, tất cả đều nhịp nhàng, uyển chuyển.

Khi chọc lỗ, âm thanh dội lên ở phần thân bằng tre như một hộp cộng hưởng. Những viên sỏi va đập vào ống tre, nứa tạo nên những âm thanh trầm, bổng tươi vui, rộn rã giữa non ngàn.

Sau mỗi mùa vụ, đồng bào thường treo cây gậy chọc lỗ trên gác bếp để tránh mối mọt. Cũng có gia đình để trên nương để thờ “ma nương”, vụ sau lại

đem ra dùng. Đồng bào quan niệm khi tra lúa xong nếu đốt hoặc sử dụng gậy chọc lỗ vào những việc kiêng kỵ thì cây lúa sẽ bị chết, vụ mùa sẽ bị thất thu.

Chiếc gậy chọc lỗ tra hạt thường được sử dụng trong lễ hội “Cầu mùa”. Mỗi độ xuân về, người Khơ Mú ở Yên Bái đều tổ chức và cùng nhau tham gia lễ hội “Cầu mùa”, với chiếc gậy độc đáo “vũ điệu sinh sôi” bao giờ cũng được thể hiện tưng bừng rộn rã, thức dậy những khát vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

- Ống nứa.

Chiếc ống này dài khoảng 50 đến 60 cm, có đường kính khoảng 3-4 cm, cũng có điệu múa sử dụng ống nứa có đường kính 6-7cm, một đầu dài độ 25cm được vát 2 bên cạnh để tách ống thành hai mảnh. Ống nứa thường được sử dụng ở điệu múa “tăng bu” và “hun mạy”. “Tăng bu” là múa dũ ống, ban đầu chỉ diễn ra trong các nghi lễ tôn giáo, về sau được mở rộng trong các sinh hoạt cộng đồng. Ở điệu múa này, nam nữ mỗi người cầm một ống có đường kính 6-7cm, đứng thành hai bên, ở giữa có thể đặt một tấm ván gỗ. Khi múa, hai bên dũ ống xuống sàn hay tấm ván theo nhịp 4/4 tạo ra một thứ nhạc đệm cho động tác nhún, xoay mình, nhảy ngang có đánh hông nhẹ. Vào lúc cao trào có thể nhắc chân khỏi mặt sàn, hoặc vừa dũ ống vừa cúi, hoặc vung ống ngả về sau. Đôi khi họ dũ ống 3 lần liên rồi ngừng một phách theo động tác nhảy. Thỉnh thoảng lại hú lên vài tiếng, người đứng ngoài cũng hò reo góp vui. Ở điệu múa “hun mạy”, ống nứa được tách đôi và khoét dọc ở một đầu để người múa đập nhẹ và bàn tay, cánh tay, vai, chân tạo ra một âm thanh rất đặc biệt. Người múa phải cầm bằng tay phải – dùng bàn tay nắm thân ống, ngón tay cái để dọc theo thân ống, từ miệng ống đến tay nắm cách nhau 10cm. Khi múa, người múa cầm chiếc ống, gõ đầu ống được vát vào cạnh lòng bàn tay trái theo tiết tấu chùm 3. (1 tà, 2).

- Hưn mạy là ống nứa có đường kính từ 3- 4cm, dài 60 cm, một đầu dài độ 25 cm được vát 2 bên cạnh để tách ống thành 2 mảnh.

- Tầm đao là loại nhạc cụ chỉ dành riêng cho phụ nữ, được làm từ thân cây nứa nhỏ, đường kính từ 3-4 cm, dài từ 50- 60cm. Để chế tác loại nhạc cụ này, những người phụ nữ Kơ Mú phải vào rừng lựa chọn những cây nứa vừa thẳng đẹp lại không quá già. Họ chọn một đoạn vừa ý sao cho một đầu còn giữ lại, đầu kia bỏ mấu, giữ lại thân ống nứa. Gần đầu có mấu, người ta đục hai lỗ đối xứng và so le nhau, khi đánh ngón tay cái của tay cầm đặt ở vị trí lỗ trên, ngón trỏ sẽ đặt ở vị trí lỗ dưới như vậy mới tạo nên nhịp gõ và điều chỉnh nhịp theo ý muốn. Đầu không giữ mấu người ta vát nhẹ hai bên thân ống tạo thành trạc, dài khoảng 30cm, giữa hai cánh trạc có xẻ một khe nhỏ vào thân ống để kẹp sợi chỉ, có tác dụng điều tiết âm thanh. Khi đánh, người ta gõ phần góc cánh trạc vào mu bàn tay để hai cánh trạc dung tạo ra âm thanh. Đao cụ này thường được dùng trong múa đao

- Khăn: dài khoảng 2m, rộng 38 - 40cm tùy theo khổ vải dệt; khăn được may bằng vải mộc hoặc nhuộm chàm; ở 2 đầu khăn được thêu các hoa văn như: hình mặt trời, mặt trăng, hình các con vật như công, hươu, nai, còn ở giữa khăn thì để trơn; khăn dùng chủ yếu trong điệu múa đuổi chim.

- Ngoài ra, trong các điệu múa người Kơ Mú sử dụng, còn có một số nhạc cụ truyền thống được sử dụng thường xuyên. Nó vừa là nhạc cụ để cho các diễn viên nhún nhảy theo nhịp nhạc vừa là đạo cụ như chiếc trống nhỏ “koong khăn” và chũm chọe “Tseeng”.

1.2.1.2. Múa sử dụng tư thế chung, nhưng về tư thái có thay đổi:

- Các điệu múa như Cá lượn, mừng măng mọc, mừng mưa rơi đều sử dụng phần tay là chủ yếu.

- Các động tác múa Kơ Mú trông như lắc hông, uốn cái eo, xoay dần xuống rồi xoay dần lên uyển chuyển, nhịp nhàng, sôi động. Nhưng thật ra là

uốn cái lưng là chính. Bởi bà con nói vui rằng: Vì người Khơ Mú lao động làm nương, cúi còng lưng nhiều quá, cái lưng như muốn đứt ra, nên phải “uốn lại” cái lưng, “sửa lại” đôi đầu gối cho khỏe thành điệu múa.

1.2.1.3. Các động tác đều phản ánh cuộc sống lao động, nên đều có tính chất khỏe khoắn, sôi động lạc quan.

Nội dung bắt nguồn từ cuộc sống, mong muốn của người Khơ Mú thông qua các điệu dân vũ phần lớn là mong muốn con người luôn luôn được khỏe mạnh, họ cầu cho mùa màng bội thu, cầu cho mưa thuận gió hòa. Không khí vui tươi nhất là họ vui được mùa, họ cầu mưa thuận gió hòa, họ được ăn bát cơm mới, gặt hái được mùa màng bội thu, họ vui tươi, phấn khởi hòa đồng nhau trong một quần thể. Các điệu múa miêu tả sự cố gắng nỗ lực của người dân khi vượt qua mọi khó khăn để tồn tại phát triển cùng cộng đồng.

Những động tác lao động làm nhà khi múa mừng nhà mới như: đo đất, nện đất, ném tranh, chẻ lạt, đánh néo, đã thể hiện tính chất khỏe khoắn, vui tươi trong lao động. Bước múa nhấn nảy dúp của chân kết hợp với nhấn hoặc guồn đẩy tay nhịp nhàng, dứt khoát, khỏe, chắc cùng với phần đưa hông, hoặc ấn lưng, mông đẩy ra sau. Đó là những nét đặc trưng của người Khơ Mú. “Và những động tác múa này cũng trên cơ sở cách điệu hóa những động tác lao động làm nhà mà hình thành những điệu múa của tộc người Tây Háy, một nhóm địa phương của dân tộc Khơ Mú thuộc dải miền Trung đất nước” [29, tr.31]. Không khí nhịp điệu lao động của các điệu múa đã toát lên niềm vui hồn nhiên, trong sáng, lạc quan yêu đời của người Khơ Mú.

- Các động tác đều tiến hành trong một nhịp 4/4 tức là một khổ trống, trong đó hoàn thành động tác ở phách thứ 3, phách cuối để đổi bên hoặc chuẩn bị làm tiếp, ở lần làm đầu tiên thì bắt đầu từ phách lấy đà.

1.2.1.4. Múa có tính kỹ thuật cao

Bên những điệu múa đơn giản, mọi người ai ai cũng có thể tham gia vào nhảy múa, thì tộc người Khơ Mú còn có những điệu múa đòi hỏi người tham gia phải có những điều kiện khó hơn như:

- Linh hoạt, thích ứng nhịp nhàng với âm nhạc
- Có độ mềm dẻo nhất định
- Có tâm hồn nhạy cảm

Mặc dù có tính cộng đồng rất cao nhưng một số điệu múa có độ khó, đòi hỏi phải có sự kết hợp nhuần nhuyễn, uyển chuyển, linh hoạt của nhiều động tác trên cơ thể như: Lên, xuống, uốn lượn, lắc ngang từ chân đến tay, bụng... Khi thể hiện các điệu múa, toàn thân người múa đều rung lên với đầy sức sống dồi dào, người múa dường như hòa mình cùng với nhịp của tiếng chiêng, trống, đắm mình trong cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ của vùng núi Tây Bắc, quên đi những lo âu của cuộc sống vất vả hàng ngày.

1.2.2. Trang phục múa Khơ Mú:

Hiện tại, các nhà nghiên cứu về nguồn gốc tộc người Khơ Mú đều thống nhất ở ý kiến: Dân tộc Khơ Mú có nguồn gốc bên Lào (tập trung ở Luông pha băng). Dưới tác động của lịch sử (có thể là do chiến tranh), họ từng bước rời khỏi quê hương, theo “sơn lộ” dịch chuyển dần sang Việt Nam.

Hai “điểm đến” của người Khơ Mú trên lãnh thổ Việt Nam là vùng rừng núi Tây Bắc và miền Tây Thanh - Nghệ. Khơ Mú trở thành tên gọi chính thức, được ghi trong Danh mục thành phần các dân tộc Việt Nam, công bố năm 1979.

Trải qua thời gian chinh phục thiên nhiên, hòa nhập cộng đồng, người Khơ Mú trở thành một bộ phận quan trọng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên so với các dân tộc cùng tụ cư trong khu vực như Mường,

Thái, Mông... thì lịch sử cư trú của người Khơ Mú khá ngắn ngủi. Là “dân ngụ cư”, yếu và thiếu toàn diện về công cụ lao động, tư liệu sản xuất...

Người Khơ Mú đã hình thành cuộc sống du canh, du cư trong suốt thời gian dài. Theo tiết lộ của một số người Khơ Mú cao tuổi, thậm chí họ còn không nhớ hết được những nơi đã đi qua. Cuộc sống “nay đây mai đó” của người Khơ Mú chỉ thực sự chấm dứt vào khoảng đầu thập niên 90 của thế kỷ XX.

Với tất cả những lý do trên, Người Khơ Mú không có trang phục truyền thống. Như đã nói, trong hành trình di cư sang lãnh thổ Việt Nam, người Khơ Mú không “mang theo” bộ trang phục truyền thống; quãng thời gian đầu “định cư bắt buộc”, do đồng bào Khơ Mú phải lệ thuộc vào người Thái nên họ cũng lấy trang phục của người Thái làm trang phục cho mình. Thói quen ấy đã “bén rễ” trong suy nghĩ người Khơ Mú qua nhiều thế hệ nên ngay cả khi được nhà nước công nhận là tộc người độc lập, người Khơ Mú vẫn không chú trọng phát triển nghề trồng bông, dệt vải; họ thường mang các sản vật thể mạnh của dân tộc mình để đổi lấy những bộ trang phục “may sẵn” của các dân tộc cư trú liền kề (chủ yếu là người Thái). Chỉ khoảng vài thập niên trở lại đây, khi cây bông bắt đầu hiện diện trên các nương rẫy, đồng thời trong các gia đình người Khơ Mú xuất hiện khung cửi thì nghề dệt vải mới manh nha hình thành. Trải qua thời gian, người Khơ Mú đã tự tay dệt cho gia đình những bộ trang phục hoàn chỉnh; tuy nhiên, nghiên cứu kỹ thuật dệt cùng hoa văn trên tấm vải, dễ dàng nhận thấy sự ảnh hưởng của các mô típ hoa văn trên trang phục người Thái.

Trang phục của người Khơ Mú hiện tại rất giống về kết cấu so với trang phục người Thái. Phụ nữ Khơ Mú mang trên mình một chiếc áo ngắn, bên trong có yếm, lưng thắt vải, váy dài, chân mang xà cạp, đầu đội khăn. Tuy nhiên, đi vào chi tiết bộ nữ phục thì có những khác biệt nhất định. Nếu như chiếc áo của phụ nữ Thái thường được trang trí bằng một hàng cúc bạc

hình con bướm thì phụ nữ Khơ Mú không tiếp thu hình thức trang trí này. Áo của phụ nữ Khơ Mú thường tối màu, cổ tròn, có đường xẻ ở trước ngực, hàng cúc áo hình chữ nhật dựng nghiêng 90 độ, chất liệu bằng bạc hoặc có thể bằng nhôm; nếp cổ và nếp ngực không có sự phân chia và chỉ dài tới ngang ngực.

Trang phục mùa của người Khơ Mú cũng không khác với trang phục đời thường là bao. Nó bao gồm những chi tiết sau: Khăn đội đầu, áo, yếm, thắt lưng, váy, xà cạp.

- Khăn đội đầu (hum pông) thường ngày gần giống như chiếc khăn Piêu của người Thái nhưng đã được giản lược đi rất nhiều: không thêu hoa văn trang trí, không có các cúc đi kèm. Khăn được may bằng vải mộc hoặc nhuộm chàm, dài khoảng 2m, rộng 38- 40cm tùy theo khổ vải dệt, có thêu các họa tiết hoa văn như: hình mặt trời, mặt trăng, hình các con vật như công, hươu, nai. Khăn quấn đi lễ hội là loại khăn có thêu hoa văn một mặt rất đẹp. Người ta khéo léo quấn vòng quanh đầu để phô phần hoa văn ra ngoài. Một loại khăn khác là khăn nôi (một nửa là vải thô nhuộm chàm, một nửa là dệt hoa văn) cũng thường được phụ nữ dùng trong dịp lễ hội. Với người Khơ Mú, chiếc khăn đội đầu thiên về tính năng che mưa, che nắng hơn là vật dùng để trang trí.

- Áo của người Khơ Mú chủ yếu là áo ngắn màu chàm, xanh thẫm hoặc xanh lá mạ, không thêu hoa văn, nhưng riêng ngực áo Còm, dọc hai bên mặc pém có bộ giải hình mặt trời tròn và hình mặt trời khuyết, ở giữa giải có đính những đồng tiền bạc thể hiện sự mong ước giàu sang, phồn thịnh của người dân, đồng thời họ luôn mong chờ các vị thần mặt trời sẽ sưởi ấm và che chở họ trong cuộc sống hàng ngày... Áo có nếp cổ liền với nếp ngực nhưng chỉ dài ngang ngực. Hai đầu của nếp ngực nôi thêm những băng vải nhỏ có màu đỏ, xanh, vàng... Áo thường có hai lớp vải khác màu nhau. Lớp trong mỏng hơn lớp

bên ngoài, lớp trong thường là vải chéo xanh hoặc phin, lớp ngoài là vải dệt thô nhuộm chàm.

Áo thường có hai loại dành cho 2 đối tượng. Đối với những gia đình khá giả sẽ mặc áo có dọc theo nẹp ngực, dưới gấu thêu hoa văn, sau lưng đính hai dải chỉ các màu có các tua dài sặc sỡ. Gấu tay áo nổi những băng vải nhỏ màu xanh, đỏ, vàng. Loại thứ hai thường dành cho phụ nữ nghèo. Loại này không thêu thùa cầu kỳ mà chỉ trang trí mấy băng vải nhỏ trên nẹp ngực.

- Cũng như trang phục của người Thái, yếm là một bộ phận quan trọng trong trang phục của đồng bào Khơ Mú. Yếm của phụ nữ Khơ Mú khá đơn giản, chỉ là một vuông dài ngắn che phần trước cơ thể, mỗi chiều dài 40cm, và được mặc bên trong áo ngắn, bốn góc có dây để buộc vào nhau, ôm qua cơ thể. Đầu yếm có thêu hoa văn trang trí và đính 2 dải để buộc vào sau cổ. Thân yếm có đính 2 dải dài hơn để buộc vòng ra sau lưng. Thông thường, tùy theo màu áo mà người ta chọn màu yếm phù hợp. Màu yếm thường tương phản màu áo. Người Khơ Mú may yếm bằng vải trắng hoặc hồng. Đầu yếm cắt lượn tròn và thêu hoa văn trang trí, có đính hai dây vải để buộc vào cổ. Thân yếm đính hai dải vải dài hơn để buộc ra sau lưng.

- Thất lưng là những dải vải màu, được làm bằng lụa, màu sáng (thường là màu xanh), điểm thất nút thường nằm ở phần hông bên phải. Trên thất lưng trang trí những chuỗi vỏ ốc hoặc đính những miếng bạc nhỏ hay đồng tiền xu.

- Váy trước đây chủ yếu may bằng vải dệt thủ công màu xanh sẫm chàm hoặc đen. Ở phần chân váy thêu hoa văn trang trí bằng chỉ nhiều màu. Vào những dịp lễ, tết, phụ nữ Khơ Mú thường mặc những chiếc váy đẹp nhất. Họ có hai loại váy: một loại may bằng vải tơ tằm pha sợi bông (còn khôm, còn như), một loại may bằng lụa tơ tằm (còn nhang). Hoa văn trang trí trên

váy rất đa dạng gồm hình mặt trời, mặt trăng, hươu, nai, rồng, chim công, gà lôi, các loại hoa thực dược, hoa ban, phong lan...

- Ngoài ra, phụ nữ Khơ Mú còn có bộ xà cạp vận hằng ngày. Xà cạp là những đoạn vải màu đen, cuốn từ mắt cá chân lên tới sát đầu gối; xà cạp quấn chân phải được cuốn từ phải sang trái và ngược lại, xà cạp chân trái cuốn từ trái sang phải. Xà cạp được làm bằng vải màu chàm, dài khoảng 1m, rộng 40cm được gấp chéo theo chiều dọc. Khi dùng xà cạp phải quấn hai bên chân ngược chiều để đối xứng nhau. Tuy nhiên, trong hầu hết các điệu múa của người Khơ Mú, người ta rất hiếm quấn xà cạp mà thường đi giày múa hoặc đi chân đất.

Cùng với những bộ y phục trên, phụ nữ Khơ Mú khi múa còn đeo vòng đeo tay và vòng cổ bằng bạc, trông họ thật tha thướt, dịu dàng. Đồ trang sức của người Khơ Mú là các loại vòng tay, vòng tai, vòng cổ... chủ yếu được làm bằng bạc (có thể đeo nhiều vòng). Những chiếc vòng này được tạo hình tròn song không khép kín mà thường hở một đoạn nhất định. Vòng cổ thường được trang trí hoa văn quần thừng, ở hai đầu được làm thành hình lưỡi mác hoặc hình đầu chim cách điệu. Vòng tay thường đeo từ 2-3 vòng vào một tay. Không chỉ phụ nữ mà đàn ông Khơ Mú cũng sử dụng đồ trang sức.

Nhìn chung, trang phục của phụ nữ Khơ Mú khá “phức tạp”, nó là sự pha trộn nhiều đặc trưng của các dân tộc khác, khảo sát bộ nữ phục Khơ Mú, dễ dàng nhận thấy yếu tố “tiếp thu” vượt trội, thậm chí là áp đảo các tiêu chí “cách tân, đổi mới”.

Nếu như trang phục phụ nữ Khơ Mú ít nhiều có sự khác biệt so với các vùng lân cận thì các bộ nam phục của người Khơ Mú hoàn toàn là sự “vay mượn” các dân tộc cận cư. Đàn ông Khơ Mú sử dụng song song các trang phục của đàn ông H'Mông, đàn ông Thái. Ngày nay, đàn ông Khơ Mú ăn mặc giống người Kinh.

Tại các lễ hội truyền thống người Khơ Mú hay những ngày vui của bản, của gia đình, người Khơ Mú vẫn dùng bộ trang phục thường ngày để múa. Nhưng khi lên sân khấu biểu diễn, những bộ trang phục truyền thống này được biến tấu để phù hợp với nội dung tác phẩm múa và cũng để diễn viên dễ dàng di chuyển và thực hiện các động tác của biên đạo. Về mặt hình thức, trang phục múa Khơ Mú trên sân khấu giữ được những nét cơ bản của trang phục thường ngày, nhưng nó có thể biến tấu đi ở khăn quấn đầu, chiếc áo chỉ có một lớp chứ không có 2 lớp, không có yếm, đính thêm kim sa, kim tuyến chứ không thêu hoa văn cầu kỳ như áo mặc thường ngày; về chất liệu vải có thể chọn loại co giãn, về màu sắc có thể là màu vàng lá mạ, màu đỏ, màu trắng, chứ không nhất thiết là màu chàm, màu xanh. Về hoa văn thì đơn giản hóa các loại hoa văn chứ không thêu thùa cầu kỳ như áo mặc thường ngày, không bao gồm yếm, áo trong rồi đến áo ngoài như trang phục thường ngày. Váy thì được cắt ngắn hơn trên mắt cá, có xẻ tà hoặc không xẻ, màu sắc trang phục đa dạng hơn, hoa văn, họa tiết lược bỏ. Cũng có những tiết mục người múa sử dụng chất liệu múa Khơ Mú nhưng trang phục thì lại là trang phục biểu diễn, không có một chút gì của trang phục người Khơ Mú, đặc biệt là các diễn viên nam.

1.2.3. Âm nhạc múa Khơ Mú

Góp phần làm nên vẻ đẹp say đắm trong các làn điệu dân ca Khơ Mú chính là những nhạc cụ rất độc đáo. Trong hệ thống nhạc cụ vốn rất phong phú của người Khơ Mú thì có tới 90% được làm ra từ chất liệu tre nứa, với những âm sắc độc đáo vừa thăm thẳm như rừng xanh vừa vui nhộn như chính tâm hồn đôn hậu, thủy chung, chan hòa giữa thiên nhiên và yêu thích nhảy múa, hát ca.

Để phục vụ cho các điệu múa, người Khơ Mú đã sáng tạo ra những nhạc cụ hết sức độc đáo như: Ống gõ (Ôm đing), sáo (Pí tom, Tót tom), Kèn

môi, Đàn môi, Đao. Ngoài những nhạc cụ trên, đồng bào Khơ Mú còn có Trống, Chiêng, Náo bạt. Các nhạc cụ này có thể đệm cho hát “Tom” hay hát “Kun cho” và có thể làm tiết tấu nhạc nền vui nhộn cho các vũ điệu trong những lễ hội mang tính cộng đồng như “Tẹ cạ grang” (múa cá lượn), “Tẹ ro vớot” (múa khăn), “Tẹ muôn pị hăm mệ” (múa mừng năm mới)

“Ôm đing” nguyên thủy là những ống đựng nước trên nương được làm từ những ống tre, song lại có thang âm vang âm với chức năng giữ nhịp.

Tót tom là một trong những loại sáo dọc đặc trưng của người Khơ mú, được chế tác từ phần ngọn của một thân cây nửa nhỏ, có chiều dài khoảng 55cm, đường kính phần cuối sáo khoảng 1 đến 1,5cm và thon nhỏ dần cho tới phần đầu là khoảng 0,6cm. Tại phần nhỏ này, người ta tạo lưỡi gà bằng cách khía và tách ngay một lát nửa mỏng có chiều dài khoảng 2,5cm và chiều rộng khoảng 0,3cm. Tót tom có 4 lỗ bấm cao độ, trong đó 3 lỗ trên mỗi lỗ cách nhau chừng 3cm, 1 lỗ dưới nằm ngay ở phần lỗ đầu tiên cách nhau khoảng 4cm. Lỗ bấm dưới này do ngón tay cái điều khiển. Âm thanh của loại sáo này không trong mà hơi khàn khàn. Ngoài dùng để độc tấu, Tót tom được sử dụng phổ biến để đệm theo giai điệu của những bài Tom. Tót tom do nam giới sử dụng, không dùng trong tang lễ và các lễ tục tín ngưỡng khác.

Tót mu (sáo mũi) được làm từ thân cây nửa già, nhỏ, có chiều dài trung bình khoảng 60cm, đường kính từ 2 đến 2,5cm. Sáo chỉ có một lỗ duy nhất nằm cách cuối thân sáo khoảng 2cm, lúc thổi cho ra hai cao độ khác nhau. Khi nghe, ta sẽ được nghe một cuộc “đối đáp” giữa hai loại âm thanh: một phát ra từ cây sáo và một là những lời hát phát ra từ miệng người biểu diễn. Người ta thổi tót mu theo giai điệu của những bài ru con, hoặc giai điệu của bài Tom. Tót mu sử dụng trong sinh hoạt giải trí, không dùng trong các nghi lễ tín ngưỡng.

Khi nói đến nét độc đáo nhất và luôn gắn bó với đời sống văn hóa của đồng bào Khơ Mú thì không thể không nhắc đến cây Pí tom. Đây là loại sáo dọc, gần giống như "Pí" của người Thái, với âm sắc độc đáo như tiếng gió vi vu trườn qua các sườn đồi, lòng thung và có khả năng diễn tả tâm trạng, mô phỏng không gian sống của người Khơ Mú nơi các triền đồi của vùng cao đất Nghệ. Pí tom là nhạc cụ chính dùng để đệm cho hát "Tom", hát "Kun chor" và góp âm sắc để dàn nhạc cụ tre nứa thêm phong phú cho những màn hát múa tập thể trong các ngày lễ hội, là tiếng nói thắm sâu của tâm hồn, tình cảm cùng những mong ước tốt đẹp về cuộc sống, tình yêu của người Khơ Mú, vì thế người quen gọi nó theo cách gọi của người Thái là cây Pí tom.

Pí tom được chế tác một cách đơn giản. Người Khơ Mú có thể chế tác ra nhạc cụ độc đáo này ở bất cứ nơi đâu, miễn là chỉ cần có một cây nứa nhỏ có đường kính từ 1-1,5cm. Cây nứa để làm Pí tom phải đủ tuổi, không quá già. Nghệ nhân đem cắt 7 lóng nứa, mỗi đoạn dài 8cm, chuốt lại rồi luồn vào nhau xếp theo thứ tự to đến nhỏ. Đoạn thứ 3 tính từ gốc, dài chừng 24 cm được khoét 3 lỗ hơi cách nhau 6-7 cm, đoạn ống thứ 7 (phần ngọn) chỉ nhỏ bằng chiếc đũa có cái lưỡi gà. Khác với Pí nhuôn của Thái (có lưỡi gà bằng đồng thau), lưỡi gà của cây Pí tom được tạo từ chính thân cây nứa. Nghệ nhân dùng dao sắc tuốt sạch cật cây nứa, sau đó khoét tạo lưỡi gà, độ dài khoảng 1,5 cm, rộng 2mm. Khi thổi, lưỡi gà rung nhẹ để điều tiết khí âm qua các lỗ nhỏ tạo thành những giai điệu mang đậm âm hưởng của đại ngàn.

Th'roông (đàn môi) của người Khơ Mú được làm từ một thanh tre hoặc nứa già để khô. Chiều dài của chiếc đàn này khoảng 14cm, phần rộng nhất của thân đàn khoảng 1,5cm, hình dáng chiếc đàn này cơ bản giống với những chiếc đàn môi bằng kim loại đồng của nhiều dân tộc thiểu số khác. Do đó, hình dáng khi chế tác và phương pháp diễn tấu giữa chúng là giống nhau. Khi biểu diễn, âm thanh của chiếc đàn môi này không vang sâu như những

chiếc làm từ kim loại mà nó hơi khàn khàn, cộng với tiếng lách cách của thanh tre tạo ra sự độc đáo riêng. Đàn môi cũng là nhạc cụ không dùng cho mục đích tín ngưỡng. Nhạc cụ này chủ yếu do nam giới sử dụng, dùng độc tấu, đôi khi dùng đệm cho hát trong những dịp hội vui của buôn làng nhằm mục đích giải trí.

Đao là nhạc cụ tự thân vang, được làm bằng một ống nứa, phần đầu của nhạc cụ, người ta khoét và cắt hai miếng đối xứng nhau dài khoảng 20cm. Đao thường được sử dụng với 2 loại kích thước: loại dài khoảng 80cm, loại ngắn khoảng 50cm; đường kính ống không tỉ lệ thuận với chiều dài thân đàn như một số loại nhạc khí khác, mà nó phụ thuộc vào nắm tay to, nhỏ của người chơi, kích thước trung bình từ 3,5 – 4cm. Loại dài thuộc âm khu trung, loại ngắn thuộc âm khu cao. Một số nghệ nhân sử dụng đao cho rằng, loại dài có âm thanh hay hơn, ngân lâu hơn và thường để độc tấu, hòa tấu. Tuy nhiên độ dài, ngắn còn tùy thuộc vào hoàn cảnh sử dụng. Chẳng hạn, khi đệm hát thì cao độ của đao phải phù hợp với cỡ giọng của người hát, và khi đao là đao cụ, nhạc cụ đệm cho điệu múa đồng người hoặc sử dụng lúc đi đường, thì nó thường được làm ngắn cho khỏi vướng.

Sự khác biệt cơ bản giữa nhạc khí đao với dụng cụ đao ở chỗ: khe nứt hai bên thành ống, nó là yếu tố chính để tạo ra âm thanh (không có 2 khe nứt, dụng cụ này không thể tạo ra âm thanh) và các lỗ bấm tạo cao độ cho nhạc khí. Còn những yếu tố khác chỉ có tác dụng cho sự hoàn thiện thêm của âm thanh. Khi diễn tấu, tay phải người múa sẽ cầm phần dưới của nhạc cụ đập phần đầu của nhạc cụ vào lòng bàn tay, âm thanh vang lên từ đó. Tiết tấu của đao tạo nhịp cho các bước đi kết hợp với động tác của đôi bàn tay, của cơ thể tạo thành một điệu múa truyền thống mang đặc trưng riêng của đồng bào Khơ Mú. Khi diễn tấu, người ta có thể dùng chiêng và trống đệm theo. “Đao vừa là một đao cụ, vừa là một nhạc cụ có tác dụng giữ tiết tấu cho động tác nhún và

lắc mông của các nghệ nhân, đồng thời nó cũng góp một âm sắc độc đáo cho phần nhạc đệm của điệu múa” [16, tr.55].

Trống của người Khơ Mú ở đây chỉ có một loại trống lớn, chiều cao khoảng 55cm, đường kính khoảng 50cm.

Chiêng của họ thường dùng ba chiếc loại có núm. Ngoài ra còn một chiếc nảo bạt bằng nhôm. Những nhạc cụ này được sử dụng trong sinh hoạt giải trí và như những lễ hội truyền thống của bản làng.

1.2.4. Hệ thống các động tác

Dân tộc Khơ Mú sống tập trung ở hai khu vực: Khu vực Tây Bắc bao gồm Lai Châu, Lào Cai, Sơn La; khu vực miền trung bao gồm Thanh Hóa, Nghệ An. Nhìn chung, múa Khơ Mú ở mỗi khu vực đều giống nhau, nhưng mỗi nơi lại có những điệu múa nổi bật đặc trưng cho từng vùng miền. Chẳng hạn: Dân tộc Khơ Mú khu vực Tây Bắc có các điệu múa nổi bật là Cá lượn, đuổi chim, chọc lỗ tra hạt, múa Ong eo. Còn ở khu vực Thanh Hóa, Nghệ An có điệu múa nổi bật là mừng nhà mới.

Trong múa Khơ Mú không có múa nam riêng, mà chỉ có múa nữ riêng hoặc múa nam nữ kết hợp với nhau

Sau đây là các điệu múa tiêu biểu dân tộc Khơ Mú khu vực Tây Bắc và hệ thống động tác của nó.

1.2.4.1. Động tác múa nữ

Múa Ong eo (Vũ điệu Tè Viêr Guông)

Người Khơ Mú thường múa Ong eo hình [1.1A và 1.1B] trong những dịp lễ hội, lễ mừng cơm mới được tổ chức ngay sau khi vừa kết thúc vụ gặt.

Ong eo của đồng bào Khơ Mú là điệu múa lắc hông, uốn lượn eo, được mô phỏng theo các động tác, cử chỉ lao động hàng ngày của người dân nơi đây như: Gặt lúa, bẻ ngô, hái rau, nhổ cỏ, đơm tép, giặt giũ. Sở dĩ có những động tác như vậy theo lý giải là vì người Khơ Mú yêu lao động, múa cũng mô

phông các động tác, cử chỉ lao động hàng ngày như: gặt lúa, xúc tép, làm cỏ... Điệu múa biểu tượng cho mối cộng cảm giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên, từng nhịp điệu đều liên quan mật thiết với tín ngưỡng cầu mùa và khát vọng về tình yêu đôi lứa.

Xưa kia, đời sống khó khăn, quanh năm phải lo cái ăn, cái mặc nên thanh niên Khơ Mú chỉ múa vào những dịp tế lễ, hội hè khi tất cả bà con gác lại mọi công việc, tề tựu đông đủ trước sự chứng kiến của những bậc cao niên nhất trong bản. Ngày nay, những điệu múa Ong eo, tăng bu, múa xòe vòng... được họ biểu diễn bất cứ lúc nào, nhất là vào những đêm rằm chơi trăng, hò hẹn.

Múa Ong eo đa dạng về nội dung: múa mừng xuân, múa Viêng ver guông tăng bu, múa xòe vòng. Mỗi khi trống, chiêng nổi lên, điệu múa Ong eo bắt đầu. Tốp múa nam nữ ở lẫn trong đám đông bước ra. Khi múa Ong eo, người nam thường đeo chiếc khoong khăn vừa là nhạc khí, vừa là đạo cụ, trong khi các cô gái với bộ váy thổ cẩm sắc sỡ, nụ cười duyên dáng, nhịp gót nhún rộn ràng, uốn lượn lung eo khiến người xem ngẩn ngơ say đắm. Khi Ong eo mới bắt đầu, khoảng cách giữa khán giả và "diễn viên" còn được duy trì. Càng say sưa múa, người vòng ngoài, vòng trong càng đắm chìm cùng tiết tấu, nhịp điệu múa và khoảng cách mất dần. Khi ấy người múa tự khoe mình là chính, đội hình bị phá vỡ và tất cả hòa vào làm một, ai cũng múa, đắm đuối uốn lượn...

Các động tác của múa Ong eo là:

Động tác 1: Lắc hông tại chỗ.

Động tác 2: Lắc hông ngồi

Động tác 3: Lắc hông bước sang ngang.

Động tác 4: Lắc hông di động.

Tình cảm của động tác: vui vẻ, sáng khoái, nhịp nhàng, yêu lao động.

Múa mừng nhà mới

Người Khơ Mú xưa kia sống rất nghèo khổ, chỉ làm được những căn nhà nửa sàn, nửa đất đứng chênh vênh bên sườn núi. Nhà khá thì làm được 5 gian, một chái. Nhà nào có cụ ông, cụ bà già cả thì mới được phép làm bàn thờ (ma nhà) gồm 3 bếp: một bếp chính ở cửa đi vào chuyên nấu thức ăn, sưởi lửa, tiếp theo là gian bếp bàn thờ, gian trong cùng là bếp chuyên xôi cơm, xôi rau. Nhà làm xong, phải theo đúng tục “Lên nhà mới” (Khươn gang mệ) thì mọi người mới được bước lên sàn nhà ở. Sau khi làm xong các thủ tục lên nhà mới, mọi người ăn uống, chúc tụng là đến các điệu múa mừng nhà mới.

Đám thanh niên trong thôn bản treo bộ chiêng lên một góc nhà, mang chập cheng (chreng) ra, một tốp các cô gái ăn mặc lộng lẫy, tay cầm ống nứa to, dài tới ngang ngực bước vào vòng múa. Một người hô to: “Một hai ba Đánh!”. Lập tức tiếng chiêng vang rền núi rừng. Tiếng chập cheng vang rộn thôn bản, lời cuốn các cô gái múa theo nhịp chiêng, vừa múa, vừa dõ dõ đầu gậy xuống sàn nhà bịch bịch bịch. Chiêng đánh càng khỏe, chập cheng càng nhanh, nhịp múa càng hối hả, nhịp dõ dõ xuống sàn càng tăng, người càng rạo rục. Mọi người vỗ tay, trẻ con reo hò theo điệu múa không ngớt. Rồi tất cả mọi người đều bị lời cuốn vào vòng múa, vừa múa, vừa hát. Họ vừa múa hát mừng nhà mới, vừa mời rượu nhau. Trai gái hát đối đáp giao duyên. Người già hát bài dân ca Khơ Mú (Tom Khâm Mụ). Thỉnh thoảng mọi người lại nắm tay nhau trong vòng múa hô to: “Hô huyếch! Hô huyếch!”

Các động tác của múa mừng nhà mới là:

Động tác 1: Đo đất

Động tác 2: Chẻ lạt

Động tác 3: Đánh néo

Động tác 4: Ném tranh

Động tác 5: Nện đất

Động tác 6: Lên cầu thang

Động tác 7: Cười

Tình cảm động tác: Vui vẻ, sôi nổi, mừng thành quả lao động

Múa cá lượn (Viêng ver guông):

Múa cá lượn [Hình 1.2] thường được múa trong lễ sửa nhà của người Khơ Mú. Đây là điệu múa rất đặc trưng của người Khơ Mú. Nó thể hiện cho hình ảnh con cá bơi. Chính là sự tung tăng yêu đời của người Khơ Mú.

Xuất xứ của điệu múa này như sau: ngày xưa khi đi bắt cá, ngồi ngắm nhìn những con cá bơi đi bơi lại, sau đó người Khơ Mú vẽ hình dung ra những động tác đuôi cá, vây cá chuyển động và sáng tác ra điệu múa, đặt tên là cá lượn. Múa cá lượn tạo nên không khí vui tươi cho người múa.

Các động tác múa cá lượn nồng nàn, thân mật và ấm áp tình cảm gắn bó cộng đồng. Múa cá lượn gồm sáu động tác chính giống như vẫy đuôi, xòe vòng, ghe đầu quân quýt bên nhau của những con cá trắng dưới lòng khe. Điệu múa nhún duyên dáng rộn ràng, các diễn viên múa lượn lưng eo làm say đắm lòng người thưởng thức. Diễn viên càng say sưa múa, người vòng ngoài vòng trong càng đắm chìm cùng tiết tấu, nhịp điệu múa. Người múa tự khoe mình là chính, không gò bó trong từng đội hình... trong tiếng nhạc, người múa hòa vào dòng người xem. Trong mùa tìm nhau kết đôi hoặc trong các lễ hội, ngày vui của dân tộc mình, người Khơ Mú thường múa cá lượn.

Nhạc cụ trong múa cá lượn: cùng với âm thanh vang ấm của Ropang là tiếng rộn ràng của chiêng, chũm chọe, Om đin om đang.v.v...

Các động tác của múa Cá lượn là:

Động tác 1: Vẫy tay nhún tại chỗ

Động tác 2: Vẫy tay nhún cúi xoay phải, trái

Động tác 3: Nhảy dậm chân ngang, xoay

Động tác 4: Lắc hông tại chỗ

Động tác 5: Vẫy tay lên xuống, bước tiến

Động tác 6: Vẩy tay so le, lắc hông

Động tác 7: Vẩy tay lên xuống, lắc hông

Động tác 8: Nhún cúi miết tay dưới hông

Động tác 9: Vẩy tay nhún ngòi (cá lượn)

Tình cảm của động tác: uyển chuyển, đắm say, thể hiện tình yêu và ước vọng con người.

Múa tầm đao (tỏi điếng)

Múa tầm đao [Hình 1.3] được người dân Khơ Mú múa trong lễ hội cầu mưa.

Lễ cầu mưa (tê hội cơ mạ) là nghi lễ nông nghiệp đặc trưng tiêu biểu trong đời sống kinh tế cũng như văn hóa truyền thống của đồng bào người Khơ Mú. Lễ hội đã tồn tại trong tâm thức của đồng bào Khơ Mú từ lâu đời, thường được tổ chức vào ngày 15/4 hàng năm. Lễ hội được tổ chức sau khi reo hạt. Người Khơ Mú quan niệm rằng, sau khi gieo hạt, với ước nguyện vụ mùa năng suất cao, phải tổ chức lễ hội cầu mưa, cầu mong các thần linh che chở cho con người, bảo vệ mùa màng khỏi hạn hán và cầu cho mưa thuận cho gió hòa, cây trồng tốt tươi, mùa màng bội thu, nhà nhà no ấm. Đây cũng là dịp để đồng bào có dịp gặp gỡ nhau, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, hỏi thăm sức khỏe và được tham gia vào các điệu múa, câu hát cùng với những trò chơi dân gian truyền thống của dân tộc.

Lễ hội cầu mưa gồm hai phần: Phần lễ là nghi thức cúng mời các vị thần linh về hưởng thụ đồ lễ và phần hội với các trò chơi dân gian, dân tộc, múa hát các bài dân ca, dân vũ. Các điệu múa được múa trong lễ hội này là múa tầm đao, múa tăng bu, múa sạp...

Khi múa tầm đao, người múa thường xếp thành hai hàng đối diện nhau, sau nhịp dẫn của người đội trưởng, tất cả cùng hòa theo nhịp. Trên nền nhịp và âm thanh của tầm đao, các điệu múa sẽ được biến tấu hài hòa, tinh tế... Cứ

như thế, nhịp điệu tăng dần, càng lúc càng thôi thúc hơn, thăng hoa hơn trong điệu múa, như không bao giờ dừng lại.

Múa tầm đao là sự luân chuyển của hai tổ hợp động tác: những bước chân nhún nhẹ nhàng di chuyển ngược theo chiều kim đồng hồ với những động tác lắc mông. Tổ hợp động tác thứ nhất đơn giản hơn, gần giống với một số động tác trong điệu xòe của người Xinh mun và người Thái. Tổ hợp động tác thứ hai tương đối phức tạp. Các động tác trong tổ hợp thứ hai được thể hiện như sau: tay phải cầm đao, lam hơi chéch lên phía trên gõ vào tay trái đối diện, chân phải bước lên một bước nhỏ, lưng thẳng, chân phải và chân trái từ từ hạ thấp xuống đồng thời mông lắc mạnh sang hai bên. Khi mông hạ thấp gần chạm vào gót của bàn chân trái thì từ từ đứng lên vẫn làm động tác lắc mông như khi hạ xuống. Điều quan trọng khi làm tổ hợp động tác này là phải giữ cho nửa trên của lưng và vai không được cử động.

Các động tác của múa đao là:

Động tác 1: Nhún đánh tầm đao tại chỗ

Động tác 2: Nhún đánh tầm đao bước tiến

Động tác 3: Nhún xoay tay vẩy so le

Động tác 4: Lắc hông tay đưa tầm đao lên cao

Động tác 5: Nhảy bước tiến và đánh tầm đao

Động tác 6: Nhún ngồi đánh tầm đao

Tình cảm động tác: Mềm mại, uyển chuyển, trữ tình, yêu thiên nhiên

Múa hũn mạy [Hình 1.4]

Động tác 1: Nhún đánh hũn mạy tại chỗ

Động tác 2: Đi nhún thế 2

Động tác 3: Xăm pa

Động tác 4: Động tác Lưỡm Pa

Động tác 5: Nhảy dậm chân đi ngang

Động tác 6: Nhảy chụm hát chân sau

Tình cảm động tác: Mềm mại, uyển chuyển, trữ tình

Múa mừng lúa mới:

Ý nghĩa tạ ơn thần lúa, thần màu phù hộ cho người dân cấy lúa trĩu bông đồng thời cầu mong mùa màng tới các thần phù hộ cho người dân bội thu hơn nữa.

Ở điệu múa này họ vừa hát tơm mừng lúa mới và vừa múa theo nhạc.

Âm nhạc khi múa là tiếng trống, chũm chọe và tiếng chiêng (pi lâm lang)

Động tác 1: Vẫy tay tại chỗ

Động tác 2: Vẫy tay cúi

Động tác 3: Vẫy tay so le lắc hông

Động tác 4: Vẫy tay ngang hông nhún

Động tác 5: Vẫy tay so le nhún ngòì, đứng

Động tác 6: Bước tiến hát chân

Động tác 7: Bước tiến nhún cúi

Động tác 8: Nhảy dậm chân ngang

Động tác 9: Nhảy dậm chân xoay tròn

Động tác 10: Nhún cúi loan tay

Động tác 11: Nhảy ngang lắc hông

Tình cảm động tác: Mềm mại, uyển chuyển, mừng thành quả lao động

1.2.4.2. Động tác múa kết hợp nam nữ.

Múa chọc lỗ tra hạt (Te chur moi) [Hình 1.5A và 1.5B]

Hàng năm, cứ vào dịp tháng 3, tháng 4 là thời điểm người dân tiến hành cày cấy, để có mùa màng bội thu, người dân Khơ Mú thường tổ chức lễ hội tra hạt, lễ cầu mùa. Thầy cúng thay mặt cho người dân trong bản cầu cho mưa thuận gió hòa, người dân có được mùa vụ bội thu. Cầu mùa là một nghi thức để nhớ ơn người xưa đã biết tìm cây lúa, cây hoa màu và thể hiện quan niệm

cây lúa cây hoa màu cũng có hồn, có thần. Vì vậy, với mục đích tôn vinh cây lúa, cây khoai sọ, người Khơ Mú dâng lễ vật bao gồm các sọt lúa, sọt ngô, các loại hoa màu, một khóm cây bông lau, một khóm cây chè vè. Tất cả được các nam thanh nữ tú khỏe mạnh trong trang phục dân tộc rước kiệu lễ. Lễ hội Cầu mùa cũng cổ vũ, động viên bà con bước vào một vụ sản xuất mới với tinh thần lao động, sản xuất hăng say.

Trong lễ hội cầu mùa này, vũ điệu chọc lỗ tra hạt với chiếc gậy độc đáo gắn với nhạc cụ bao giờ cũng được thể hiện tưng bừng rộn rã như sự giao hòa âm dương, thức dậy những khát vọng về một cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Đàn ông khỏe mạnh dàn hàng ngang đi trước, vừa nhún nhảy, vừa vung gậy chọc lỗ tra hạt, những âm thanh như đánh thức đất trời, khích lệ những người tham gia lao động. Phía nữ cũng dàn hàng, đối diện. Nam vừa húng lỗ vừa lùi. Nữ vừa tra hạt giống vừa tiến, chân gặt nhẹ lép đất. Cả tập người, bên nam, bên nữ, cùng làm cùng nhịp nhàng uyển chuyển, hài hòa nhảy múa trong tiếng nhạc rộn ràng và trong khúc dân ca của chính người Khơ Mú: “Mưa rơi”

“Mưa rơi cho cây tốt tươi.

Búp chen lá trên cành.

Trên nương hương thơm nếp vàng.

Măng cười hé lên cùng.

Ngạt ngào hương thơm bay theo gió.

Những chim nường cùng nếp thơm. Nhìn mà no!”.

Các động tác múa chọc lỗ tra hạt

Động tác của nam

Động tác 1: Nhún nhẹ bước tiến

Động tác 2: Chọc lỗ

Động tác của nữ

Động tác 1: Nhún nhẹ bước tiến

Động tác 2: Gieo hạt

Động tác 3: Lấp đất

Tình cảm động tác: Dẻo dai, uyển chuyển, thể hiện nét đẹp trong lao động

Múa mừng măng mọc

“Mừng mùa măng mọc” là mỹ tục của người Khơ Mú Nghĩa Sơn (Văn Chấn, Yên Bái), thể hiện thái độ sống tôn trọng môi trường sinh thái và trách nhiệm với rừng, đồng thời chuyên chở những ý nghĩa nhân sinh cao đẹp. Năm nào cũng vậy, mỗi khi xuân về, những người Khơ Mú Nghĩa Sơn lại tổ chức “Hội mừng mùa măng mọc”, hội mừng sự hoàn sinh, ngày hội của đất trời và tình người.

Múa tăng bu, tăng bẳng – múa ống là điệu múa chủ đạo của hội mừng mùa măng mọc, có nguồn gốc từ chiếc gậy chọc lỗ tra hạt tria lúa trên nương cùng dụng cụ bằng ống tre lấy nước suối. Trai gái tay trong tay quanh cây quần hoa múa những động tác mạnh mẽ, dứt khoát, sôi động theo nhịp của ống tre trở mạnh xuống đất đánh thức những khát vọng và những hạt mầm... Điệu “Tăng bu” sôi nổi bao nhiêu thì điệu “Hun mạy” – Đàn tre lại mềm mại uyển chuyển và trữ tình bấy nhiêu: âm thanh của nhạc cụ bằng tre gõ vào tay như tiếng thầm thì của núi ngàn.

Các động tác của múa ống (Múa tăng bu – tăng bẳng) [Hình 1.6A và 1.6B]

Múa tăng bẳng (phần múa của nữ)

Tăng bẳng là đạo cụ để múa được làm bằng ống tre thẳng dài 1m, đường kính rộng 8cm. Khi múa người ta đổ 1 đầu ống xuống sàn và gõ theo tiết tấu của nhạc.

Động tác 1: Nhún dõ ống tại chỗ.

Động tác 2: Nhún xoa ống.

Động tác 3: Guồng ống.

Động tác 4: Nhảy tiến lên phía trước.

Động tác 5: Nhảy xoay tại chỗ

Động tác 6: Nhảy tiến lùi

Động tác 7: Dõ ống nhảy ngang

Múa tăng bu (phần múa của nam)

Tăng bu là đạo cụ để múa, ống tròn dài 25cm, đường kính 3cm được làm bằng gỗ hoặc tre, nứa. Người múa cầm vào giữa thân ống, ngón tay cái để dọc theo thân ống. Mỗi người múa cần 2 ống, mỗi tay cầm 1 ống. Khi múa gõ 2 tăng bu vào nhau theo nhịp nhạc.

Động tác 1: Nhún thế 6

Động tác 2: Nhún đưa chân bước

Động tác 3: Nhún xoay

Động tác 4: Nhảy dậm chân đi ngang

Động tác 5: Nhảy đá chân sau

Tình cảm động tác: Mạnh mẽ, dứt khoát, sôi động, đánh thức hạt mầm

Múa đuổi chim (Te Kam Dặt Sim)

Múa đuổi chim [Hình 1.7] cũng thường được múa trong lễ cầu mùa. Điệu múa này phần nhiều là những vũ điệu và tiết tấu nhanh, mạnh mẽ, sôi động, nhưng không kém phần hồn nhiên của các chàng trai cô gái. Mục đích của điệu múa đuổi chim là để xua đuổi các con vật không đến phá nương rẫy làm hại mùa màng nữa. Điệu múa này gắn liền với đời sống lao động của người Khor Mú.

Âm nhạc: Dùng trống, chiêng, những ống nứa gõ xuống miếng gỗ

Động tác nam

Động tác 1: Nghiêng người, đánh ống tre ngắn

Động tác 2: Di chuyển thành vòng tròn

Động tác 3: Nhảy co chân bước

Động tác 4: Gõ ống tre trước và sau khoeo chân

Động tác 5: Hất ống tre ngắn lên cao

Động tác 6: Cúi và gõ ống tre dưới khoeo chân

Động tác nữ

Động tác 1: Vỗ tay, nghiêng người

Động tác 2: Di chuyển thành vòng tròn và bước kếp nhanh

Động tác 3: Hất khăn

Động tác 4: Cúi và hất khăn

Tình cảm của động tác: mạnh mẽ, sôi động, hồn nhiên, yêu lao động

1.3. Các giá trị của múa Khor Mú ở Tây Bắc

1.3.1. Giá trị xã hội

1.3.1.1. Múa tham gia vào mọi sinh hoạt cộng đồng của người Khor Mú

Người Khor Mú đôn hậu, thủy chung, sống chan hòa giữa thiên nhiên và yêu thích nhảy múa, hát ca. Rất nhiều điệu múa của người Khor Mú gắn với cuộc sống lao động nông nghiệp. Chẳng hạn có người dựng được ngôi nhà mới trong bản, họ tổ chức lễ mừng nhà mới và sau đó là múa mừng nhà mới. Hay mỗi khi làm mùa, thu hoạch mùa thì họ có các điệu múa như múa chọc lỗ tra hạt, múa cầu mưa rơi, múa đuổi chim, múa mừng lúa mới vào mỗi dịp mùa.

Vào thời điểm tháng 3, tháng 4 hàng năm, người dân Khor Mú bắt đầu công việc cày cấy và cũng là thời điểm họ tổ chức lễ hội tra hạt. Khi gieo hạt trên nương, đồng bào thường làm đổi công cho nhau, đàn ông đàn bà, nam nữ tấp nập. Nam dàn hàng ngang, vừa húng lỗ vừa lùi. Nữ dàn hàng đối diện, vừa tra hạt giống vừa tiến. Âm thanh của Gréch tạo nhịp điệu lao động. Người cầm húng có gréch là người đứng tuổi, có kinh nghiệm lão luyện làm chủ,

húng giữ nhịp để mọi người cùng làm. Cảnh lao động ấy thật vui, thật đẹp, kết quả công việc cũng thật tuyệt vời. Do làm theo nhịp, theo khoảng cách đều, những lỗ húng thẳng nhau, có khoảng nhất định như ý muốn, độ sâu mỗi hố đủ bảo vệ hạt giống, cây dễ dàng mọc lên. Buổi lao động biến thành điệu múa chọc lỗ tra hạt, thành buổi sinh hoạt văn hóa dân gian. Một việc làm nặng nhọc biến thành sinh hoạt vui cộng đồng độc đáo. Tiếng cười vang xa mấy cánh rừng, bao nỗi mệt nhọc tan biến. Sau mỗi mùa vụ, nhiều đôi thanh niên nam nữ nên vợ nên chồng.

Điệu múa chọc lỗ tra hạt biểu tượng cho mối cộng cảm giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên, từng nhịp điệu đều liên quan mật thiết với tín ngưỡng cầu mùa và khát vọng về tình yêu đôi lứa.

Khi làm nương rẫy xong, người Khor Mú tổ chức lễ hội Mah Groy với mục đích tổng kết mùa vụ năm qua và bắt đầu một vụ mùa mới. Trong lễ hội này, điệu múa Vêlr Guông giữ vai trò chính trong sinh hoạt, giao lưu văn hóa của cộng đồng. Khi trống chiêng nổi lên gọi là Brinh họa (trống đuổi khi) cũng là tiếng trống, chiêng thúc giục mọi người trong bản về dự hội, mời ra múa. Nam đeo chiếc trống nhỏ “Kọng khăn” vừa là nhạc khí vừa là đạo cụ múa. Nữ trên tay cầm đôi chũm chọe Tseeng vừa là nhạc vừa là đạo cụ múa. Điệu múa nhún nhảy, mềm mại theo nhịp chiêng trống rộn ràng, bốc lửa.

Rõ ràng, múa dân gian dân tộc Khor Mú có sức mạnh bền bỉ trong lao động sản xuất, tham gia rất nhiều vào hoạt động lao động sản xuất của người Khor Mú; giáo dục ý thức tập thể, đưa mọi người đến gần nhau hơn, hiểu nhau hơn, cùng chung sức xây dựng bản làng và bảo tồn giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Là sản phẩm tinh thần quý giá trong đời sống xã hội, múa dân gian dân tộc Khor Mú còn chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong công tác nghiên cứu và phát triển nền nghệ thuật múa dân gian truyền thống. Ở bất cứ hoàn cảnh nào, giai đoạn nào, nghệ thuật múa Khor Mú vẫn có sức hấp dẫn

riêng do tính dân tộc đậm đà, tính thẩm mỹ, tính nhân dân sâu sắc trở thành nét đặc trưng riêng của các dân tộc Việt Nam.

1.3.1.2. Múa tham gia vào tín ngưỡng, nghi lễ, lễ hội của người Khơ Mú

Xưa kia người Khơ Mú tin rằng, mọi hoạt động trong đời sống hằng ngày của họ là do các loại siêu nhân vô hình chi phối được gọi chung là hroi (tức là ma). Ngoài ra còn có hroi ma dạ (ma tổ tiên) và hroi gang (ma nhà).

Người Khơ Mú sinh sống chủ yếu nhờ bằng làm nương rẫy theo tập quán du canh du cư (còn bộ phận sống định cư thì họ thường canh tác theo chu trình vòng tròn). Lúa ngô là cây lương thực chính của người Khơ Mú. Ngoài ra, họ còn trồng bầu, bí, đỗ và các cây lương thực khác. Công cụ sản xuất gồm có dùi, dao, cuốc, gậy chọc lỗ.

Sinh sống bằng nương rẫy, người Khơ Mú tin có tinh linh lúa, tượng trưng là bà mẹ lúa, trong quá trình canh tác gieo trồng, làm cho lúa sinh sôi nảy nở, mùa màng tốt tươi. Họ cũng cầu mong trời đất làm cho mưa thuận gió hòa, thóc lúa đầy nhà, mọi người ấm no hạnh phúc.

Lên nhà mới là dịp vui của gia đình và cả bản. Chủ nhà thường mổ lợn thiết đãi bà con xóm giềng. Đây là dịp dân bản trình diễn các sinh hoạt văn nghệ có tính cộng đồng.

Với tín ngưỡng và phong tục tập quán như vậy, người Khơ Mú có rất nhiều lễ hội và các điệu múa mang đậm bản sắc dân tộc mình. Để gìn giữ, phát huy bản sắc dân tộc mình, người Khơ Mú nhiều năm qua đã quan tâm đến việc duy trì các lễ hội truyền thống của tổ tiên. Đồng bào người Khơ Mú đã duy trì, bảo tồn được 5 lễ hội truyền thống mang tính cộng đồng cao. Các lễ hội thường xuyên được tổ chức là: lễ Cầu mùa, Tra hạt, Mừng cơm mới, Lễ Cúng bản và Lễ cầu mưa. Ngoài ra, còn có các lễ hội khác như cúng tổ tiên, lễ đón mẹ lúa, lễ hội mừng măng mọc...

Lễ Cầu mùa, Tra hạt và Mừng com mới là những nghi lễ gắn với đời sống kinh tế và văn hóa nông nghiệp của người Khơ Mú. Trong đó, lễ Mừng com mới và lễ Tra hạt được tổ chức với quy mô hộ gia đình. Lễ Tra hạt được chủ hộ tiến hành tại nương nhà mình và có sự góp mặt, giúp đỡ của nhiều gia đình khác.

Lễ Cúng bản, Cầu mưa, Cầu mùa được tổ chức chung cả bản với nội dung diễn ra tung bưng, náo nhiệt.

Lễ hội Cầu mùa là một trong những lễ hội lớn nằm trong hệ thống các lễ tục nông nghiệp của người Khơ Mú, là giá trị văn hóa phi vật thể vô giá không chỉ của dân tộc Khơ Mú mà còn là tài sản chung của cộng đồng dân cư các dân tộc Việt Nam, ở đó mang đậm nét sinh hoạt văn hóa hấp dẫn trong tín ngưỡng dân tộc Khơ Mú.

Cũng như nhiều dân tộc anh em khác, người Khơ Mú quan niệm, vạn vật có linh hồn, thiên nhiên xung quanh chúng ta như trời, đất, nương, rẫy... đều có quan hệ mật thiết với đời sống và sản xuất của con người. Lễ hội Cầu mùa phản ánh niềm tin vào các thế lực siêu nhiên của người Khơ Mú thuở sơ khai, đồng thời thể hiện ước muốn về mùa màng bội thu, cuộc sống no ấm, đầy đủ như khát vọng ngàn đời của các cư dân nông nghiệp trên miền đất này.

Cầu mùa là một nghi thức để nhớ ơn người xưa đã biết tìm cây lúa, cây hoa màu và thể hiện quan niệm cây lúa cây hoa màu cũng có hồn, có thần. Vì vậy, với mục đích tôn vinh cây lúa, cây khoai sọ, người Khơ Mú dâng lễ vật bao gồm các sọt lúa, sọt ngô, các loại hoa màu, một khóm cây bông lau, một khóm cây chè vè. Tất cả được các nam thanh nữ tú khỏe mạnh trong trang phục dân tộc rước kiệu lễ. Lễ hội Cầu mùa cũng cổ vũ, động viên bà con bước vào một vụ sản xuất mới với tinh thần lao động, sản xuất hăng say.

Lễ hội Cầu mùa của người Khơ Mú gồm 5 phần: phần lễ cúng ma nhà, tổ tiên – rượu cần; phần lễ tôn vinh cây lúa cây khoai sọ; phần lễ cầu mưa; lễ

chọc lỗ tra hạt; cuối cùng là các trò chơi dân gian mừng lễ hội... Trong phần lễ thường có các tiết mục múa tra hạt (tiếng Khơ Mú gọi là “Tẹ chur moi”), múa đao, múa đuôi chim, múa Cá lượn, thổi Pilumblang – nhạc cụ độc đáo của dân tộc Khơ Mú được thổi theo giọng tơm.

Lễ cầu mưa cũng là một trong những lễ hội lớn mang đậm bản sắc dân tộc Khơ Mú. Người Khơ Mú gọi hội mừng mưa rơi của dân tộc mình là lễ hội “Om đin om đang”, tức lễ hội mừng nước hay hội mừng mùa măng mọc. Theo các cụ già ở bản Pá Bon, xã Mường Luân, Điện Biên Đông, gọi như vậy bởi mở đầu phần hội bao giờ cũng là điệu múa “Om đin om đang” – điệu múa mừng măng mọc.

Hội mừng mưa rơi được tổ chức vào cuối tháng 3, đầu tháng 4 âm lịch, trước hoặc sau những cơn mưa đầu mùa. Trong lễ hội, người ta hát những bài ca mừng nương rẫy khi được đón những cơn mưa đầu mùa. Lễ hội thường được tổ chức trên nhà sàn và thầy cúng là người chủ trì phần lễ.

Để chuẩn bị cho lễ hội, người trong bản ốp bẹ chuối vào cột nhà để làm cây hoa chủ. Cây hoa chủ gồm 3 – 5 lớp. Các lớp cành đều treo hình chim, thú, hoa quả được đan bằng lát giang hoặc mua ở các chợ. Bàn thờ cúng thần linh được đặt ngay dưới cây hoa. Trên bàn thờ bày các lễ vật gồm: đĩa gà luộc, bánh chưng, bánh dày, xôi nhuộm phẩm đỏ, trứng, mía, gạo, muối... Tiếp đến, thầy cúng mặc trang phục dân tộc gồm: áo đen, chít khăn đen, thắt lưng đỏ (ngày nay chỉ còn mặc áo đen) đọc lời cầu cho người trong bản có sức khỏe tốt, gặp nhiều may mắn; cầu xin thần linh cho mưa thuận gió hòa, xua đuổi chim thú phá hoại mùa màng... Vừa đọc lời cúng, thầy vừa lấy nhúm gạo, muối, rượu tung ra xung quanh và thả xuống đất.

Sau phần lễ, phần hội diễn ra sôi nổi với những điệu múa truyền thống của dân tộc Khơ Mú như: múa cá lượn, múa ong eo, múa mừng măng mọc.

Như vậy những điệu múa của người Khơ Mú luôn luôn gắn chặt với đời sống tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội của họ.

1.3.2. Giá trị văn hóa

Dân tộc Khơ Mú có vốn truyền thống văn hóa lâu đời, phong phú, họ có nhiều truyện kể về sự tích xuất hiện loài người, truyện kể lịch sử. Tuy cuộc sống vật chất còn nghèo, nhưng cuộc sống tinh thần, các lễ hội dân gian khá dồi dào và luôn được đồng bào tham gia đông đảo. Tom là làn điệu dân ca được nhiều người ưa chuộng nhất. Các nhạc cụ tự tạo cũng khá phong phú: kèn môi, ống gỗ, đàn, trống, sáo. Người Khơ Mú có nhiều điệu múa, có cả múa xòe. Cuộc sống tinh thần khá phong phú. Nhị là nhạc cụ được ưa thích hơn cả, làn điệu dân ca quen thuộc nhiều người ưa thích là Tom. Làn điệu này mang đậm tính sử thi, trữ tình. Cách hát theo kiểu đối đáp. Một trong những nét văn hóa đặc sắc, thể hiện đậm đặc ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp lên văn hóa, tín ngưỡng và tính cách dân tộc của người Khơ Mú chính là nhảy sạp (Tê khơ liệp). Nhảy sạp của người Khơ Mú thường được tổ chức vào những đêm trăng, sau khi làm đồng áng mệt nhọc và nhảy sạp thường gắn với lễ cầu mưa (Khơ co rụ mạ). Người Khơ Mú thích các điệu múa, thổi các loại sáo, các bộ gõ bằng tre, nứa tự tạo, đặc biệt là thổi kèn môi.

Nền văn học, nghệ thuật dân gian của người Khơ Mú rất phong phú, bao gồm: Truyện kể, thuyên thuyết, thần thoại... chủ yếu thông qua truyền miệng. Người Khơ Mú có rất nhiều làn điệu dân ca vừa trong trẻo vừa khỏe khoắn với lời hát mang đậm tính sử thi, trữ tình, giàu hình ảnh của cây ngàn, khe suối. Họ hãnh diện với những điệu hát Tom (hát giao duyên) ngọt ngào, sâu lắng, nhất là làn điệu dân ca “Chiếc khăn piêu”. Cùng với làn điệu “Tom”, khi lên rừng làm nương rẫy, hay xuống chợ, đi du xuân...

người Khơ Mú thường hát điệu “Kun chor” (hát đi đường), âm vang, khỏe khoắn như tiếng vọng của đại ngàn.

Nhạc cụ và nhạc khí truyền thống của người Khơ Mú gồm: đàn trống (mbring robang), sáo dọc (piót), sáo nhiều ống (ho rơ), đàn môi, đàn dây (bring tơ hếch). Ngoài ra, còn sử dụng các loại nhạc cụ của người Thái như: Chiêng, trống, khèn bè, nhị hai cây, sáo... Độc đáo nhất trong hệ thống nhạc cụ người Khơ Mú là cây Pí Tom. Người Khơ Mú rất thích xòe, múa tập thể. Điệu múa đặc trưng của người Khơ Mú là múa Cá lượn (Viêng ver guông), múa Ong eo (Tẹ Viêr Guông). Ngoài ra, còn có những điệu như: Múa đuổi chim (Tẹ Kam Đặt Sim); múa cầu mưa (Te gơ); múa mừng nhà mới; múa dũ ống (tăng bu); múa chọc lỗ tra hạt (Tẹ chư moi)...

Tập quán canh tác nương rẫy và cuộc sống sinh hoạt luôn gắn bó mật thiết với thiên nhiên cùng với quan niệm vạn vật có linh hồn, trời đất, nương rẫy nên văn hóa của người Khơ Mú luôn mang đậm sắc màu thiên nhiên, thể hiện sinh động trong đời sống sinh hoạt, trang phục, văn nghệ dân gian và các điệu múa của người Khơ Mú. Chẳng hạn, điệu múa chọc lỗ tra hạt để cầu mùa màng bội thu; múa đuổi chim là để xua đuổi các con vật không đến nương rẫy làm hại mùa màng nữa; múa cá lượn là mô phỏng lại quá trình sống và sinh sôi của con cá gắn liền với đời sống của con người; múa cầu mưa, múa cầu mưa thể hiện tinh thần lạc quan, niềm tin vào cuộc sống, vào thiên nhiên với những ước muốn về mùa màng bội thu một cuộc sống no đủ, hạnh phúc.

Các điệu múa dân tộc Khơ Mú mang đậm bản sắc dân tộc về luật động, tạo hình, phong cách động tác và tính dân tộc, thậm chí nó còn là “đặc sản” của vùng Tây Bắc và chỉ có dân tộc Khơ Mú mới có điệu múa này như điệu múa chọc lỗ tra hạt, múa Ong eo, Múa tăng bu (múa ống tre) múa cá lượn, múa đuổi chim.

Những điệu múa mang giá trị văn hóa phi vật thể vô giá không chỉ của dân tộc Khơ Mú mà còn là tài sản chung của cộng đồng dân cư các dân tộc Việt Nam, ở đó mang đậm nét sinh hoạt văn hóa hấp dẫn trong tín ngưỡng dân tộc Khơ Mú vùng Tây Bắc. Chính vì vậy, việc gìn giữ và phát huy các giá trị của múa Khơ Mú rất cần được quan tâm, đặc biệt là những người yêu văn hóa các dân tộc và các nhà tài trợ để lễ hội được duy trì cho các thế hệ mai sau.

1.3.3. Giá trị thẩm mỹ

Nghệ thuật múa Khơ Mú được sáng tạo bởi từ quan niệm về cấu trúc thẩm mỹ, đồng thời thực hiện các chức năng nghệ thuật là giáo dục thẩm mỹ, đem sự cảm thụ về cái đẹp cho mọi người. Cái đẹp ấy bắt nguồn từ ý tưởng thẩm mỹ, quan niệm về cái đẹp của mỗi dân tộc. Do đó, nghệ thuật múa Khơ Mú cũng không nằm ngoài yếu tố phụ thuộc vào quan niệm thẩm mỹ có tính truyền thống của mỗi dân tộc.

Các điệu múa dân tộc Khơ Mú nêu lên những quan niệm về cái đẹp, về thiên nhiên, về đất trời. Chẳng hạn như điệu múa cầu mưa rơi, múa Ong eo biểu tượng cho mối cộng cảm giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên, từng nhịp điệu đều liên quan mật thiết với tín ngưỡng cầu mùa và khát vọng về tình yêu đôi lứa. Điệu múa cầu mùa, múa chọc lỗ tra hạt hay người ta gọi cách khác là “vũ điệu sinh sôi” với chiếc gậy độc đáo gắn với nhạc cụ bao giờ cũng được thể hiện tung bừng rộn rã như sự giao hòa âm dương, niềm tin vào các thế lực siêu nhiên, thức dậy những khát vọng về một cuộc sống ấm no hạnh phúc, mùa màng bội thu. Đó là những động tác lao động được thăng hoa thành nghệ thuật, chứa đựng những ý nghĩa nhân sinh cao đẹp. Điệu múa mừng măng mọc là mừng sự hoàn sinh, thể hiện thái độ sống tôn trọng môi trường sinh thái và

trách nhiệm với rừng, đồng thời chuyên chở những ý nghĩa nhân sinh cao đẹp.

Quan niệm thẩm mỹ còn được thể hiện ở trang phục múa, những nhạc cụ, đạo cụ. Trang phục của người phụ nữ Khơ Mú có màu sắc không sặc sỡ, không cầu kỳ, chiếc váy ôm sát người lộ ra những đường cong mềm mại của người phụ nữ. Bộ trang phục với những màu sắc, đường nét hoa văn độc đáo được thể hiện trên bộ trang phục cũng làm đẹp thêm cho người phụ nữ Khơ Mú. Ngoài ra, người Khơ Mú còn đeo các loại trang sức (các loại vòng) bằng bạc khiến cho họ đẹp hơn. Những đồ trang sức đó còn phát ra tiếng động khi họ di chuyển hoặc múa.

Đặc biệt tính thẩm mỹ còn thể hiện ở vẻ đẹp dịu dàng mềm mại của người phụ nữ đầy quyến rũ khi múa. Vẻ đẹp đó được thể hiện từ trang phục đến sắc mặt và một hệ thống động tác tay và hông. Những cô gái bước lướt nhẹ nhàng, dáng người mềm mại, động tác tay cấu tạo theo tuyến cong, vận động theo tiết tấu nhịp nhàng.

Những điệu múa như Ong eo, cá lượn, với những động tác đánh mông sang phải rồi lại sang bên trái, một tay vung lên trong nụ cười duyên dáng như muốn khoe đôi mông căng mẩy vô cùng. Trong lúc đó 2 bàn chân miết đi, miết về nhẹ nhàng xuống nền đất để tạo đà cho mông đung đưa, sóng sánh sang 2 bên cạnh của chiếc váy. Các “diễn viên” múa lượn lưng eo càng diễn càng say, lúc bay bổng cùng đôi chân dướn lên như chim vỗ cánh, lúc nhún nhảy như ngọn tre gặp gió lướt, khi thì như cù quay xoay vòng lả lướt làm người xem đứng vòng trong, vòng ngoài cũng nhún nhảy theo. Người múa tự khoe mình là chính, không bị gò bó trong đội hình vuông tròn, rồi hòa vào khối cộng đồng chẳng phân biệt được ai diễn chính, diễn phụ, tạo nên cảnh người múa và người xem thành một khối diễn. Họ có thể múa suốt ngày đến tận đêm trong lễ hội của mùa xuân.

Những thành tính điển hình như vậy đã tạo thành tính thẩm mỹ và lớp ngôn ngữ đặc trưng của nghệ thuật múa Khơ Mú

Nghệ thuật múa Khơ Mú không đứng im mà nó biến đổi, phát triển theo từng thời kỳ lịch sử để phù hợp với thẩm mỹ và trình độ phát triển từng thời kỳ lịch sử, phù hợp với thẩm mỹ, trình độ, tri thức của con người ngày nay. Mọi sự sáng tạo ấy đều tác động đến sự sáng tạo nghệ thuật múa Khơ Mú ngày nay.

1.3.4. Giá trị nghệ thuật

Nằm trong hệ thống múa dân gian dân tộc Việt Nam, múa Khơ Mú góp một phần không nhỏ trong kho tàng múa dân gian cổ truyền. Nó phản ánh cuộc sống lao động sản xuất, nếp sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng của người Khơ Mú

Một số điệu múa đòi hỏi kỹ thuật cao, khó thực hiện. Mặc dù có tính cộng đồng rất cao nhưng Ong eo là điệu múa khó, đòi hỏi phải có sự kết hợp nhuần nhuyễn, uyển chuyển, linh hoạt của nhiều động tác trên cơ thể như: Lên, xuống, uốn lượn, lắc ngang từ chân đến tay, bụng... Khi thể hiện các điệu múa, toàn thân người múa đều rung lên với đầy sức sống dồi dào, người múa dường như hòa mình cùng với nhịp của tiếng chiêng, trống, đắm mình trong cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ của vùng núi Tây Bắc, quên đi những lo âu của cuộc sống vất vả hàng ngày.

Một số điệu múa với những động tác khỏe khoắn, nhanh, mạnh như múa chọc lỗ tra hạt, dũ ống (tăng bu, tăng bảng); nhưng cũng có những điệu múa rất mềm mại, uyển chuyển, dẻo dai như múa Ong eo, múa mừng nhà mới, mừng lúa mới.

Trong các tập tục liên quan đến ngôi nhà cả người Khơ Mú có nhiều hoạt động nhảy múa. Những động tác múa dân gian Khơ Mú đã sưu tầm, chỉnh lý và đang được giảng dạy tại các trường múa, trường các lớp nghệ

thuật hiện nay đều có nguồn gốc từ những nghi lễ đó. Các động tác ấy phản ánh đời sống lao động khỏe khoắn, lạc quan và hình thành một hệ thống múa khá phong phú. Từ những chất liệu ấy, người ta có thể tái hiện một trình tự lao động khá đầy đủ và sinh động. Được bảo lưu và gọt rũa qua thời gian, những động tác múa ấy đã trở lên khá trau chuốt, khá hoàn chỉnh về luật động, tạo hình, tiết tấu. Nhiều nhà biên đạo đã từ những chất liệu ấy sáng tạo nên những tác phẩm được hoan nghênh ở trong và ngoài nước. Trong các hội thi múa dân gian dân tộc chuyên nghiệp của ngành múa không thể thiếu được những điệu múa đặc sắc của người Khơ Mú.

Hệ thống múa dân gian Khơ Mú được đưa vào giảng dạy tại các trường lớp nghệ thuật đã có một diện mạo khá độc đáo, góp phần làm phong phú thêm giáo trình múa dân gian Việt Nam. Di sản hiện hữu thật là quý giá, đồng thời những yêu cầu được đặt ra là cần sưu tầm, nghiên cứu sâu rộng hơn nữa để tiếp tục khai thác, bảo tồn và phát huy mạnh mẽ truyền thống múa dân gian dân tộc Khơ Mú.

Múa Khơ Mú được nằm trong hệ thống đào tạo các diễn viên, biên đạo, huấn luyện múa chuyên nghiệp về múa dân gian dân tộc Việt Nam và được coi là những điệu múa độc đáo, đặc sắc, mang đậm bản sắc dân tộc Khơ Mú.

Những giá trị nghệ thuật là nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định. Múa Khơ Mú có tính thống nhất, đậm đà bản sắc dân tộc. Những giá trị nghệ thuật ấy đã góp phần cho nền múa dân gian dân tộc Việt Nam nhiều màu sắc.

Tiểu kết chương 1

Do tập quán canh tác nương rẫy và cuộc sống sinh hoạt gắn bó mật thiết với thiên nhiên nên múa của dân tộc Khor Mú luôn thể hiện sức vươn lên trong cuộc sống. Thông qua các điệu dân vũ, người dân Khor Mú mong muốn con người luôn luôn được khỏe mạnh, họ cầu cho mùa màng bội thu, cầu cho mưa thuận gió hòa; đồng thời cũng thể hiện mối cộng cảm giữa con người với con người, con người với thiên nhiên. Các điệu múa liên quan mật thiết với tín ngưỡng cầu mùa và khát vọng tình yêu đôi lứa, sự cố gắng nỗ lực của người dân khi vượt qua mọi khó khăn để tồn tại phát triển cùng cộng đồng. Do đó, nét đặc biệt của múa dân gian Khor Mú là các động tác thường rất khỏe mạnh, mang tính sôi động rõ nét, rất đậm đặc. Những động tác lắc người hay ngòi, lắc hông, vẩy tay, chọc lỗ, tra hạt, dũ ống, thường biểu hiện những nét sinh hoạt đặc trưng của người Khor Mú. Sở dĩ có những động tác như vậy theo lý giải là vì người Khor Mú yêu lao động, múa cũng mô phỏng các động tác, cử chỉ lao động hàng ngày như: gặt lúa, xúc tép, làm cỏ...

Sau khi tìm hiểu múa dân tộc Khor Mú, tác giả luận văn đã phân tích đặc điểm của múa Khor Mú; giới thiệu về trang phục múa Khor Mú, âm nhạc múa Khor Mú và đặc biệt là đi sâu vào nguồn gốc xuất xứ, ý nghĩa cũng như hệ thống động tác thể hiện múa Khor Mú với các điệu múa như: Múa Ong eo, múa mừng nhà mới, múa cá lượn, múa tầm đao, múa hun mạy, múa mừng lúa mới (động tác múa nữ); múa chọc lỗ tra hạt, múa mừng măng mọc, múa đuổi chim (động tác múa nam nữ kết hợp). Từ đó làm cơ sở để phân tích các giá trị của múa Khor Mú như thế nào trong đời sống sinh hoạt cộng đồng cũng như trong nghệ thuật biểu diễn hay đào tạo các diễn viên múa.

Với việc nghiên cứu các luận điểm ở chương 1, người viết muốn nó làm điểm nhìn để chuẩn bị cho chương 2 khi phân tích sâu một số tác phẩm múa tiêu biểu các nhà biên đạo hiện nay đã sử dụng chất liệu múa Khor Mú trên sân khấu biểu diễn hay trong các lễ hội hiện đại như thế nào.

CHƯƠNG 2

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG CHẤT LIỆU MÚA KHƠ MÚ TRÊN SÂN KHẤU HIỆN NAY

Trong quá trình xây dựng ngôn ngữ múa, điều mà các tác giả quan tâm đến đó là làm thế nào sáng tạo những động tác múa, tổ hợp múa thể hiện được nội dung tác phẩm. Chúng ta đều biết ngôn ngữ biểu hiện của văn học là tiếng nói, chữ viết. Đó là thứ ngôn ngữ thông tin trực tiếp, dễ hiểu nhất so với các loại ngôn ngữ khác. Trong khi đó nghệ thuật múa với phương tiện là cơ thể con người và phải rất khó khăn để truyền đạt cho khán giả hiểu nội dung tác phẩm. Chính vì thế, biên đạo sẽ sử dụng chất liệu múa dân gian như thế nào để giúp cho ngôn ngữ tác phẩm thuận lợi trong việc phản ánh nội dung và ý đồ nghệ thuật. Điều quan trọng nhất đó là sử dụng chất liệu múa như thế nào để tác phẩm múa vẫn mang được bản sắc dân tộc. Đây là nghệ thuật biên đạo đồng thời cũng phản ánh kiến thức của tác giả khi muốn sáng tác tác phẩm múa về một dân tộc nào đó. Vì thế chương 2, tác giả luận văn muốn làm từ nội hàm các vấn đề được đặt ra liên quan đến nhiệm vụ của nội dung luận văn.

2.1. Tiêu chí, đặc điểm chất liệu ngôn ngữ múa

Tác phẩm múa được cấu tạo bởi các chất liệu ngôn ngữ múa hợp thành qua tư duy nghệ thuật biên đạo. Vậy chất liệu múa có một vị trí rất quan trọng. Vậy chất liệu là gì? Và chất liệu múa dân gian như thế nào? Khi chất liệu được đưa vào trong tác phẩm phải qua quá trình lựa chọn, phân loại, căn cứ theo yêu cầu của tác phẩm múa chuyên nghiệp để xác định mức độ sử dụng. Bởi vì đó là những yếu tố vật chất, những thành phần cơ bản để cấu trúc, xây dựng ngôn ngữ múa, ngôn ngữ tác phẩm.

Một trong những đặc điểm cơ bản của chất liệu múa dân gian đó là tính hiện thực của động tác múa. Do đó các động tác múa dân gian đều căn cứ vào

hình ảnh, sự vật cụ thể trong cuộc sống hiện thực để cách điệu hóa nghệ thuật. Từ căn nguyên đó mà các động tác múa tự thân đã phản ánh nội dung. Chúng ta có thể rõ ngay tên gọi từng động tác. Ví dụ như các động tác múa: Cấy lúa, chèo đò, bắn cung, dệt vải, câu cá, đấu kiếm, đấu vật, ném lao, đâm trâu, múa cờ, xâu chỉ, vá áo, giặt áo, kéo thuyền, hái đào, hái chè, bắt bướm, múa lân, múa sư tử, múa rồng, múa dâng hương, múa tra hạt, xay lúa, giã gạo v.v... Có tới hàng trăm điệu múa dân gian đã chỉ rõ hành động của sự vật. Đây là giá trị, cơ sở nghệ thuật mà múa dân gian đã có được. Những giá trị đó là điều kiện thuận lợi giúp cho tác giả có thể lựa chọn để đưa vào tác phẩm của mình một cách hợp lí. Đồng thời đó là những định hướng ban đầu cho tác giả khi sáng tạo ngôn ngữ múa. Có thể nói những động tác múa dân gian ở dạng thức trên được coi là tiêu chí để xác định chất liệu đối với sáng tạo múa chuyên nghiệp. Những điệu múa, động tác, tạo hình múa dân gian hàm chứa nội dung, hình ảnh sẽ là phương tiện, chất liệu quan trọng tham gia vào quá trình phản ánh nội dung tác phẩm. Tuy nhiên, vấn đề này còn phụ thuộc vào khả năng của biên đạo.

Qua tổng hợp, phân tích một số lượng khá lớn tác phẩm múa chuyên nghiệp, chúng tôi thấy chất liệu múa dân gian đưa vào tác phẩm thường tồn tại dưới hai dạng.

- Một là, hình thù, đường nét động tác múa dân gian vẫn được giữ với vai trò chủ đạo trong tác phẩm, hoặc tồn tại dưới dạng mô tip chính.

- Hai là, bao gồm các tác phẩm mà người xem không phát hiện thấy trong đó những động tác tồn tại ở trạng thái nguyên dạng, cho dù chỉ là thành phần nhỏ. Trong trường hợp này, chất liệu múa dân gian được tác giả "nhào trộn" một cách khéo léo, nó đã tan biến vào trong câu múa và trở thành ngôn ngữ tác phẩm. Hiện tượng này trong lĩnh vực sáng tác múa chuyên nghiệp hiện nay chưa phải là phổ biến, chúng tôi cho rằng, đây là cách sử dụng chất

liệu múa dân gian trong sáng tạo ngôn ngữ tác phẩm mang yếu tố tiên bộ và hiện đại.

Cách làm đó đã biểu hiện năng lực sáng tạo của tác giả ở trình độ cao cần được phát huy và khích lệ. Đây cũng là thực tiễn phản ánh quy luật sáng tạo nghệ thuật. Khi bản thân các tác giả qua quá trình nghiên cứu, sưu tầm, đã ảnh hưởng sâu đậm tâm hồn, tình cảm, bản sắc dân tộc, họ đã hòa nhập sâu sắc vào văn hoá múa dân gian, phong tục, tập quán, thói quen, nếp sống của con người... Khi ấy cảm xúc, sáng tạo cá nhân đã hòa tan cùng với các chất liệu múa dân gian tạo nên ngôn ngữ tác phẩm mang bản sắc dân tộc. Nhưng kể cả khi đó, chất liệu múa dân gian, chất liệu ban đầu vẫn là nền tảng, là điểm xuất phát cho thao tác tiếp theo đối với biên đạo múa trong quá trình xây dựng tác phẩm.

Chất liệu múa dân gian khi đó vào tác phẩm múa chuyên nghiệp còn được nhìn nhận dưới góc độ tính chất sắc thái của động tác. Trong hệ thống múa dân gian các dân tộc Việt Nam vấn đề tính chất, sắc thái được biểu hiện rất phong phú, đa dạng. Nếu hệ thống lại các động tác, điệu múa theo từng tính chất như: trữ tình, tươi vui, thương võ, kịch tính, tâm trạng, các loại tính cách, v.v... sẽ được một số lượng rất lớn các động tác múa dân gian thể hiện rõ đặc điểm, tính chất mà chúng tôi vừa nêu. Có thể nói đây là hình mẫu mà nghệ thuật biểu hiện múa dân gian để lại cho nghệ thuật múa chuyên nghiệp. Các biên đạo hiện nay đã học tập và khai thác những kinh nghiệm truyền thống khá nhiều trong các sáng tạo của mình.

Một số dáng múa, tư thế, luật động được các biên đạo vận dụng khéo léo tạo những phong cách riêng - phong cách nghệ thuật. Những tình huống cụ thể trong giới hạn không gian, nội dung vở diễn. Điều đó cho thấy chất liệu múa dân gian hoàn toàn có khả năng khắc họa các trạng thái tình cảm của con người.

Thành tựu trong lĩnh vực sáng tác múa chuyên nghiệp Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua cho thấy vai trò của múa dân gian có vị trí rất quan trọng. Hầu hết các tác phẩm múa chuyên nghiệp đều sử dụng chất liệu múa dân gian làm chủ đạo để xây dựng ngôn ngữ tác phẩm. Mặc dù trong thực tế múa dân gian đã được khai thác với cách tiếp cận và nhìn nhận khác nhau. Từ đó tạo ra sự phong phú, đa dạng giữa các tác phẩm múa chuyên nghiệp. Thực tiễn lịch sử cho thấy, cho dù hiện đại, cách tân ở mức độ cao thấp khác nhau, nhưng không thể không sử dụng chất liệu múa dân gian trong quá trình xây dựng tác phẩm. Tuy nhiên mức độ sử dụng chất liệu còn phụ thuộc vào tài năng sáng tạo của từng tác giả. Đây là nền tảng giúp cho các tác giả đi tìm ngôn ngữ biểu hiện tác phẩm. Có thể kể đến hàng trăm tác phẩm múa chuyên nghiệp có chất lượng nghệ thuật cao đã sử dụng chất liệu múa dân gian các dân tộc Việt Nam. Cần tiếp tục khai thác những giá trị nghệ thuật của chất liệu múa dân gian, tìm đến cái hay, cái đẹp vẫn còn tiềm ẩn ở cấu tạo bên trong chất liệu. Chất liệu múa dân gian và thái độ của biên đạo khi lựa chọn vào tác phẩm của mình là một việc làm có tính chuyên môn cao. Để phục vụ cho nội dung của tác phẩm sẽ được sáng tác, đòi hỏi biên đạo phải cân nhắc kỹ trước nhiều chất liệu múa dân gian khác nhau, tìm ra trong số đó chất liệu điển hình nhất, tiêu biểu nhất, có điều kiện phát triển, đồng thời khắc họa rõ nét ý đồ nghệ thuật của tác phẩm. Chất liệu múa dân gian khi đã được đưa vào trong tác phẩm, tất yếu sẽ được mỹ lệ hoá bằng các thủ pháp nghệ thuật cộng với tài năng sáng tạo của tác giả.

Chất liệu múa dân gian trong tác phẩm múa chuyên nghiệp là những động tác múa hoặc một bộ phận động tác múa dân gian ở trạng thái nguyên dạng qua tư duy sáng tạo của biên đạo được hình thành nên tác phẩm, mang dáng vẻ mới, nhưng vẫn giữ được những đặc điểm cơ bản.

Trước tiên về mặt lý thuyết cần xác định được những nội dung cơ bản của ngôn ngữ múa. Thực tế trong lĩnh vực sáng tác lâu nay giới chuyên môn thường nói hai cụm từ đó là “ngôn ngữ múa dân gian” và “ngôn ngữ múa hiện đại”. Hoặc một cách nói đơn giản hơn đó là múa dân gian và múa hiện đại. Cách nói đó thể hiện sự khác nhau cơ bản của ngôn ngữ múa.

Múa dân gian đó là sáng tạo của nhân dân, tồn tại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Còn múa hiện đại (nhìn từ góc độ tác phẩm) là sản phẩm sáng tạo của tác giả biên đạo. Như vậy múa dân gian và múa hiện đại giống nhau về đặc điểm ngôn ngữ, còn khác nhau về chủ thể sáng tạo. Chính vì thế để nhận dạng rõ chất liệu múa dân gian Khơ Mú chúng tôi thấy cần làm rõ khái niệm về ngôn ngữ múa.

Đã có nhiều tác giả trong nước và nước ngoài khái niệm về ngôn ngữ múa. Trong luận văn chúng tôi xin trích dẫn và phân tích ba ý kiến của ba tác giả, họ đều là những chuyên gia đầu ngành của nghệ thuật múa hiện nay.

PGS.TS.NSND Nguyễn Thị Hiền trong tập giáo trình “Nghệ thuật biên đạo múa”, Bộ Văn hóa Thông tin, Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh, năm 2005 có viết như sau:

Ngôn ngữ múa là những động tác, những tư thế tạo hình và sự biểu hiện của nét mặt. Đội hình tuyến múa kết hợp chặt chẽ với ngôn ngữ múa tạo thành kết cấu múa. Ngôn ngữ múa biểu hiện những suy nghĩ, những tình cảm diễn tả trong mối quan hệ của con người, những tính cách, hình tượng các nhân vật và tư tưởng của tác phẩm [18, tr.152].

Ý kiến thứ hai của PGS.TS.NSND Lê Ngọc Canh có viết như sau:

Ngôn ngữ múa là sự hoạt động phối hợp, đồng bộ hài hòa của đầu, mình, chân, tay thuộc cơ thể con người. Sự hoạt động đó phải được chuyển động trong nhịp điệu, tiết tấu, đội hình của bản thân nghệ thuật múa tạo nên sự chuyển động có nghệ thuật, có mục đích.

Đồng thời sự chuyển động phải được phối hợp chặt chẽ với nhịp điệu, tiết tấu, âm thanh của nghệ thuật âm nhạc. Sự hoạt động của cơ thể con người phải chứa đựng đầy đủ về tạo hình, mỹ cảm trong mọi động tác, chuyển động trong quy luật, luật động của múa. [7, tr.195, 196]

NSND Đặng Hùng viết như sau:

“Múa là phản ánh cuộc sống bằng ngôn ngữ động tác. Múa là loại hình nghệ thuật tác động đến đối tượng bằng cái đẹp. Sự hài hòa giữa đường nét, hình khối được tạo nên bởi sự chuyển động của động tác, đội hình, tuyến múa gọi lên những khoái cảm thẩm mỹ” [20, tr.34].

Như vậy qua ba ý kiến của ba tác giả trên cơ bản là khá tương đồng, tuy nhiên cách biểu hiện khác nhau. Từ đó chúng tôi có thể quy nạp ngôn ngữ múa có những thuộc tính cơ bản như sau:

- Động tác múa
- Đội hình múa
- Tuyến múa
- Tạo hình múa
- Biểu hiện tình cảm

Tất cả các thuộc tính trên chuyển động trên tiết tấu, nhịp điệu âm nhạc.

2.2. Môi trường tồn tại chất liệu múa dân gian Khơ Mú

Như vậy qua ba ý kiến của ba tác giả trên cùng với cách quy nạp của chúng tôi cho thấy múa dân gian và múa hiện đại đều mang trong mình những thuộc tính cơ bản trên. Chỉ khác nhau ở chủ thể sáng tạo. Với lập luận, so sánh, đối chiếu những nguyên tắc trên cho thấy chất liệu múa dân gian Khơ Mú bao gồm: động tác múa, tạo hình múa, đội hình múa và tuyến múa và hiện đang tồn tại ở hai môi trường:

- Một là trong môi trường sinh hoạt văn hóa cộng đồng dân tộc Khơ Mú

Múa dân gian Khơ Mú tồn tại trong môi trường sinh hoạt văn hóa cộng đồng thông qua các sinh hoạt lễ hội dân gian. Trong đời sống của người Khơ Mú tồn tại nhiều lễ hội như: Cúng ma bản, cúng tổ tiên, lễ đón mẹ lúa, lễ hội mừng măng mọc, đặc biệt lễ hội cầu mùa là một trong những lễ hội lớn nằm trong các lễ tục nông nghiệp của người Khơ Mú. Cầu mùa là một nghi thức để nhớ ơn người xưa đã biết tìm cây lúa, cây hoa màu, đồng thời với người dân thì cây lúa và cây hoa màu đều có thần và có hồn. Vì vậy để nhớ ơn và tôn vinh cây lúa người Khơ Mú đã tổ chức nghi lễ để dâng lễ vật bao gồm các sọt lúa, sọt hoa màu do các nam thanh nữ tú khỏe mạnh trong trang phục rước kiệu lễ. Lễ hội cầu mùa làm con người gần gũi, kết nối nhau tồn tại trong lao động sản xuất. Đồng thời thể hiện yếu tố tâm linh cũng như động viên mọi người bước vào một mùa màng mới với tinh thần mới, động viên nhau hăng say sản xuất.

Qua điền dã, sưu tầm chúng tôi đã thu thập và hệ thống được các động tác múa dân gian Khơ Mú và sẽ trình bày ở phần sau. Đó là những động tác, chất liệu múa hiện đang tồn tại nếu nhìn từ góc độ sáng tác tác phẩm múa chuyên nghiệp thì nó tồn tại với tư cách là chất liệu ngôn ngữ múa. Đây là những chất liệu cơ bản để cấu tạo nên ngôn ngữ tác phẩm trên sân khấu hoặc các phần múa trong các chương, đoạn của các chương trình lễ hội hiện đại.

- Hai là múa Khơ Mú trong một số nhà trường đào tạo nghệ thuật múa chuyên nghiệp.

Như vậy nguồn chất liệu múa Khơ Mú còn được các tác giả biên đạo tiếp nhận trong các nhà trường đào tạo múa chuyên nghiệp. Những động tác múa dân gian Khơ Mú được sưu tầm, chỉnh lý và đang được giảng dạy tại các trường múa, các trường văn hóa nghệ thuật các tỉnh thành Việt Nam đều có nguồn gốc từ những nghi lễ đó. Các động tác múa phản ánh đời sống lao động

của con người Khơ Mú khá gần gũi với hiện thực, khỏe khoắn, lạc quan và được mỹ lệ hóa qua tư duy của những người làm công tác đào tạo, sưu tầm được bảo lưu và gọt rũa qua thời gian, những động tác múa ấy đã trở nên khá trau chuốt, khá hoàn chỉnh về luật động, tạo hình tiết tấu. Hệ thống múa dân gian Khơ Mú được đưa vào giảng dạy tại các trường lớp nghệ thuật đã có một diện mạo khá độc đáo góp phần làm phong phú giáo trình múa dân gian Việt Nam. Di sản múa dân gian trong môi trường sinh hoạt văn hóa cộng đồng người Khơ Mú thật quý giá. Một mặt sưu tầm và đưa về các trường chuyên nghiệp là một việc cần tiếp tục nghiên cứu, khai thác trên tinh thần bảo tồn và phát huy.

Thực tế cho thấy, trên các sân khấu chuyên nghiệp hiện nay, chất liệu múa dân gian Khơ Mú được ứng dụng một cách phong phú và nhiều màu sắc khác nhau. Vấn đề này người viết sẽ tiếp tục trình bày ở phần sau, đó là ứng dụng múa dân gian Khơ Mú như thế nào để tạo ra một tác phẩm múa chuyên nghiệp mang tính biểu diễn nhưng vẫn giữ được hồn cốt dân tộc.

- Múa dân gian Khơ Mú được xem là một chất liệu sáng tác

Từ phân tích trên cho thấy múa Khơ Mú khi còn trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng tộc người được tồn tại trong trạng thái nguyên dạng. Khi nằm trong lễ hội hiện đại, qua tư duy sáng tác của tác giả biên đạo được biến đổi một cách mạnh mẽ. Vậy vấn đề tiếp theo đó là còn nguyên nhân gì để có thể dẫn đến sự biến đổi đó.

Theo tôi đó là các biên đạo đã tiếp cận và sử dụng múa dân gian Khơ Mú như một chất liệu để xây dựng ngôn ngữ múa Khơ Mú trong tác phẩm múa. Khi múa Khơ Mú được xác định là chất liệu để cấu tạo ngôn ngữ múa của các tác giả tham gia dàn dựng trong lễ hội. Tạm so sánh chất liệu múa trong sáng tác tác phẩm múa thì đối với ngành xây dựng người ta gọi là vật liệu, hình dáng, kiểu cách ngôi nhà như thế nào lại phụ thuộc vào kiến trúc sư.

Vậy chất liệu múa trong trường hợp này được xác định là điều kiện ban đầu để cấu tạo ngôn ngữ xây dựng tác phẩm. Khi xác định là chất liệu trong nghệ thuật sáng tác múa đương nhiên được các biên đạo ứng dụng một cách linh hoạt. Có thể nói múa Khơ Mú được phát triển “muôn hình ngàn vẻ”. Nguyên tắc đó cũng được phát huy khi tham gia vào chương trình lễ hội hiện đại.

Chất liệu để xây dựng ngôn ngữ cho tác phẩm múa rất quan trọng. Lâu nay trong ngành múa chuyên nghiệp người ta thường chỉ ra chất liệu múa và được hiểu có các dòng múa đó là:

Chất liệu múa dân gian được hiểu là những động tác tạo hình của múa dân gian các dân tộc được các biên đạo đưa vào trong tác phẩm, “nhào trộn” với các động tác khác, được biên đạo sáng tạo ra để từ đó hình thành ngôn ngữ múa của tác phẩm. Bất cứ quốc gia nào đều có múa dân gian và múa dân gian chính là chất liệu để tạo nên cốt cách của ngôn ngữ tác phẩm múa. Chất liệu múa dân gian.

Một trong cách làm phổ biến nhất hiện nay ở Việt Nam đó là khi muốn xây dựng một tác phẩm múa mang tính chất dân tộc, các biên đạo chuyên nghiệp thời nay đều sử dụng múa dân gian với tư cách là chất liệu để cấu tạo nên ngôn ngữ tác phẩm. Mà biên đạo là một chủ thể sáng tạo với tư cách là sáng tạo cá nhân. Điều đó đồng nghĩa với việc khi múa dân gian dân tộc Khơ Mú tồn tại trong cộng đồng tộc người thì hầu như rất ít biến đổi. Nhưng khi đưa nó lên sân khấu chuyên nghiệp hoặc các chương trình lễ hội hiện đại thì được biến đổi muôn hình muôn vẻ.

Như vậy sự biến đổi của múa Khơ Mú là tất yếu khi được coi là chất liệu khi còn tồn tại ở môi trường sinh hoạt văn hóa dân gian và môi trường đào tạo. Từ hai con đường đó được biên đạo ứng dụng trong sáng tác múa và trở thành tác phẩm múa biểu diễn trên sân khấu. Như vậy chất liệu múa đưa

vào tác phẩm nó sẽ mang một diện mạo và một tinh thần khác. Nhưng hình ảnh chủ đạo và sắc thái múa vẫn trên nền tảng múa dân gian Khơ Mú.

2.3. Cấu tạo tác phẩm múa

Từ chất liệu ngôn ngữ múa dân gian Khơ Mú “bước lên sân khấu” với phẩm chất và diện mạo là một tác phẩm múa biểu diễn. Điều đó được hiểu là múa dân gian bắt đầu di chuyển sang môi trường mới – “Môi trường sáng tạo”. Để làm rõ điều này người viết muốn làm rõ khái niệm tác phẩm múa chuyên nghiệp và những yếu tố cấu thành. Từ đó chứng minh vai trò của múa dân gian Khơ Mú nằm trong “cộng đồng các thành tố nghệ thuật trong khuôn khổ tác phẩm”.

Tác phẩm múa là một sản phẩm sáng tạo nghệ thuật của cá nhân biên đạo. Tác phẩm múa trước tiên cần được biểu hiện đầy đủ tiêu chí nghệ thuật múa. Là những điều kiện để nhận diện, xác định tác phẩm múa chuyên nghiệp và múa dân gian khác nhau như thế nào? Sau đây tác giả luận văn sẽ trình bày những yếu tố cấu thành một tác phẩm múa chuyên nghiệp.

Tác phẩm múa là sản phẩm sáng tạo nghệ thuật múa của tác giả biên đạo, ở đó biểu hiện được trọn vẹn ý tưởng nghệ thuật của người biên đạo bằng hình tượng múa. Thông qua tác phẩm, tác giả biên đạo muốn gửi đến khán giả những suy nghĩ, tình cảm và ước vọng của mình. Khi sáng tạo nghệ thuật múa của tác giả hay nói cách khác đó là tác phẩm đã được trình diễn trên sân khấu có đời sống khán giả.

Tác phẩm múa thường được biểu hiện dưới nhiều hình thức và thể loại khác nhau như: tính chất trữ tình, bi kịch, hài hước, anh hùng ca, dưới các dạng: Múa solo (múa 1 người); Duo (múa hai người); trio (múa 3 người); Múa tập thể đến các thể loại múa có quy mô lớn như thơ múa, tổ khúc múa và kịch múa.

Một tác phẩm múa được hình thành gồm những yếu tố sau:

- Kịch bản múa

Kịch bản múa là những ý tưởng đầu tiên trước khi ngôn ngữ múa xuất hiện. Kịch bản múa là cơ sở, là đường dây xuyên suốt, là chỗ dựa cho tác giả biên đạo trong quá trình sáng tạo xây dựng một tác phẩm múa. Đồng thời cũng là cơ sở cho âm nhạc thể hiện. Kịch bản múa còn được gọi là kịch bản văn học cho múa. Toàn bộ nội dung, chủ đề tư tưởng được thể hiện bằng ngôn ngữ văn học. Kịch bản múa còn gọi là một tác phẩm múa được thể hiện bằng ngôn ngữ văn học. Tuy nhiên, ngôn ngữ này thể hiện trong kịch bản là ngôn ngữ mang hình ảnh, tính hành động rõ ràng. Nó như một gợi ý, nền tảng ban đầu cho ngôn ngữ múa. Kịch bản múa cần ngắn gọn, đầy đủ, tập trung phục vụ chủ đề, mục đích chính của tiết mục múa. Ví dụ chúng ta đã từng tiếp cận kịch bản múa “Hồ thiên nga”, âm nhạc của Traicôpxki là một vở diễn lớn và nổi tiếng trên thế giới. Thời gian của toàn vở diễn ra trên sân khấu có thời lượng trên hai giờ, nhưng kịch bản của vở kịch múa này chỉ gồm 4 trang sách nhỏ. Điều đó cho thấy kịch bản cho một tác phẩm múa mang tính cô đọng rất cao. Về vấn đề này PGS.TS.NSND Nguyễn Thị Hiền có ý kiến như sau:

Do đặc trưng của thể loại kịch múa, cấu trúc kịch bản múa cần mạch lạc, khúc triết và hợp lý. Hành động của các nhân vật không rối rắm mà phải mang tính hình tượng và tính thẩm mỹ. Người viết kịch bản cần nghiên cứu đặc trưng của nghệ thuật múa để tìm tòi cấu trúc, xây dựng được kịch bản mang tính âm nhạc múa, tạo điều kiện cho người biên đạo phát huy trí tưởng tượng và sáng tạo ngôn ngữ múa.[18, tr.71,72].

- Âm nhạc cho múa

Âm nhạc là linh hồn của múa. Người ta chỉ có thể múa được khi có âm nhạc, dù ở trạng thái thô sơ nhất là nhịp gõ. Âm nhạc và múa có mối quan hệ hết sức chặt chẽ, hữu cơ với nhau. Khi cặp tác giả âm nhạc và múa tạo được

sự hài hòa ở một mức độ cao thì người xem không còn phân biệt được ranh giới của nó nữa. Các động tác múa như được sinh ra từ âm nhạc, còn âm nhạc như quyện vào động tác múa cùng thể hiện nội dung, tư tưởng, tình cảm sắc thái của tác phẩm.

Trong múa dân gian Khor Mú, âm nhạc là một yếu tố không thể thiếu được. Tại các làng bản, khi múa trong lễ hội truyền thống hoặc trong những ngày vui của mình, người Khor Mú thường sử dụng những nhạc cụ truyền thống để làm âm nhạc. Đó là trống vỗ (tâm pút), chiêng (r,bang), trống lớn (bring), kèn bè (sungcul), chiêng khi (r,bang họa), chũm chọe (theng), Ống gõ (Ôm đing), sáo (Pí tom, Tót tom), Kèn môi, Đàn môi, Dao. Tất cả được hòa tấu lên để cho các diễn viên múa. Khi đưa lên sân khấu biểu diễn, các biên đạo thường sử dụng âm nhạc điện tử. Nhưng tiết tấu, giai điệu và âm hưởng chủ đạo vẫn là những âm thanh của các nhạc cụ trên. Ví dụ, trong tác phẩm “Vũ điệu Khor Mú” của biên đạo Điều Thúy Hoàn đã sử dụng âm thanh của đàn T’rung, Klông Put làm chủ đạo khiến cho tác phẩm mang đậm chất của núi rừng; nhưng bên cạnh đó ta vẫn nghe thấy tiếng sáo (Pí tom, Tót tom) khi vút cao khi du dương, cùng với tiếng chiêng âm vang, rộn rã sen vào những trường đoạn cần thiết. Ngoài ra, còn có âm thanh của tiếng đao phát ra từ đao cụ đao của các diễn viên múa khi sử dụng đao cụ này vào tiết mục. Múa Khor Mú “Mừng gạo mới” của NSND Kiều Lê có âm nhạc chủ đạo là tiếng chiêng rộn ràng, tiếng của 2 thanh nứa gõ vào nhau kết hợp với tiếng như của chiếc gậy chọc xuống sàn nhà là những nhạc cụ, đao cụ quen thuộc của người Khor Mú. Tác phẩm “Những cô gái Khor Mú” của Văn Quang, ngoài âm nhạc điện tử thì những lúc tiếng sáo cất lên điểm vào trong tiết mục múa là những đoạn nhấn của tác phẩm.

- Biên đạo – ngôn ngữ múa

Đây là thành phần chính, quan trọng nhất đối với một tác phẩm múa. Khi âm nhạc đã làm xong nhiệm vụ của chính mình là thể hiện kịch bản văn học bằng ngôn ngữ âm nhạc thì lúc đó ngôn ngữ múa bắt đầu được xây dựng trên tinh thần của âm nhạc. Từng động tác múa, từng tổ hợp múa lần lượt được hình thành thông qua sự sáng tạo của biên đạo, tất nhiên trên nền tảng âm nhạc. Biên đạo múa phải thể hiện đúng, hợp lý những yếu tố: nhịp điệu, tiết tấu, kết cấu, cường độ, sắc thái của âm nhạc trong việc xây dựng từng động tác múa, từng câu, từng đoạn múa. Những động tác múa phải được khâu chuỗi lại một cách hợp lý, logic, biểu hiện được nội dung, chủ đề của tác phẩm, phù hợp với tinh thần của âm nhạc.

Tóm lại, biên đạo múa là người sáng ra tác phẩm múa, dàn dựng tác phẩm múa đồng thời là người hướng dẫn luyện tập tác phẩm múa.

Một số biên đạo khi sử dụng chất liệu múa Khơ Mú trong tác phẩm của mình đã đạt được những thành công nhất định. Có thể kể đến biên đạo Trần Cải với tác phẩm “Xuân về trên bản Khơ Mú”: đã được HCV tại Hội diễn ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc năm 1985, giải A trong Liên hoan ca múa nhạc chuyên nghiệp các tỉnh miền núi phía Bắc năm 1985. Tác phẩm này đã được Đoàn ca múa Nghệ Tĩnh, Đoàn ca múa kịch Nghệ An biểu diễn ở các nước khác như Lào, Thái Lan. Biên đạo Điêu Thúy Hoàn với tác phẩm “Vũ điệu Khơ Mú”. Tác phẩm đạt giải huy chương Bạc Liên hoan các trường văn hóa nghệ thuật toàn quốc năm 2010. Biên đạo Kiều Lê với tác phẩm “Mừng gạo mới”. Tác phẩm được dàn dựng và biểu diễn tại Nhà hát Ca Nhạc Nhẹ Việt Nam. Huy chương vàng Liên hoan ca múa Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc năm 2009. Biên đạo Ứng Duy Thịnh với những màn múa Khơ Mú đặc sắc trong chương trình nghệ thuật “Lai Châu đất với người đã dậy tương lai”. Ngoài ra còn nhiều tác phẩm múa của các biên đạo khác nữa được biểu diễn trong các Hội diễn, hội thi chuyên nghiệp, thi kết thúc khóa học, các chương

trình văn nghệ quần chúng hay tại các khu du lịch. Có thể kể đến một số các biên đạo như Văn Quang với tác phẩm “Những cô gái Khơ Mú” dàn dựng cho tập thể nữ nghệ sĩ múa Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc; biên đạo múa Hoàng Thêu với tác phẩm “Cầu mùa” dàn dựng cho các diễn viên nghiệp dư phục vụ du lịch ở khu du lịch Hàm Rồng (Sa Pa, Lào Cai).

- Diễn viên

Diễn viên là người truyền đạt lại toàn bộ ý đồ, nội dung, biểu hiện âm nhạc, ngôn ngữ múa tới khán giả. Từ kịch bản múa người nhạc sĩ đã sáng tạo bằng ngôn ngữ âm nhạc của mình. Biên đạo múa sáng tạo tiếp theo trên cơ sở âm nhạc đã hoàn thành. Công việc nối tiếp là vai trò của người diễn viên. Đây là một bước quan trọng và tác phẩm múa dần được hình thành trong quá trình làm việc của diễn viên với biên đạo. Một tác phẩm múa đạt được hiệu quả nghệ thuật cao có sự đóng góp quan trọng của diễn viên. Diễn viên cũng là người đồng sáng tạo ra tác phẩm. Tùy theo nội dung, đặc điểm, phong cách mà người biên đạo lựa chọn diễn viên cho phù hợp.

- Bài trí - phục trang - ánh sáng

Đây là một thành tố góp phần làm nên diện mạo và tính chất sắc thái tác phẩm. Bài trí sân khấu và thiết kế trang phục cho tác phẩm múa rất khác với bài trí, thiết kế trang phục cho một vở diễn sân khấu. Nghệ thuật múa với tính tượng trưng và cách điệu cao, ngôn ngữ múa được thể hiện bằng chính cơ thể của người diễn viên. Nếu như trang phục làm “cản trở” cho những hoạt động múa thì cũng làm giảm hiệu quả của tác phẩm. Xem một điệu múa có nghĩa là xem sự chuyển động của hàng loạt tạo hình, động tác khác nhau. Người nghệ sĩ biểu diễn phải thao tác những luật động mang tính kỹ thuật cao như quay, nhảy, xoạc chân ngang, dọc, hát, đá mà trang phục thiết kế vẫn phải đảm bảo cho người diễn viên hoạt động thuận lợi, đảm bảo được vẻ đẹp, thể

hiện được đúng tính cách nhân vật, đáp ứng được nội dung tư tưởng của tác phẩm.

Ánh sáng sân khấu cho nghệ thuật múa cũng mang tính đặc thù. Các nhân vật trong tác phẩm múa liên tục chuyển động với tốc độ nhanh, tần suất cao. Vì thế ánh sáng phải thiết kế để bám đuổi kịp sự hoạt động của động tác, đội hình múa. Đồng thời vẫn phải đảm bảo được những tình huống, tính cách nhân vật, phong cách nghệ thuật của tác phẩm. Hiện nay ánh sáng với hệ thống công nghệ cao góp phần rất quan trọng đối với hiệu quả nghệ thuật của tác phẩm múa. Nghệ sĩ ánh sáng cho nghệ thuật múa vừa phục vụ đáp ứng yêu cầu của tác phẩm múa, đồng thời vẫn luôn độc lập, tìm tòi sáng tạo. Có thể nói đây cũng là một thành tố quan trọng trong việc góp phần làm nên thành công tác phẩm.

2.4. Một số khuynh hướng ứng dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú trong xây dựng tác phẩm

Phần này chúng tôi sử dụng thuật ngữ “khuynh hướng ứng dụng” với mục đích làm rõ cách các tác giả biên đạo đã ứng dụng chất liệu múa dân gian dân tộc Khơ Mú như thế nào trong xây dựng tác phẩm múa chuyên nghiệp. Mục đích thứ hai đó là hệ thống lại một số khuynh hướng sáng tác đang tồn tại trong nhiều thập kỷ qua khi sử dụng chất liệu múa dân gian các dân tộc nói chung và chất liệu múa dân gian Khơ Mú nói riêng. Ứng dụng chất liệu múa trong sáng tác còn được gọi là phương pháp sáng tác. Thực tế cho thấy trong nghệ thuật biên đạo luôn có nhiều diễn biến đa dạng, phong phú. Mỗi cá thể tác giả đều muốn đi tìm “cái riêng” cho mình. Nhưng cho dù ở mỗi chủ thể sáng tạo khác nhau nhưng qua cách biểu hiện trong tác phẩm đều thấy rõ những khuynh hướng sáng tác. Khuynh hướng sáng tác chính là “cách” ứng dụng chất liệu để sáng tác tác phẩm biểu diễn.

2.4.1. Khuynh hướng sử dụng nguyên dạng chất liệu múa dân gian Khor Mú

Đây là khuynh hướng xuất hiện ở giai đoạn đầu tiên, khi ngành múa mới ra đời. Ở khuynh hướng sáng tác này, động tác múa dân gian được biên đạo đưa vào trong tác phẩm múa chuyên nghiệp với trạng thái nguyên dạng. Điều đó có nghĩa là sưu tầm như thế nào thì đưa nguyên như thế vào trong sáng tác của mình. Biên đạo chỉ làm công việc chắp nối các động tác vào với nhau "tương đối hợp lí" theo cảm nhận riêng của tác giả. Khuynh hướng này được hình thành, phát triển vào những năm năm mươi của thế kỷ trước. Các biên đạo sáng tạo gần như theo "bản năng tự nhiên" vì họ chưa hề được trang bị những kỹ năng sáng tác như các biên đạo thời hiện đại. Đây là thời kỳ các biên đạo đã sử dụng múa dân gian, chất liệu múa dân gian coi như là "tài sản riêng" trong sáng tạo của mình. Có thể nói, nhiều tác phẩm chỉ là phép cộng của những chất liệu múa dân gian lại với nhau. Biên đạo chỉ quan tâm và tiến hành hai thao tác, đó là: đội hình và tiết tấu của các động tác múa, đoạn múa.

Đội hình múa, tuyến múa là thành phần cơ bản trong quá trình diễn biến tác phẩm. Do đó, nghiên cứu đội hình, tuyến múa trong các tác phẩm cùng một thời kỳ, có thể đánh giá được sự phát triển nghệ thuật biên đạo của thời kỳ đó. Qua nghiên cứu, phân tích, những đội hình cơ bản được sử dụng nhiều nhất trong giai đoạn này là đội hình hàng dọc, hàng ngang và vòng tròn. Còn tiết tấu phụ thuộc vào cấu trúc của tác phẩm đó là thể *hai đoạn đơn* và *ba đoạn đơn*.

Khuynh hướng đưa nguyên dạng động tác múa dân gian vào trong sáng tác, thực tế đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao. Mặc dù, dấu ấn sáng tạo của tác giả biên đạo trong tác phẩm không được thể hiện rõ, nhưng nguyên nhân dẫn đến thành công đó là tự bản thân động tác múa dân gian nguyên dạng đã có tính thẩm mỹ cao, chứa đựng những yếu tố nghệ thuật độc đáo.

Những tác phẩm tiêu biểu cho khuynh hướng sáng tác này là: múa Roong chiêng, múa Quạt, múa Chàm rông, múa Sắc bùa, múa Trống bông, múa Sạp, múa Nón... (A.1, A.2, A.3, A.6, A.25).

Tác giả Xuân Định cũng có những nhận xét về khuynh hướng sáng tác ở thời kì đầu tiên như sau:

Chúng ta đánh giá cao sự đóng góp của các tác phẩm này vào sự hình thành và phát triển nghệ thuật múa chuyên nghiệp. Nhưng cũng nhận thấy một nhược điểm lớn của chúng là nói chung tất cả động tác sưu tầm được của một dân tộc, tác giả sắp xếp hết chúng vào một điệu múa. Tác giả trình bày lần lượt từng động tác một nối tiếp với nhau, mỗi động tác là một đội hình và một khổ nhạc nhất định. Sự gia công chủ yếu về tạo hình là ở đoạn mở đầu và kết thúc. Mặc dù vậy chúng tôi vẫn nhắc lại, đây là những tác phẩm thành công [14, tr.8].

Nhiều quốc gia trên thế giới cũng tồn tại khuynh hướng sáng tác trên. Có lẽ đây cũng là một đặc điểm phản ánh quy luật phát triển của nghệ thuật múa nói chung.

Khuynh hướng giữ nguyên dạng những động tác múa dân gian trong sáng tác đã tồn tại một thời gian khá lâu. Mặc dù nghệ thuật xây dựng tác phẩm còn đơn giản, nhưng khuynh hướng này đã để lại những giá trị nghệ thuật, những bài học kinh nghiệm cho các giai đoạn tiếp theo. Những giá trị đó được khẳng định ở một số điểm như: Có nhiều tác phẩm múa có giá trị nghệ thuật cao, phản ánh chân thực bản sắc múa dân gian, dân tộc; Các biên đạo đã có công trong việc sưu tầm múa dân gian; Do chất lượng nghệ thuật tốt, cho nên một số tác phẩm đã có sức sống lâu bền, vì thế trong một chừng mực nào đó, nó còn mang ý nghĩa như một đóng góp vào di sản múa Việt Nam.

Để minh họa cho khuynh hướng thứ nhất mà người viết đã trình bày ở phần trên, xin được nêu một vài ví dụ về múa Khơ Mú. Đó là tác phẩm

“Múa Khơ Mú” được sáng tác vào năm 1973 của tác giả biên đạo NSUT Trọng Lanh. Tác phẩm được sáng tác và biểu diễn tại Đoàn Nghệ thuật Quân khu 4. Thời gian đó, “Múa Khơ Mú” tồn tại nhiều năm trên sân khấu. Khán giả cũng như đồng nghiệp đánh giá cao về chất lượng nghệ thuật của tác phẩm với lý do trong đó có những động tác độc đáo và đặc sắc. Khi tìm hiểu, phân tích, cho thấy tác giả biên đạo hầu như sử dụng khá “trung thành” các động tác múa dân gian. Có thể nói đây là tác phẩm đại diện cho khuynh hướng ứng dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú theo phương pháp sử dụng nguyên dạng mà chúng tôi đã đưa ra.

Màn múa dân tộc Khơ Mú trong chương trình nghệ thuật “Lai Châu đất với người đã dậy tương lai” cũng được biên đạo múa Ứng Duy Thịnh sử dụng nguyên dạng. Một số động tác trong múa dân gian Khơ Mú khi ở môi trường sinh hoạt cộng đồng như thế nào thì xuất hiện trong chương trình này hầu như không thay đổi nhiều về luật động, đường nét.

Ngoài ra còn khá nhiều tác phẩm cũng theo khuynh hướng này. Tuy nhiên đó là các sáng tác của các tác giả không chuyên trong các cuộc liên hoan nghệ thuật múa quần chúng, hoặc ở một số tác phẩm của của các biên đạo dàn dựng để phục vụ khách du lịch tại các điểm du lịch, làng văn hóa cũng đều giữ nguyên bản các động tác múa Khơ Mú. Chẳng hạn tác phẩm “Mừng nhà mới” ở đội văn nghệ khu lịch Hàm Rồng, thị trấn Sa Pa, Lào Cai; tác phẩm “Cầu mùa” do biên đạo Hoàng Thêu dàn dựng và biểu diễn trực tiếp tại làng văn hóa dân tộc khu du lịch Hàm Rồng cho khách tham quan du lịch xem. Hai tác phẩm múa Khơ Mú với thời gian khoảng 5 – 6 phút, diễn viên biểu diễn cả nam và nữ (Nữ múa tay không, nam cầm gậy khoảng 1m để làm chiếc gậy chọc lỗ). Trong 2 tác phẩm này, các động tác múa lao động như chọc lỗ tra hạt và động tác múa sinh hoạt như cá lượn (Lắc mông nhún tại chỗ hai tay bên hông, lắc mông nhún xuống đứng lên hông hai

tay bên hông, lắc hông ký chân tay cao tay thấp...) đã được các biên đạo sử dụng nguyên bản của múa dân gian Khơ Mú.

Điều đó cũng dễ hiểu với tư duy của những tác giả chưa được đào tạo nghệ thuật biên đạo chuyên nghiệp thì cách này là cách đơn giản dễ thực hiện.

Tuy nhiên ở khuynh hướng này đang có một hiện tượng là một số biên đạo trẻ do còn thiếu kinh nghiệm sáng tác và chưa hiểu sâu về văn hóa tộc người Khơ Mú, cũng như ý nghĩa và tính chất của các điệu múa Khơ Mú nên đã đưa lên những tác phẩm có sử dụng chất liệu múa Khơ Mú chưa đạt hiệu quả nghệ thuật như mong muốn. Nhưng hiện tượng này chỉ xảy ra ở các biên đạo khi dàn dựng cho các chương trình nghệ thuật nghiệp dư hoặc phục vụ đối tượng khách du lịch không có kiến thức sâu về múa Khơ Mú. Chẳng hạn tác phẩm “Cầu mùa” do biên đạo Hoàng Thêu khu du lịch Hàm Rồng đã ghép các điệu múa lao động với điệu múa sinh hoạt vào chung một tác phẩm. Có thể vì mục đích là phục vụ biểu diễn cho du khách tham quan và để quảng bá về văn hóa Khơ Mú nên một số biên đạo khi sáng tạo đã chưa khai thác triệt để được về mục đích, ý nghĩa và tính chất của các động tác. Thiết nghĩ cho dù là nghiệp dư hay chuyên nghiệp, người biên đạo khi đã đưa tác phẩm lên sân khấu cũng cần phải đặt ra tiêu chí đạt hiệu quả tốt nhất có thể. Hơn nữa, múa Khơ Mú phục vụ khách du lịch cũng là một cách để quảng bá văn hóa dân tộc, bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp của nó. Do đó, các nghệ sĩ múa càng phải làm cho đạt hiệu quả chất lượng nghệ thuật.

2.4.2. Khuynh hướng sử dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú với tư cách là mô típ chủ đạo

Đây là khuynh hướng khá phổ biến trong sáng tác múa hiện nay. Khuynh hướng này được coi là mới, có kỹ năng cao hơn so với khuynh hướng

sáng tác ở giai đoạn đầu tiên. Nó phản ánh bước phát triển của nghệ thuật biên đạo. Đồng thời đòi hỏi biên đạo cần có một kiến thức tổng hợp hơn, kỹ thuật và năng lực sáng tạo cao hơn.

Trước khi xây dựng tác phẩm, biên đạo cần có sự chọn lọc động tác, chất liệu trong hệ thống múa dân gian một cách tinh tế, tiêu biểu, điển hình. Chất liệu được lựa chọn phải có điều kiện để phát triển, mở rộng ngôn ngữ múa, phù hợp với nội dung, yêu cầu của tác phẩm.

Tiêu biểu cho khuynh hướng sáng tác này trước tiên phải kể đến kịch múa “Ngọn lửa Nghệ - Tĩnh”. Đây là một vở kịch múa lớn, những nhân vật được xây dựng trên chất liệu, kinh nghiệm xây dựng tính cách của nghệ thuật múa dân gian. Các biên đạo đã sử dụng chất liệu múa như một phương tiện để thể hiện nội dung, tính cách, hành động của nhân vật. Đặc biệt khi các nhân vật như tri huyện, địa chủ, lý trưởng, người xem ở đâu đó đã liên tưởng tới những nhân vật hề gậy, hề môi trong nghệ thuật múa chèo. Có thể nói ngôn ngữ các nhân vật trong toàn bộ vở diễn từ vai chính đến vai phụ đều sử dụng các động tác về bàn tay như: guộn cổ tay, guộn ngón tay, guộn một tay, guộn hai tay, guộn đuôi hai bàn tay với nhau (hai bàn tay đối nhau theo vòng tròn ngược kim đồng hồ), guộn ở các tư thế khác nhau, ở tốc độ âm nhạc nhanh chậm khác nhau... Một trong những đặc điểm của múa dân gian đó là ngoài múa tay không còn có múa với đạo cụ. Trong kịch múa này, biên đạo đã sử dụng những đạo cụ như đôi quang gánh, chiếc giỏ cua và chiếc nón – là những hình ảnh điển hình của người nông dân Việt Nam.

Tác phẩm múa “Tuổi trẻ núi rừng” của tác giả Ứng Duy Thịnh người ta không còn thấy động tác múa dân gian ở thể nguyên dạng, mà đã được tác giả "biến hoá" một cách khéo léo nhưng không làm mất đi tính chất, sắc thái, phong cách dân gian của dân tộc đó.

Tiếp sau đó là một loạt các tác phẩm của các biên đạo như: múa “Những cô gái Lô Lô” - biên đạo Kim Tiên, “Hương sen” - biên đạo Phi Long, “Những chàng trai Khơ Mú” - biên đạo Lò Minh Khùm, múa Rìu - biên đạo loong Ta, múa Chuông - biên đạo Vũ Hoài, “Thiếu nữ Chăm” - biên đạo Nguyễn Thị Hiền, “Cô gái Ê Đê” - biên đạo Y B'Rôm, “Duyên quê” - biên đạo Đặng Cường, “Cây trúc xinh” - biên đạo Quốc Toàn, “Âm vang trống đồng” - biên đạo Xuân Ngọc, “Hồn cồng” - biên đạo Xuân La, “Dệt đẹp tình quê” - biên đạo Lữ Kiều Lê, “Gặp gỡ mùa xuân” - biên đạo Ứng Duy Thịnh, “Thoáng Chấm” - biên đạo Ngọc Bích, “Thiếu nữ Chăm” - biên đạo Ngọc Canh, “Khát vọng” - biên đạo Đặng Hùng, “Khúc biến tấu từ pho tượng cổ” - biên đạo Ứng Duy Thịnh.v.v... cũng sử dụng theo phương pháp này.

Những động tác chủ đạo khi đưa vào tác phẩm không còn ở trạng thái nguyên dạng mà nó đã được biến hoá, phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Biên đạo đã không sắp xếp cố định động tác vào đội hình, hay sử dụng âm nhạc một cách máy móc, mà ở đây chất liệu dân gian sau khi đã được tác giả lựa chọn sẽ giữ vai trò chủ đạo để xây dựng ngôn ngữ múa, ngôn ngữ tác phẩm. Sự phát triển, sáng tạo đó phụ thuộc vào sắc thái, tinh thần âm nhạc, đồng thời biểu hiện trong quá trình diễn biến nội dung tác phẩm. Động tác và tạo hình được phối hợp ở nhiều góc độ, bố cục khác nhau do sự thay đổi của các tuyến, đội hình múa. Cách phát triển ngôn ngữ múa theo nguyên tắc tương phản hoặc đồng điệu, cùng những đoạn lặp lại hợp lý, tạo nên một cảm xúc thống nhất. Đó là một số đặc điểm của phương pháp sáng tác thứ hai mà tác giả luận văn vừa nêu. Cho đến nay vẫn là một trong những phương pháp được các biên đạo sử dụng tương đối nhiều.

Khuynh hướng sử dụng chất liệu múa dân gian để làm cơ sở phát triển ngôn ngữ tác phẩm đã góp phần làm giàu cho múa dân gian các dân tộc Việt Nam. Trong quá trình sáng tạo, các tác giả đã cố gắng mỹ lệ hóa ngôn ngữ,

động tác múa dân gian. Sự cố gắng của tác giả trong tác phẩm là quá trình tiếp thu và phát triển múa dân gian dân tộc. Có thể nói, cùng tồn tại với các khuynh hướng sáng tác khác, thì khuynh hướng này vẫn là khuynh hướng phổ biến nhất trong sáng tác múa hiện nay. Cũng có tác phẩm chỉ sử dụng một động tác chủ đạo, hoặc có tác phẩm sử dụng từ hai đến ba động tác... Nhưng vấn đề quan trọng đó là động tác chủ đạo luôn luôn là động tác cốt lõi trong toàn bộ tác phẩm. Cho dù phát triển đến đâu chăng nữa nhưng không thoát ly khỏi tính chất, phong cách tác phẩm, cũng như đặc điểm, tính chất, sắc thái động tác chủ đạo. Đây là khuynh hướng sáng tác, mà trong đó năng lực, sức sáng tạo của người biên đạo được phát huy triệt để. Thông qua tác phẩm người ta có thể đánh giá được năng lực sáng tạo của tác giả dưới nhiều góc độ khác nhau.

Tác giả Lê Ngọc Canh đã phát biểu về khuynh hướng sáng tác này như sau:

Dạng kiểu này đã và đang được các nhà biên đạo quan tâm phát triển, đã có kết quả và đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ múa dân tộc của thời đại. Với cuộc sống mới, thẩm mỹ mới, các nhà biên đạo đã đưa vào tác phẩm những nhịp điệu, tiết tấu, cấu trúc mới, tạo ra hiệu quả tác phẩm. Những tác phẩm này chất liệu cơ bản cấu thành tác phẩm vẫn là chất liệu múa dân gian, vẫn còn dấu ấn hay bóng dáng múa dân gian dân tộc đậm nét. Loại dạng kiểu này có đối tượng rộng và trong thực tế đã được chấp nhận, cần được phát triển [4, tr.27].

Ở khuynh hướng này, múa dân gian Khor Mú được nhiều tác giả biên đạo biết đến và ứng dụng nó làm motip chủ đạo trong sáng tác của mình. Có thể kể đến như các sáng tác của NSND Văn Quang với “Những cô gái Khor Mú”; “Mừng gạo mới” của NSND Kiều Lê; “Vũ điệu Khor Mú” của Điêu Thúy Hoàn vv...chất liệu trở thành mô típ chủ đạo trong

các tác phẩm được nhắc lại nhiều lần và đặc biệt mỗi lần nhắc lại đều có phát triển và đổi mới một chút sao cho vẫn giữ được cốt cách, tình thần, dáng vẻ của động tác chủ đạo. Những động tác trong các tác phẩm kể trên như: Động tác chọc lỗ gieo hạt, động tác nện đất, động tác hát mông trước sau và hai bên... đậm màu sắc.

Tác phẩm “Những cô gái Khơ Mú” của biên đạo NSND Văn Quang với những động tác lắc mông của điệu Ong eo nhưng tư thế tay có thay đổi – hai tay của diễn viên múa chụm ngang trước cằm hoặc múa cuộn tay trước bụng. Ngoài ra, trong tác phẩm này, ta còn thấy những động tác truyền thống của múa Khơ Mú được kết hợp nhuần nhuyễn với các động tác sáng tạo khác như: động tác hát chân, hay động tác như múa lăm vông của Lào trong nền nhạc sôi động, tiết tấu nhanh với tính chất vui vẻ.

Tác phẩm “Mừng gạo mới” của NSND Kiều Lê sử dụng động tác lắc mông, đẩy ngực, hát mông, chọc lỗ tra hạt với đạo cụ là chiếc gậy chọc lỗ được làm với rất nhiều tạo hình khác nhau biến hóa và đôi lúc được tạo hình như đang nhảy sạp với tiết tấu nhanh, mạnh, hấp dẫn khiến cho người xem không thể rời mắt khỏi tiết mục dù chỉ một giây.

“Vũ điệu Khơ Mú” của Điêu Thúy Hoàn cũng sử dụng động tác lắc mông của múa ong eo, đẩy ngực, hát mông của múa dũ ống và những động tác vẩy tay so le múa cá lượn, múa đao. Đạo cụ sử dụng trong tiết mục múa này là một chiếc ống nửa dài, to cách điệu và chiếc đao của người Khơ Mú. Những động tác này đều là những chất liệu đặc sắc của dân tộc Khơ Mú nhưng được biên đạo khéo léo kết hợp với nhau hết sức chặt chẽ, hợp lý và hấp dẫn.

Ngoài những tác phẩm múa chuyên nghiệp trên, thì rất nhiều tác phẩm nghiệp dư cũng sử dụng khuynh hướng này trong các Hội thi văn nghệ quần chúng, hay trong các ngày kỷ niệm của ngành.

Chẳng hạn như tác phẩm múa “Mùa về” của đội múa chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Sơn La tham gia hội diễn tại Lào Cai năm 2011 đã sử dụng chất liệu múa Khơ Mú và có sáng tạo thêm những động tác khác nữa. Các cô gái mặc trang phục truyền thống của người Khơ Mú với đạo cụ là chiếc tăng bằng với những động tác của dũ ống (lúc mềm mại, lúc mạnh mẽ) và động tác lắc hông sang phải, sang trái của múa ong eo, động tác đánh vai của múa cá lượn. Nhưng động tác lắc hông và đánh vai được múa với tiết tấu nhanh, mạnh, dứt khoát chứ không mềm mại, uyển chuyển như những điệu múa Khơ Mú nguyên bản. Phụ họa cho các cô gái là những diễn viên nam trong chiếc trống nhỏ với những động tác vỗ trống nhịp nhàng, sôi động.

Hay như tác phẩm múa “Khơ Mú ngày mới” do các sinh viên Học viện ngân hàng chi nhánh Bắc Ninh biểu diễn trong ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2012 cũng sử dụng những động tác của múa ong eo, múa cá lượn. Nam thì múa động tác của chọc lỗ tra hạt với chiếc gậy chọc lỗ cách điệu (ngắn hơn so với chiếc gậy chọc lỗ của người Khơ Mú).

Khuynh hướng sử dụng chất liệu múa dân gian để làm cơ sở phát triển ngôn ngữ tác phẩm được áp dụng với nhiều dân tộc khác nhau và trở thành một khuynh hướng ổn định, được ứng dụng thường xuyên và có hiệu quả.

2.4.3. Khuynh hướng sử dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú kết hợp với động tác luật động múa cổ điển châu Âu

Từ lâu hệ thống các động tác múa cổ điển châu Âu (còn gọi là múa ba lê) đã được coi là chất liệu phương tiện biểu đạt trong quá trình xây dựng ngôn ngữ tác phẩm. Nó tồn tại như là một phương pháp biểu hiện được nhiều quốc gia sử dụng nhằm làm giàu thêm ngôn ngữ múa dân tộc của đất nước mình. Vấn đề quan trọng đó là phương pháp tiếp thu và ứng dụng như thế nào. Múa cổ điển châu Âu còn được coi là ngôn ngữ mang ư nghĩa quốc tế.

Về mặt lý thuyết, hệ thống múa cổ điển châu Âu đã được xác định là thành tựu múa thế giới. Do đó nó đã có mặt ở rất nhiều quốc gia khác nhau. Khán giả các nước chấp nhận một cách tự nhiên hệ thống múa cổ điển châu Âu (ba lê). Chính vì thế đó cũng là lý do xuất hiện ba lê Pháp, Nga, Cu Ba, Úc, Trung Quốc, Việt Nam... Có nghĩa là, sự xâm nhập của múa ba lê tới quốc gia nào thì nó sẽ mang bản sắc dân tộc của quốc gia đó. Tất nhiên, đây là nhiệm vụ của các nhà chuyên môn. Ở khuynh hướng này, các tác giả đã nhào trộn hai yếu tố một cách nhuần nhuyễn, hợp lý. Đó là sự kết hợp giữa múa dân gian với múa cổ điển châu Âu để tìm ra ngôn ngữ tác phẩm (A.28, A.31, A.42). Có nghĩa là khuynh hướng này xuất hiện ở Việt Nam cùng với sự ra đời của nhiều tác giả, tác phẩm. Tác giả Lâm Tô Lộc có viết: "Trong xây dựng nền nghệ thuật múa mới, các biên đạo đã dùng múa cổ điển châu Âu làm phương tiện biểu hiện chính để nói lên một vấn đề Việt Nam" [24, tr.51].

Nhiều tác giả đã có những tác phẩm ứng dụng chất liệu múa dân gian dân tộc theo khuynh hướng sáng tác này, chúng tôi xin nêu một số ví dụ như: múa "Sông Lô", "Tứ bình", kịch múa "Huyền thoại mẹ" của biên đạo Công Nhạc. Kịch múa "Ngọc trai đỏ", "Ánh sáng và con đường", "Lục Vân Tiên" của Việt Cường. Kịch múa "Bông lau trắng", Mùa xuân tình yêu của NSND Ứng Duy Thịnh, kịch múa "Huyền tích Trường Sơn", "Hồng hoang" của NSƯT Bằng Thịnh...

Vậy một câu hỏi được đặt ra, các biên đạo phải ứng xử như thế nào khi hệ thống múa cổ điển châu Âu đến Việt Nam. Múa dân gian Việt Nam sẽ được "nhào trộn" như thế nào với múa ba lê để tạo ra ngôn ngữ tác phẩm múa mang "đậm đà" bản sắc dân tộc Việt Nam. Thực tế khuynh hướng sáng tác này xuất hiện ở nước ta vào những năm sáu mươi, cho đến nay đã có nhiều tác phẩm thành công. Tuy nhiên quá trình phát triển sáng tác múa chuyên nghiệp có không ít những tranh luận khi một số biên đạo sử dụng động tác

múa cổ điển châu Âu trong các tác phẩm của mình. Tiêu biểu trong số đó là tác phẩm “Khát” của Biên đạo NSUT Thanh Nam. Tác phẩm này đã sử dụng chất liệu động tác múa dân gian Khơ Mú làm chủ đạo, đặc biệt ở phần hông, hông, đầu gối, cổ tay, eo và bàn tay. Đây là những động tác mang tính đặc trưng rất độc đáo của múa dân gian Khơ Mú. Đồng thời kết hợp với một số động tác mang tính kỹ thuật thuần túy của múa ba lê ví dụ như: arebesque, attitude, coupe’, port bras, tour chaine’s... Những động tác này chỉ dừng lại ở mức độ hỗ trợ thêm cho sức biểu hiện của nhân vật, không làm mất đi phong cách Khơ Mú, phong cách dân gian của tác phẩm. Nó tồn tại trong cấu trúc ngôn ngữ múa như một phương tiện kỹ thuật làm tăng thêm sự phong phú, hấp dẫn của ngôn ngữ múa Khơ Mú, đồng thời tác phẩm mang tới một "hơi thở" mới. Ngoài ra còn một số tác phẩm sử dụng chất liệu múa Khơ Mú kết hợp với múa Cổ Điển Châu Âu và được kết hợp các chuỗi động tác liên kết với nhau dưới trạng thái động đó là các loại múa dư hứng hoặc múa đồng điệu (tập thể) sử dụng ít hơn. Tiêu biểu là các tác phẩm như: tác phẩm “Khát vọng vùng cao” của biên đạo Diệu Thúy, tác phẩm “Gặp Gỡ Mùa Xuân” của biên đạo Đặng Cường.

Khuynh hướng này được ứng dụng chủ yếu là các hình thức, thể loại múa có nội dung, tình tiết và cho các nhân vật ví dụ như trong thơ múa, tổ khúc múa, kịch múa...

Qua nghiên cứu chúng tôi thấy một số luật động của múa cổ điển Châu Âu được đưa vào các tác phẩm múa Khơ Mú trong thời gian qua chủ yếu là một số tư thế phụ, dáng múa, một số kỹ thuật quay, lật người với mục đích làm tăng thêm tính hiện đại và kỹ thuật hơn. Cách sử dụng đó không làm ảnh hưởng đến bản sắc của ngôn ngữ động tác Khơ Mú. So với các dân tộc khác trong 54 dân tộc Việt Nam, ngôn ngữ múa dân gian Khơ Mú được hệ thống và ứng dụng có muộn hơn. Tuy nhiên khuynh hướng này người ta có thể tìm

thấy trong các chương trình lễ hội hiện đại. Ví dụ như chương trình Seagame 22 chẳng hạn. Một số tư thế như Arabét, gran jetes, xenne... được tái hiện nhiều lần trong một số trường đoạn trong chương trình.

Trên đây, chúng tôi đã trình bày ba khuynh hướng sáng tác múa đó là: Khuynh hướng sử dụng chất liệu múa dân gian nguyên dạng trong tác phẩm, khuynh hướng sử dụng chất liệu múa dân gian làm cơ sở để xây dựng tác phẩm, khuynh hướng kết hợp chất liệu múa dân gian với động tác, luật động của múa cổ điển châu Âu. Đây là ba khuynh hướng sáng tác cơ bản đã và đang tồn tại. Qua tổng hợp phân tích, chúng tôi có một số kết luận như sau:

- Cả ba khuynh hướng sáng tác được ứng dụng như là một phương tiện kĩ thuật, nhằm làm phong phú thêm ngôn ngữ biểu hiện của tác phẩm.

- Cho dù biên đạo sử dụng một phương pháp sáng tác nào, nhưng chất liệu múa dân gian vẫn là chủ đạo trong quá trình xây dựng ngôn ngữ tác phẩm.

- Trên nguyên tắc có thể phối hợp múa dân gian Việt Nam với động tác luật động múa cổ điển Châu Âu, hoặc múa hiện đại... nhưng ngôn ngữ tác phẩm phải “đậm đà bản sắc dân tộc”. Tiếp thu thủ pháp nghệ thuật của nước ngoài nhưng không phá vỡ hoặc làm mờ đi tính dân gian, dân tộc của tác phẩm.

Quá trình phát triển sáng tác múa chuyên nghiệp Việt Nam luôn đón nhận và tiếp thu những kinh nghiệm, khuynh hướng sáng tạo mới không những ở trong nước mà còn đối với cả thế giới. Trên tinh thần tiếp thu để làm giàu cho ngôn ngữ múa dân tộc Việt Nam.

Phần này chúng tôi đã tổng hợp và hệ thống một số khuynh hướng sáng tác múa chuyên nghiệp, trong đó đã sử dụng chất liệu múa dân gian. Đó là những khuynh hướng tiêu biểu cho từng giai đoạn khác nhau. Mỗi giai đoạn đều có thành tựu riêng và đã chứng minh được sự phát triển trong sáng tác múa chuyên nghiệp Việt Nam.

2.5. Một số tác phẩm có ứng dụng chất liệu múa Khơ Mú

2.5.1. Tác phẩm múa ngắn

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đó là sử dụng chất liệu múa Khơ Mú trong quá trình xây dựng tác phẩm múa biểu diễn trên sân khấu. Như phần trên chúng tôi đã trình bày, chất liệu múa dân gian Khơ Mú được sử dụng, ứng dụng đến đâu còn phụ thuộc vào năng lực của các tác giả biên đạo. Để chứng minh cho quan điểm nghiên cứu chúng tôi đưa ra 2 tác phẩm múa sân khấu có sử dụng chất liệu múa Khơ Mú:

+ Tác phẩm thứ nhất: “Vũ điệu Khơ Mú”

Biên đạo múa: NSUT Điều Thúy Hoàn

Âm nhạc: Phạm Tịnh

Tác phẩm được dàn dựng và biểu diễn tại Trường Văn hóa Nghệ thuật Tỉnh Hòa Bình. Tác phẩm đạt giải huy chương Bạc Liên hoan các trường văn hóa nghệ thuật toàn quốc năm 2010.

+ Tác phẩm thứ hai “Mừng gạo mới”.

Biên đạo: NSND Kiều Lê

Âm nhạc: NS.NSUT Đức Trịnh

Tác phẩm được dàn dựng và biểu diễn tại Nhà hát Ca Nhạc Nhẹ Việt Nam. Huy chương vàng Liên hoan ca múa Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc năm 2009.

Hai tác phẩm “những cô gái Khơ Mú” và “Mừng gạo mới” là tác phẩm múa ngắn có thời lượng từ 5 phút 30 giây đến 6 phút. Hình thức múa tập thể và các nhân vật đều là các cô gái Khơ Mú. Có thể nói hai tác phẩm này đều sử dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú một cách khá đậm đặc. Mặc dù giống nhau về cấu trúc nhưng hai tác phẩm của hai tác giả mang lại hiệu quả nghệ thuật khác nhau.

Trước khi phân tích hai tác phẩm, chúng tôi xin trích dẫn một đoạn trong giáo trình “Múa dân gian dân tộc Khơ Mú” của Trường Cao đẳng Múa Việt Nam của giảng viên Trần Đức Viễn. Đây là kết quả sưu tầm, nghiên cứu của nhà giáo. Ông viết:

Những điệu múa truyền thống của người Khơ Mú ngày nay vẫn còn phổ biến là Tăng bu và Hưon mạy. Tăng bu là múa dỡ ống, ban đầu chỉ diễn ra trong các nghi lễ tôn giáo, về sau được mở rộng trong các sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Người ta dùng những ống nứa có đường kính rộng từ 6 – 7 cm, chiều cao ngang tầm ngực để làm đạo cụ. Nam nữ mỗi người cầm một ống đứng thành hai bên, ở giữa có thể đặt một tấm ván gỗ. Khi múa, hai bên nam, nữ dỡ ống xuống sàn theo nhịp 4/4 tạo ra một thứ nhạc đệm cho động tác nhún, xoay mình, nhảy ngang có đánh hông nhẹ. Vào lúc cao trào có thể nhấc chân khỏi mặt sàn, hoặc vừa dỡ ống vừa cúi, hoặc vung ống ngả về sau. Đôi khi họ dỡ ống xuống 03 lần liên rồi ngừng một phách theo động tác nhảy. Thỉnh thoảng lại hú lên vài tiếng, người đứng ngoài cũng hò reo góp vui. [33, tr230].

Như vậy nhà giáo Đức Viễn đã mô tả khá đầy đủ, chân thực những hình ảnh tiêu biểu của một số động tác múa dân gian dân tộc Khơ Mú. Trong những động tác vừa nêu đã thể hiện khá đầy đủ những đặc tính cơ bản của múa Khơ Mú, đó là: Động tác, sự chuyển động của các luật động mang tính thẩm mỹ, múa kết hợp với đạo cụ, sắc thái của động tác, cường độ, tiết tấu của ngôn ngữ múa. Đặc biệt những động tác múa ống cùng những tư thái vặn mình, xoay mình, nhún xuống, bật lên đã tạo ra “phong cách” đặc điểm riêng của múa dân gian Khơ Mú. Người Khơ Mú cư trú không tách biệt hoàn toàn. Họ sống đan xen với nhiều dân tộc khác trong cùng một vùng đất với người Thái, người H'Mông, người Dao, nhưng giữa các cộng đồng tộc người khác

nhau, xét từ góc độ nghệ thuật học, thì múa dân gian Khơ Mú vẫn có những đặc điểm và tính chất sắc thái riêng, đẹp, độc đáo.

Tiếp thu và sử dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú để xây dựng các tác phẩm, cả hai tác giả biên đạo đều đưa vào các tiết mục múa của mình những chất liệu cơ bản của múa dân gian Khơ Mú. Chất liệu cơ bản được chọn lọc, phát triển theo cảm xúc thẩm mỹ của mỗi tác giả lại mang một sắc thái, diện mạo mới. Nói theo cách hiện nay đó là mang “hơi thở” mới của thẩm mỹ đương đại. Điều quan trọng là hai tác phẩm “Vũ điệu Khơ Mú” và “Mừng gạo mới” đều “duy trì” được bản sắc dân tộc của văn hóa múa người Khơ Mú.

Phần trên chúng tôi có nêu một đặc điểm riêng của múa dân gian Khơ Mú được coi là độc đáo. Đó là động tác múa kết hợp với đạo cụ ống nứa. Xét cả hai tác phẩm của NSND Kiều Lê và NSUT Điều Thúy Hoàn đều sử dụng những ống nứa để làm đạo cụ trong tác phẩm của mình.

Múa “Vũ điệu Khơ Mú” đã sử dụng ống nứa để làm đạo cụ. Nhưng ở đây, ống nứa không còn là kích cỡ như nó đang tồn tại trong dân gian. Ống nứa trong tác phẩm được cách điệu hóa lớn hơn và dài hơn. Như vậy ống nứa trong tác phẩm với sự thay đổi như vậy đã trở thành một điểm nhấn trong quá trình biểu diễn trên sân khấu. Mười cô gái cùng nâng cây nứa (được tạo hình lại có đường kính 15 – 20cm) với những vũ điệu khá hấp dẫn. Khán giả cảm nhận được vẻ đẹp tinh thần của dân tộc Khơ Mú đối với thiên nhiên. Họ nâng niu, trân trọng và cây nứa được chuyển động không ngừng trên tay các diễn viên. Một vẻ đẹp của ngôn ngữ múa kết hợp với đạo cụ được cách điệu đã làm tạo hình của ngôn ngữ múa được mở rộng, phát triển nhiều hướng nhiều chiều khác nhau, từ đó tạo nên những cảm xúc thẩm mỹ đối với khán giả trong quá trình thưởng thức nghệ thuật.

Múa “Mừng gạo mới” của NSND Kiều Lê cũng sử dụng đạo cụ là những cây gậy dài. Nhưng khác với tác phẩm “Vũ điệu Khơ Mú” của Điêu Thúy Hoàn. Trong trường hợp này Kiều Lê vẫn cho mỗi diễn viên cầm một cây gậy kích cỡ như động tác múa dân gian. Cây gậy trong tác phẩm “Mừng gạo mới” làm hai nhiệm vụ: Một là tái tạo lại động tác múa dân gian với tư cách là động tác chủ đạo; hai là sử dụng trong việc mở rộng tạo hình, đường nét và không gian của ngôn ngữ múa. Động tác cầm cây gậy dài vót nhọn với mỗi bước đi là một lần chọc xuống sàn. Đây là động tác chọc lỗ tra hạt, một động khá điển hình trong múa dân gian Khơ Mú. Ta thấy động tác ở trạng thái đơn giản và như mách bảo khán giả nhận biết hình ảnh của người Khơ Mú trong lao động sản xuất. Bố cục tác phẩm gồm 3 đoạn A – B – A’. Khi động tác chọc lỗ, tra hạt chuyển sang đoạn sau với tốc độ âm nhạc nhanh dần lên, khi đó động tác cũng được đẩy nhanh hơn để tương thích với âm nhạc. Sự thay đổi này có thể nói tính ứng dụng chất liệu đã phát triển. Những chiếc gậy dài không chỉ đơn giản là nâng lên hạ xuống theo chiều xuống mặt đất. Tác giả biên đạo NSND Kiều Lê đã mở rộng không gian và các tầm hướng của chiếc gậy. Đạo cụ lúc này không còn cảm giác như tự thân như nó tồn tại trong sinh hoạt múa cộng đồng nữa mà mang đến một cảm xúc mới qua sự phát triển chất liệu động tác múa. Thậm chí ở đoạn B những chiếc gậy được tác giả biên đạo sáng tạo thêm một lần nữa đó là các diễn viên đặt tất cả xuống mặt sàn tạo thành những hình ảnh của hoa văn thổ cẩm. Như vậy từ hình ảnh chọc lỗ đến hình ảnh hoa văn thổ cẩm là một bước phát triển xa nhưng vẫn gắn bó trong khuôn khổ giới hạn sắc thái dân tộc Khơ Mú. Cách phát triển này là hợp lý.

Cả hai tác phẩm múa của hai tác giả đều sử dụng động tác múa chủ đạo đó là động tác “đẩy ngực, hát mông” tạo cơ thể thành ba phần: Chân, mình và đầu. Hai bàn tay luôn vẫy ra các hướng. Mỗi khi vẫy tay, phần hông cũng đẩy

theo bên cạnh hoặc trước sau. Cho dù ở hướng nào động tác múa cũng tạo nên những đường cong cơ thể của những cô gái. Có thể nói rằng, tự thân động tác này đã có vẻ đẹp tuyệt vời. Phù hợp với đặc trưng nghệ thuật múa, đồng thời có điều kiện để các biên đạo phát triển, mở rộng sáng tạo làm cho ngôn ngữ múa trở nên đẹp đẽ và hấp dẫn hơn.

Một vấn đề nữa cần được xem xét trong tác phẩm múa sân khấu chuyên nghiệp đó là sự khác nhau về trang phục. Múa dân gian Khơ Mú với những bộ trang phục đẹp do chính những thành viên trong cộng đồng thực hiện. Những bộ trang phục này được gọi là trang phục truyền thống được kế thừa từ nhiều thế hệ. Có thay đổi chút xíu nhưng không đáng kể. Đây chính là cái gốc để nhận diện hình ảnh trang phục của người Khơ Mú. Những ngày tết, lễ hội, hoặc sinh hoạt văn hóa quần chúng, họ đã đưa ra mang mặc. Hầu như tất cả đều giống nhau về căn bản.

Khi chất liệu múa dân gian Khơ Mú “bước lên” sân khấu, qua tư duy sáng tạo của các biên đạo múa chuyên nghiệp thì hầu như mỗi tác phẩm lại mang một dáng vẻ mới. Vấn đề đặt ra đó là cho dù cách điệu hóa nghệ thuật nhưng vẫn phải phản ánh được cái căn bản, cốt lõi của trang phục Khơ Mú. Qua hai tác phẩm “Mừng gạo mới” của NSND Kiều Lê và “Vũ điệu Khơ Mú” của NSƯT Điêu Thúy Hoàn cho thấy màu sắc trang phục đã khác nhau. Một số chi tiết về kiểu cách cũng có chút thay đổi như gấu váy và tay áo... Hiện có những quan điểm khác nhau về cách thể hiện này. Ý kiến thứ nhất cho rằng làm như vậy là đánh mất bản sắc dân tộc xét về mặt trang phục. Cần phải trung thành với dân gian như nó tồn tại trong cộng đồng. Ý kiến thứ hai cho rằng, khi bước lên sân khấu cần phải khác với đời thực. Bởi lẽ qua tư duy sáng tạo của tác giả, với nguyên tắc cách điệu hóa nghệ thuật thì đương nhiên cần có sự “thay đổi nghệ thuật”. Thay đổi theo quy luật của cái đẹp, thay đổi nhưng không làm mất đi cái gốc cơ bản.

Và quan điểm của chúng tôi đồng thuận với ý kiến thứ hai. Sự thay đổi đó là cần thiết. Tác phẩm nghệ thuật luôn tạo ra những cảm xúc thẩm mỹ mới. Cảm xúc nhưng không vượt ra ngoài những “quy định” để làm mất bản sắc văn hóa của dân tộc.

2.5.2. Múa Khơ Mú trong chương trình lễ hội hiện đại

Thực tế những năm qua múa dân gian Khơ Mú đã tham gia trong các chương trình lễ hội hiện đại. Trong phần này chúng tôi xin giới thiệu một chương trình lễ hội mà múa Khơ Mú được coi là chất liệu sử dụng để dàn dựng nội dung tiết mục.

Chương trình nghệ thuật có tiêu đề **“Lai Châu đất với người đã dậy tương lai”**. Đây là chương trình nghệ thuật chào mừng kỷ niệm 10 năm chia tách, thành lập tỉnh Lai Châu và công bố nghị quyết của chính phủ thành lập thành phố Lai Châu.

Chủ đề khá rõ ràng đó là nhằm giới thiệu quảng bá quê hương và con người Lai Châu với bạn bè trong nước. Ca ngợi thành tựu của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lai Châu đã đạt được. Nhấn mạnh thành tựu: Chính trị, kinh tế, văn hóa, bảo vệ an ninh biên giới.

Tác giả kịch bản: Nhà văn Nguyễn Khắc Phục

Tổng đạo diễn: NSND Ứng Duy Thịnh

Tổng thời lượng chương trình nghệ thuật: 90 phút

Số lượng diễn viên: Gồm 350 người

Cùng ê kíp các tác giả biên đạo, nhạc sỹ, thiết kế Mỹ thuật...

Chương trình nghệ thuật gồm 3 chương và 18 cảnh: Chương 1 “Nơi bên trời Tây Bắc có Lai Châu”; chương 2 “Thành phố sức xuân”; chương 3 “Đường lớn đã mở”.

Múa dân gian Khơ Mú tham gia trong cảnh 12 và cảnh 18 (cảnh kết, còn gọi là màn CODA). Nội dung cảnh 12 thể hiện toàn cảnh chợ phiên các

dân tộc Tây Bắc, trong đó có sự xuất hiện của những người dân Khơ Mú. Nếu xét từ nội dung của chương trình lễ hội có chủ đề “Lai Châu đất với người đã dậy tương lai” có thể thấy múa dân gian Khơ Mú đã nằm trong bức tranh tổng thể các dân tộc Tây Bắc. Tất cả cùng làm nhiệm vụ là bằng thứ ngôn ngữ đặc thù của nghệ thuật múa để thể hiện nội dung cuộc sống hiện đại. Nền âm nhạc cho phần múa thể hiện đó là ca khúc “Chợ phiên Lai Châu”, sáng tác của nhạc sĩ Tô Văn. Nội dung ca từ như sau: *“Đỉnh đèo đội trời. Chân đồi đạp suối. Sáng mở cửa gặp núi, đêm kê gói băng rừng, ngày gửi nắng trên lưng, vui tung bừng phiên chợ. Bước vào phiên chợ Đông, má em gọi nắng hồng. Bước tới phiên chợ Đông, váy hoa mừng tung tẩy. Lai Châu tung bừng phiên chợ. Đến Lai Châu để nhớ, bánh rán vùng thơm hây, phở sóng sánh nước tràn. Em mở gói cơm lam. Anh thả vai lu cờ. Rượu ngô...Rượu ngô...Rượu ngô và thắng cố, uống cho cạn chén này, phiên chợ sau gặp gỡ. Ngựa dắt ta về núi, trên đồi xa mờ bụi, nắng vừa trốn sau lưng. Trâu đổ về dốc chuồng. Trời cát đi ngọn lửa. Đến Lai Châu để nhớ, vui tung bừng phiên chợ”*. Bài hát được cất vang bằng giọng nam cao đã tạo cho khán giả cảm xúc tươi vui, nhiều sắc màu của các dân tộc. Đặc biệt giai điệu âm nhạc mang âm hưởng Tây Bắc. Tác giả âm nhạc đã khéo léo thổi hồn vào ca khúc để khán giả cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và đời sống con người các dân tộc Tây Bắc. Từ nội dung ca từ và âm hưởng của các âm thanh đã tạo nên một bức tranh toàn cảnh đa sắc, đa màu. Điều đó đã gợi cảm cho các biên đạo múa đưa chất liệu múa dân gian Khơ Mú bằng những cảm xúc mới, hơi thở mới.

Chất liệu múa dân gian Khơ Mú tham gia trong chương trình này gần như ở thể “nguyên dạng”. Có nghĩa là một số động tác trong múa dân gian Khơ Mú khi ở môi trường sinh hoạt cộng đồng như thế nào thì xuất hiện trong cảnh 12 hầu như không thay đổi nhiều về luật động, đường nét. Yếu tố làm sắc thái và tinh thần của các động tác múa có biến đổi là những động tác múa

Khơ Mú được trình diễn trong một không gian lớn, hiện đại, nhiều màu sắc các dân tộc Tây Bắc. Hơn nữa múa Khơ Mú trong trường hợp này mang tính biểu diễn nghệ thuật. Cũng những động tác đó do các diễn viên chuyên nghiệp thực hiện và như thế rõ ràng động tác múa dân gian Khơ Mú đã được sân khấu hóa, hay nói một cách khác là “mỹ lệ hóa” hơn.

Cũng trong chương trình này ở phần CODA múa Khơ Mú cũng được xuất hiện với một diện mạo và tính chất sôi động hơn. Nội dung thể hiện không khí đổi mới, hiện đại. Một khung cảnh lớn hoành tráng, phong phú đa sắc màu các dân tộc Tây Bắc, anh em ca ngợi sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội của Lai Châu và những khát vọng vươn tới tương lai. Âm nhạc với tiết tấu và hòa thanh hiện đại, tốc độ nhanh, cường độ mạnh. Các động tác múa đều hướng tới tinh thần của nội dung tư tưởng và không khí âm nhạc hiện đại để cấu tạo ngôn ngữ múa. Trong trường hợp này múa Khơ Mú có sự biến đổi nhiều hơn xét về mọi góc độ. Trên cái nền chung đó, giữa các động tác múa dân gian các dân tộc khác nhau khán giả vẫn có thể nhận ra hình ảnh, đường nét, tạo hình cơ bản của các động tác múa dân gian Khơ Mú. Ví dụ như những động tác: vẫy tay, lắc hông... đặc biệt là hình ảnh cơ bản của điệu múa “tăng bu” và “hươn mạy” được diễn ra trên sân khấu một cách sôi động. Những chiếc ống nứa được gõ vào nhau, lên cao, xuống thấp tạo không khí tung bừng, sôi động...

Đặc điểm cơ bản của phần này đó là sử dụng chất liệu múa Khơ Mú được các tác giả biên đạo phát triển phong phú, đa dạng, mang không khí tính chất và hơi thở mới. Chất liệu như một motif chủ đạo để cấu tạo ngôn ngữ múa cho phù hợp với nội dung chương trình.

Từ ví dụ trên cho thấy múa dân gian Khơ Mú sử dụng với tư cách là chất liệu sáng tác được biến hóa không ngừng qua yêu cầu nội dung chương

trình và qua năng lực tư duy hình tượng, tái tạo chất liệu ngôn ngữ của tác giả biên đạo múa.

2.6. Thực trạng múa Khơ Mú hiện nay

Hiện nay múa Khơ Mú đang tồn tại và “chuyển động” trong hai môi trường: Sinh hoạt văn hóa, văn nghệ trong cộng đồng, giao lưu với các dân tộc anh em và trên sân khấu chuyên nghiệp.

Múa Khơ Mú là một di sản của văn hóa dân gian Việt Nam. Xét từ góc độ nghệ thuật sáng tác múa chuyên nghiệp thì từ lâu múa Khơ Mú được coi như một chất liệu để xây dựng các tác phẩm nghệ thuật múa hiện đại. Múa dân gian Khơ Mú tự thân đã là một điểm nhấn trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Đặc biệt trong lễ hội truyền thống của cộng đồng người Khơ Mú. Sử dụng chất liệu múa Khơ Mú để xây dựng các chương trình lễ hội hiện đại và các tác phẩm múa chuyên nghiệp trên sân khấu là một tất yếu trong quá trình phát triển. Tuy nhiên trong hành trình biến đổi đó, cho dù có phát triển đến đâu, hiện đại đến đâu nhưng những giá trị bất biến của múa Khơ Mú không thể bị xóa nhòa. Mặc dù hình thức lễ hội thật sự là một sinh hoạt văn hóa tinh thần lành mạnh của nhân dân với vẻ đẹp và sức hấp dẫn tự thân của nó.

Nhìn nhận lại thực trạng chúng tôi thấy múa Khơ Mú đang tồn tại một số mặt như sau:

- Trước hết phải nói rằng múa Khơ Mú tồn tại trong xã hội hiện đại mang nhiều yếu tố tích cực. Đặc biệt trong lễ hội truyền thống của đồng bào Khơ Mú. Không ai có thể phủ nhận rằng, lễ hội dân gian truyền thống đã làm cho đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân có những nét khởi sắc, sinh động, phong phú hơn. Hình ảnh của dân tộc Khơ Mú cùng những giá trị của di sản văn hóa dân gian trong đó có ngôn ngữ múa dân gian Khơ Mú đã tạo nên hình ảnh nổi trội trong cộng đồng văn hóa các dân tộc Việt Nam. Điều thực tế có thể nhận thấy rằng, lễ hội truyền thống của đồng bào Khơ Mú được tổ chức

thường xuyên với tinh thần: gìn giữ, bổ sung và hoàn thiện dần trong điều kiện kinh tế phát triển. Nó mang giá trị văn hóa, giá trị tinh thần rất lớn trong cộng đồng. Rõ ràng việc thường xuyên tổ chức lễ hội truyền thống trở thành “một cái nôi” gìn giữ và nuôi dưỡng, bảo tồn múa dân gian Khơ Mú. Môi trường này có cơ sở tin cậy để duy trì, đảm bảo ngôn ngữ, bản sắc múa dân gian Khơ Mú không bị mai một. Đây là một bức tranh trung thực phản ánh bản sắc, tính chất, đặc điểm của múa dân gian. Vấn đề tiếp theo đó là các hoạt động văn hóa văn nghệ quần chúng cũng ngày càng phát triển mạnh mẽ. Chính môi trường văn nghệ quần chúng cũng góp phần nuôi dưỡng và giữ gìn múa Khơ Mú. Thực tế trong các chương trình liên hoan hội diễn văn nghệ quần chúng đã có nhiều biên đạo múa dàn dựng những tiết mục múa Khơ Mú hoặc sử dụng múa Khơ Mú làm chất liệu để cấu tạo ngôn ngữ múa trong tác phẩm. Các hình thức hoạt động trên là những yếu tố tích cực trong việc giữ gìn bảo tồn múa dân gian Khơ Mú trong cộng đồng các dân tộc ở Tây Bắc Việt Nam.

- Múa Khơ Mú thực sự trong những năm qua đã có mặt hầu hết trong các lễ hội hiện đại. Đặc biệt tại Khu vực Tây Bắc thậm chí trong nhiều chương trình lễ hội hiện đại quy mô quốc gia. Phải thừa nhận rằng, múa Khơ Mú đã góp phần tạo nên vẻ đẹp, sức hấp dẫn khi nó tồn tại trong các chương trình trên.

- Đội ngũ biên đạo múa được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đa số được đào tạo một cách bài bản chuyên nghiệp qua các trường đại học và cao đẳng như: Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội; Trường Đại học văn hóa Nghệ thuật Quân đội, Trường cao đẳng múa Việt Nam; Trường Múa Hồ Chí Minh và một số trường khác ở cấp tỉnh. Đây là đội ngũ sáng tác múa chuyên nghiệp, họ là người tiếp nhận và sử dụng múa dân gian Khơ Mú với góc độ là một chất liệu để cấu thành tác phẩm múa.

Tuy nhiên còn một số mặt còn chưa được như sau:

- Xét từ góc độ tổ chức, một số lễ hội truyền thống còn tiến hành luộm thuộm, chưa vạch ra một chương trình rõ ràng, cụ thể. Có thể do kinh phí, năng lực tổ chức còn hạn chế, chưa thực sự được quan tâm của lãnh đạo địa phương, chưa thu hút được số lượng đông bà con tham gia, vì thế làm hạn chế, kém phát huy các hình thức diễn xướng dân gian, trong đó có múa Khơ Mú.

- Trong nội dung một số lễ hội truyền thống của đồng bào Khơ Mú bắt đầu đã xuất hiện sự pha tạp và tiếp nhận thiếu chọn lọc khi trình diễn múa Khơ Mú. Để xảy ra trường hợp như vậy theo chúng tôi nguyên nhân đó là bắt đầu có sự xâm nhập của ngôn ngữ múa chuyên nghiệp.

- Có một số biên đạo trẻ thiếu hiểu biết, thiếu kinh nghiệm sáng tác, và chưa tìm hiểu kỹ về văn hóa dân gian nói chung và múa Khơ Mú nói riêng. Đặc biệt tác giả biên đạo khi sáng tác tác phẩm múa mới và lấy động tác múa dân gian Khơ Mú làm chất liệu. Sự thiếu hiểu biết đó, đã dẫn đến tình trạng làm mất đi bản sắc và sai lệch tính chất dân tộc của tác phẩm, khiến cho tác phẩm không đạt hiệu quả cao.

- Nội dung lễ hội truyền thống chưa phong phú, ít sáng tạo, còn nặng về các nghi thức lễ bái hơn hoạt động văn hóa nghệ thuật. Đành rằng trong cấu tạo của một lễ hội bao giờ cũng gồm hai phần: Phần lễ và phần hội. Người tổ chức lễ hội cần có một kịch bản chương trình để điều hòa và cân đối giữa hai phần. Nhằm đáp ứng được nhu cầu của người đến tham gia hoặc dự hội. Trong nội dung lễ hội của đồng bào người Khơ Mú thì nghệ thuật múa đóng một vai trò quan trọng. Tổ chức tốt thì đó là một điều kiện thỏa mãn được mục tiêu của lễ hội. Xét về đặc điểm và giá trị của ngôn ngữ múa dân gian trong lễ hội truyền thống, thì múa Khơ Mú có đầy đủ những tiêu chí nghệ thuật để làm cho lễ hội trở nên hấp dẫn và có ý nghĩa hơn.

- Khi đưa múa Khơ Mú sang tham gia chương trình lễ hội hiện đại do không xác định rõ vai trò mục đích tham gia, đồng thời qua tư duy của người biên đạo thiếu kinh nghiệm đã làm biến chất của múa Khơ Mú. Không ít hiện tượng người xem (khán giả) chỉ còn nhận biết được múa Khơ Mú qua trang phục hoặc lời bình của chương trình. Như vậy, múa Khơ Mú đã đánh mất phẩm chất của mình khi tham gia vào lễ hội hiện đại. Nguyên nhân này chúng tôi xin được xác định như sau: Đó là từ khâu kịch bản đã không rõ ràng, tổng đạo diễn và kể cả kịch bản cũng không xác định rõ vai trò, vị trí của múa Khơ Mú khi phối hợp trong tổng thể với các loại hình nghệ thuật khác. Người ta coi múa Khơ Mú như một trang trí thêm cho nội dung chương trình.

- Thực tế không có người thẩm định được chất lượng nghệ thuật cũng như chất lượng nội dung chương trình. Những yếu tố mới đưa vào có phải là “của thật” hay “của giả”. Và như thế các hiện tượng cứ diễn ra hết năm này đến năm khác, hết chương trình này đến chương trình khác, đến một lúc nào đó những giá trị truyền thống sẽ bị mai một và biến mất.

Chúng tôi nghĩ rằng, cho dù múa Khơ Mú tham gia vào bất cứ hình thức nghệ thuật nào, bất cứ một lý do mục đích nào cũng không được đánh mất bản sắc dân tộc của mình. Đây là một nguyên tắc đồng thời là một trách nhiệm đối với các nhà quản lý, tổ chức, biên đạo múa, thậm chí đối với diễn viên biểu diễn.

2.7. Một số giải pháp bảo tồn và phát triển

Bảo tồn và phát huy văn hóa dân gian nói chung và múa dân gian nói riêng là một trong những nội dung cơ bản của nghị quyết 05 “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”. Như vậy xây dựng, phát triển tiên tiến, hiện đại phải trên nền tảng của văn hóa dân tộc.

Một đặc điểm cơ bản của múa dân gian Khơ Mú được tồn tại trong môi trường lễ hội dân gian truyền thống. Ở môi trường này còn đọng lại và giữ

được những giá trị đích thực. Giá trị đó có thể phản ánh đầy đủ “tâm vóc”, phẩm chất, hình thức của múa dân gian Khor Mú.

Trong quá khứ lịch sử có một giai đoạn các lễ hội dân gian nói chung không được coi trọng, thậm chí không được tổ chức. Vì thế lễ hội dân gian trong thời gian khá lâu đã không được phát triển. Trong trào lưu đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy được đề ra từ đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, di sản truyền thống được nhìn nhận lại một cách đúng đắn, tích cực hơn. Sau nhiều năm tạm thời lắng xuống, lễ hội hiện nay được phục hồi và từng bước tổ chức lại theo hướng tích cực, phù hợp với tâm tư tình cảm của đại đa số các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam. Lễ hội của đồng bào Khor Mú cũng nằm trong dòng chảy và xu hướng đó. Tuy nhiên trong quá trình phát triển không tránh khỏi những biểu hiện lệch lạc như đã nêu ở phần trên. Nhưng chắc chắn chúng ta không thể đòi hỏi ngay một sự hoàn chỉnh và hoàn thiện để trở về với những cái vốn có của nó. Những hạn chế, hoặc tiêu cực sẽ từng bước được giải quyết và khắc phục. Làm sao để lễ hội hiện nay không làm mất đi giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc, và thực sự là một nhu cầu văn hóa, một nhân tố của động lực phát triển xã hội.

Được biết có những cuộc tọa đàm về quan điểm sưu tầm múa dân gian hiện nay, ứng xử với nó như thế nào trong đời sống hiện đại, về mặt quan điểm, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng cần tránh hai khuynh hướng sau:

Khuynh hướng thứ nhất: coi phục hồi nguyên dạng, nguyên bản múa dân gian đang tồn tại trong cộng đồng các tộc người, chưa nhận ra mặt tiêu cực, mặt không phù hợp với điều kiện xã hội hiện đại.

Khuynh hướng thứ hai: cải biến và nâng cao, hiện đại hóa múa dân gian cho phù hợp với xã hội hiện đại, bỏ đi những yếu tố căn bản của di sản múa dân gian, cụ thể múa Khor Mú nói riêng và múa dân gian các dân tộc nói chung.

Tôi cho rằng cả hai khuynh hướng trên đều cực đoan. Tuy nhiên, cho đến nay việc xây dựng một mô hình mới trên cơ sở phát huy những mặt tích cực đặc sắc của dân tộc kết hợp hài hòa với yếu tố hiện đại là một vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. Vì vậy theo tôi, các nhà chuyên môn, quản lý trên lĩnh vực này cần phải có những phương án kế hoạch cụ thể để đưa ra được những mô hình, những phương pháp đi sâu tầm di sản múa, trong việc tổ chức lễ hội truyền thống hay hiện đại cho phù hợp với điều kiện hiện nay.

Sau đây, tôi xin đưa ra một vài giải pháp như sau:

- Cần có sự đầu tư nghiên cứu về lịch sử, sự hình thành và phát triển múa dân gian Khơ Mú như thế nào một cách khách quan khoa học. Không ngừng quảng bá những giá trị đó dưới mọi hình thức khác nhau: trong lễ hội truyền thống; trên sân khấu biểu diễn nghệ thuật múa chuyên nghiệp; trong các chương trình lễ hội hiện đại...

- Lấy nhà trường, công tác đào tạo diễn viên là môi trường nghiên cứu và gìn giữ những giá trị ngôn ngữ múa dân gian. Xây dựng được hệ thống giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo. Công tác đào tạo nhằm hai đối tượng: Diễn viên và biên đạo múa. Đó là lực lượng quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển múa dân gian các dân tộc trong một xã hội hiện đại.

- Không ngừng nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ biên đạo trẻ. Họ là người trực tiếp sáng tạo ra các tác phẩm mới. Một câu hỏi được đặt ra đó là, tác phẩm sẽ như thế nào nếu như tác giả biên đạo không có kiến thức về văn hóa các dân tộc và những hiểu biết, đánh giá cũng như xác định đúng giá trị đích thực của trò múa Khơ Mú nói riêng và giá trị các loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian nói chung. Sự hiểu biết sẽ là nền tảng vững chắc cho các sáng tạo nghệ thuật múa. Tác phẩm hay sản phẩm sáng tạo có tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc hay không là hoàn toàn phụ thuộc vào kiến thức, sự hiểu biết cùng với lương tâm, trách nhiệm của tác giả.

- Trước tình hình thực tế hiện nay, các hoạt động văn hóa văn nghệ rất phát triển. Thậm chí có những hoạt động tỏ ra “vô lối”, không được định hướng rõ ràng, không có duyên cớ để tổ chức, chất lượng kém. Vì thế rất cần có một bộ phận, hoặc những người có trình độ chuyên môn cao để thẩm định một cách chuẩn xác trên tinh thần bảo tồn và phát huy những giá trị dân tộc. Nếu không có sự thẩm định đúng đắn, có chuyên môn chuyên sâu sẽ dẫn đến tình trạng mai một dần những giá trị hoặc bị bóp méo sai lệch di sản của quá khứ.

Tiểu kết chương 2

Ứng dụng chất liệu múa dân gian dân tộc Khơ Mú trong quá trình sáng tác tác phẩm múa được người viết luận văn đưa ra và giải quyết trên cơ sở lý luận và thực tiễn. Vấn đề đầu tiên được phân tích, luận giải và quy nạp đó là làm rõ đặc điểm, tính chất của chất liệu múa Khơ Mú. Chất liệu được coi là cơ sở để tạo ra ngôn ngữ múa cho tác phẩm. Chất liệu được nhìn nhận ở các góc độ, mức độ khác nhau như cốt lõi vấn đề đó là “con đường” trong quá trình sáng tạo phải đưa ra một sản phẩm “bước lên” sân khấu phải mang được bản sắc đích thực của dân tộc đó. Trong đề tài này tác giả luận văn đã phân tích chứng minh để nhận diện rõ chất liệu múa dân gian Khơ Mú trong các tác phẩm sân khấu. Từ chất liệu đến tác phẩm sân khấu là một quá trình sáng tạo. Vấn đề tiếp theo người viết làm rõ nội hàm của một tác phẩm múa chuyên nghiệp. Giải quyết vấn đề này nhằm làm rõ sự khác nhau giữa múa dân gian và tác phẩm múa chuyên nghiệp. Qua đó để nhận biết các phương pháp khuynh hướng sử dụng chất liệu múa dân gian như thế nào. Nghệ thuật biên đạo và tác phẩm nghệ thuật là khâu cuối cùng để tác phẩm “bước lên” sân khấu biểu diễn (trong nhà hát hay chương trình lễ hội được tổ chức ở sân vận động). Vì thế nội hàm của các vấn đề đặt ra được người viết giải quyết qua quá trình phân tích. Từ đó tác giả luận văn tiếp tục chứng minh bằng các tác phẩm múa và chương trình nghệ thuật có sử dụng chất liệu múa dân gian dân tộc Khơ Mú đã thành công và được các giải thưởng cao trong các cuộc thi của nhà nước hay các khu vực tỉnh thành.

Thực trạng và giải pháp là nội dung được đặt ra và giải quyết trong luận văn. Từ thực tế sân khấu biểu diễn trong một số năm qua, người viết đã tổng hợp và đúc kết một số vấn đề trong quá trình sáng tạo tác phẩm múa với những ưu điểm, hạn chế và một số giải pháp.

KẾT LUẬN

Dân tộc Khơ Mú là một tộc người có từ rất lâu đời với nhiều nét sinh hoạt văn hóa độc đáo. Các nghi lễ và những nét văn hóa đặc trưng trong cuộc sống lao động và môi trường sống đã để lại một di sản nghệ thuật múa dân gian Khơ Mú đặc sắc, độc đáo, điển hình như: Múa Cá lượn (Viêng ver guông), Múa đuổi chim (Tẹ Kam Đặt Sim); múa cầu mùa (Te gro); múa mừng nhà mới; múa dũ ống (tăng bu); múa tra hạt. Đặc biệt điệu múa mừng nhà mới với một số động tác gần như mô phỏng cho quy trình lao động như: đo đất, dậm đất, chẻ lạt, đánh néo, ném tranh, lên cầu thang. Trong chương 1, người viết nêu những vấn đề có liên quan đến nội dung của đề tài đó là: Trữ lượng các động tác múa tiêu biểu của dân tộc Khơ Mú, cũng như sắc thái ngôn ngữ động tác múa mà trong quá trình người viết tìm hiểu và nắm bắt được; làm rõ đặc điểm, giá trị, vai trò của múa dân gian Khơ Mú trong quá khứ và hiện tại. Một số nội dung khác như trang phục của người Khơ Mú; âm nhạc cho múa. Tất cả những nội dung được nêu ở phần đầu chương 1 có ảnh hưởng, tác động và quan hệ đến sự hình thành múa dân gian dân tộc Khơ Mú.

Chương 2, người viết luận văn cố gắng làm rõ khái niệm và nội hàm của chất liệu múa; phân tích và chứng minh các khuynh hướng sử dụng chất liệu múa Khơ Mú trong sáng tác. Đó là những khuynh hướng tiêu biểu cho từng giai đoạn khác nhau. Mỗi giai đoạn đều có thành tựu riêng và đã chứng minh được sự phát triển trong sáng tác múa chuyên nghiệp Việt Nam.

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đó là sử dụng chất liệu múa Khơ Mú trong quá trình xây dựng tác phẩm múa biểu diễn trên sân khấu. Như phần trên chúng tôi đã trình bày, chất liệu múa dân gian Khơ Mú được sử dụng, ứng dụng đến đâu còn phụ thuộc vào năng lực của các tác giả biên đạo. Để chứng minh cho quan điểm nghiên cứu chúng tôi đưa ra 2 tác phẩm múa sân khấu có sử dụng chất liệu múa Khơ Mú: Đó là tác phẩm: “Vũ điệu Khơ Mú”, biên đạo múa NSƯT Điều Thúy Hoàn và tác phẩm “Mừng gạo mới”

biên đạo: NSND Kiều Lê. Có thể nói hai tác phẩm này đều sử dụng chất liệu múa dân gian Khơ Mú một cách khá đậm đặc. Từ phân tích, lý giải hai hiện tượng trên chúng tôi đã làm rõ vai trò của chất liệu múa dân gian Khơ Mú trong nghệ thuật xây dựng tác phẩm biểu diễn sân khấu múa chuyên nghiệp.

Thực tế những năm qua múa dân gian Khơ Mú đã tham gia trong các chương trình lễ hội hiện đại. Trong phần này tác giả giới thiệu một chương trình lễ hội “Lai Châu đất với người đã dậy tương lai” mà múa Khơ Mú được coi là chất liệu sử dụng để dàn dựng nội dung các phần, chương, đoạn trong chương trình. Trong chương trình các tác giả biên đạo và tổng đạo diễn đã sử dụng nhiều chất liệu múa dân gian Khơ Mú để cấu tạo ngôn ngữ múa. Chất liệu múa Khơ Mú được biểu hiện một cách sinh động và nhiều biến đổi. Đây là một quy luật tất yếu khi chuyển sang một môi trường trình diễn mới và hiện đại. Sự dụng chất liệu để sáng tác là một thao tác vừa có tính lý luận và thực tiễn. Nắm được tất yếu sẽ làm nền tảng tốt cho chất lượng nghệ thuật của chương trình.

Trên cơ sở phân tích các tác phẩm múa Khơ Mú tiêu biểu đó, người viết đã tìm ra những yếu tố tích cực và một số mặt còn hạn chế của các biên đạo khi sử dụng chất liệu múa Khơ Mú trên sân khấu hiện nay. Sau đó người viết đã mạnh dạn đưa ra một vài giải pháp cần thiết để nâng cao chất lượng múa dân gian Khơ Mú trên sân khấu cũng như để bảo tồn và phát triển loại hình múa này.

Múa dân gian Khơ Mú được nhìn nhận là một di sản quý của nghệ thuật múa dân tộc. Từ lịch sử đến đương đại đã liên tục ổn định và phát triển qua các sáng tạo tác phẩm nghệ thuật múa sân khấu ở các hình thức thể loại khác nhau. Sử dụng chất liệu để xây dựng nên tác phẩm biểu diễn là một vấn đề khó, phức tạp luôn chuyển động để cập nhật những thông tin mới. Tác giả luận văn hy vọng rằng, qua nghiên cứu, đánh giá, tổng hợp các vấn đề trong nội dung, kết quả nghiên cứu sẽ là một tài liệu dùng để tham khảo, một đóng góp hữu ích cho sự phát triển nghệ thuật múa chuyên nghiệp Việt Nam ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Kế Bính (1995), *Việt Nam phong tục*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
2. Hoàng Hữu Bình (1998), *Các tộc người ở miền núi phía Bắc Việt nam và môi trường*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Lê Ngọc Canh (1997), *Khái luận nghệ thuật múa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Lê Ngọc Canh (1998), *Múa tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Nxb Khoa học – Xã hội, Hà Nội.
5. Lê Ngọc Canh (1998), Tạp chí Văn hóa dân gian, *Suy nghĩ về truyền thống và hiện đại trong nghệ thuật múa*, số 3+4.
6. Lê Ngọc Canh (2001), *Một trăm điệu múa truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa – thông tin, Hà Nội.
7. Lê Ngọc Canh (2002), *Đại cương nghệ thuật múa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Cù Huy Cận (1994), *Nghệ sĩ nhân dân Thái Ly*, Hội nghệ sĩ múa Việt Nam xuất bản.
9. Trần Tất Chung (2005), *Văn hóa vật chất người Kơ Mú ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Trần Tất Chung (2000), Tạp chí Dân tộc học, *Tục làm “nhà nhảy” của người Kơ Mú ở Nghệ An*.
11. Trần Tất Chung (2000), Tạp chí Dân tộc học, *Vài nét về y phục của người phụ nữ ở Nghệ An*.
12. Trần Tất Chung (2000), Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, *Vài nét về nghi lễ trong ăn uống của người Kơ Mú*
13. Không Diễn (chủ biên), 1999, *Dân tộc Kơ Mú ở Việt Nam*, Nxb văn hóa dân tộc, Hà Nội.

14. Trịnh Xuân Định (1994), Tạp chí Nhịp điệu (Hội nghệ sĩ múa Việt Nam) *Múa dân gian – cội nguồn của chuyên nghiệp*, số 1/ 1994,.
15. Phạm Thị Điền (2000), *Múa dân gian Bắc Bộ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
16. Tạ Quang Động (2008), Tạp chí văn hóa nghệ thuật, *Cây Đao của người Khơ Mú*, Số 288, tháng 6/2008.
17. Nhiều tác giả (1989), *Văn hóa dân gian những lĩnh vực nghiên cứu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Hiền (2005), *Giáo trình nghệ thuật biên đạo múa*, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội xuất bản.
19. Nguyễn Thị Hiền (2008) , *Nghệ thuật biên đạo múa*, Nxb Văn học
20. Đặng Hùng (2000), *Phương pháp sáng tác múa*, Nxb Văn nghệ TPHCM
21. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (1998), *Giữ gìn và phát huy tài sản Văn hóa các dân tộc ở Tây Bắc và Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội.
22. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (2001), *Một thế kỉ sưu tầm nghiên cứu Văn hóa văn nghệ dân gian*, Nxb Văn hóa thông tin Hà Nội
23. Lâm Tô Lộc (1994), Tạp chí văn hóa dân gian, *Múa dân gian*, số 4, H
24. Lâm Tô Lộc (1994), *Múa dân gian các dân tộc Việt Nam*, Nxb văn hóa dân tộc, Hà Nội
25. Lâm Tô Lộc (1979), *Nghệ thuật Múa dân tộc Việt*, Nxb văn hóa, Hà Nội.
26. Thái Phiên (1986), Tạp chí Văn hóa dân gian, *Khái quát một số nhận thức về múa dân gian và sự phát triển của múa dân gian*, số 1.
27. Hoàng Việt Quân (2008), *Ngọt ngào quê mới*, Nxb Lao động, Hà Nội (tập ký).
28. Hoàng Việt Quân (1998), *Tìm trong dân gian*, (Khảo cứu- biên soạn).

29. Ngân Quý (2007), *Vấn đề kế thừa và phát triển múa dân gian Việt Nam*, Nxb Hội nghệ sĩ múa Việt Nam.
30. Ngân Quý (1984), Tạp chí Văn hóa Dân gian, *Nghệ thuật múa dân gian Việt Nam trên lĩnh vực huấn luyện*, Số 4.
31. Chí Thanh (1998), *Di sản múa dân gian vùng Tây Bắc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
32. Vương Hoàng Tuyên (1963), *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
33. Trần Đức Viễn (2006), *Giáo trình múa dân gian dân tộc*, Trường cao đẳng Múa Việt Nam xuất bản

TÀI LIỆU THAM KHẢO BẰNG HÌNH ẢNH



Hình 1.1A: Múa ong eo. Nguồn: danviet.vn ngày 8/8/2011



Hình 1.1B: Múa ong eo. Nguồn: cvdvn.net ngày 3/6/2016



Hình 1.2: Múa cá lượn. Nguồn: photocontest.vietnamheritage.com.vn ngày 25/9/2015



Hình 1.3: Múa tầm đao. Nguồn: vov.vn ngày 17/11/2015



Hình 1.4: Múa Hưn mạy. Nguồn: hoingodulich.com



Hình 1.5A: Múa chọc lỗ tra hạt. Nguồn: baotintuc.vn ngày 20/11/2015



Hình 1.5B: Múa chọc lỗ tra hạt. Nguồn: hoingodulich.com



Hình 1.6 A: Múa Tăng bu tăng bằng (múa dũ ống). Nguồn: hoingodulich.com



Hình 1.6B: Múa Tăng bu tăng bằng (múa dũ ống). Nguồn: hoingodulich.com



Hình 1.7: Múa đuổi chim. Nguồn: dantocviet.cinet.gov.vn ngày 26/2/2014

DANH MỤC TÁC PHẨM MÙA KHƠ MÚ

1. Vũ điệu Khơ Mú
2. Mừng gạo mới
3. Những cô gái Khơ Mú
4. Những chàng trai Khơ Mú
5. Xuân về trên bản Khơ Mú
6. Cầu mùa
7. Mùa Khơ Mú
8. Mùa về
9. Khơ Mú ngày mới
10. Khát
11. Gặp gỡ mùa xuân
12. Khát vọng vùng cao
13. Lai Châu đất với người đã dậy tương lai

**CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ CÓ
LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG LUẬN VĂN**

“Sưu tầm, nghiên cứu các điệu múa dân gian trong lễ hội văn hóa các dân tộc Tày, Thái, Khơ Mú tại huyện Văn Chấn và thị xã Nghĩa Lộ”